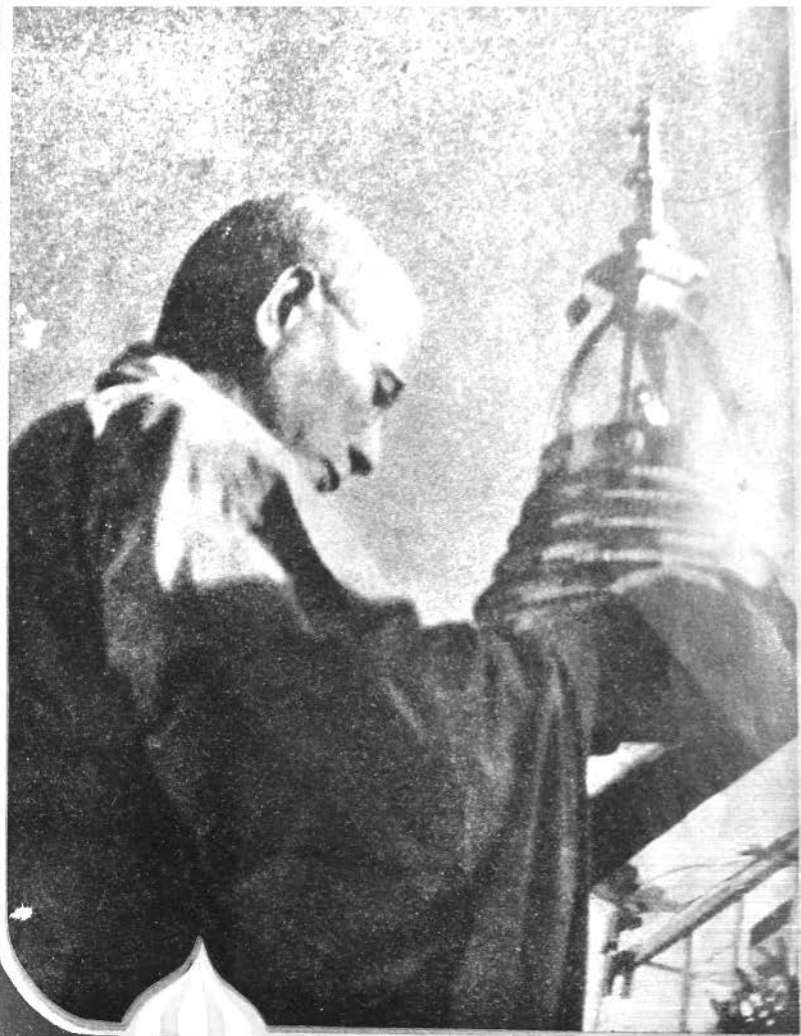




3-4
LIÊN HÒA

ĐẶC SAN PHÁT HÀNH 2508

LIÊN-HOA

NGUYỆT - SAN

Chủ-nhiệm: THÍCH ĐÓN - HẬU

Tổng Thư.ký: THÍCH ĐỨC-TÂM

Quản-lý: THÍCH NỮ ĐIỀU-KHÔNG

Tòa-soạn 66 Chi - Lăng — Hộp thư 24 HUẾ

ĐẶC-SAN PHẬT-ĐẢN NGÀY 15-4 GIÁP-THÌN (26-5-64)

TRONG SỐ NÀY:

Kỷ-niệm Phật-Đản 2508

Sức mạnh con người

Xuất-thế (Thơ)

Phật-giáo đạo sống của loài người

Bảy nàng công chúa

Cuộc vận động của Phật-giáo Việt-Nam

Đón trăng... (Thơ)

Vì sao các Vị sư đã tự thiêu?

Phật-giáo và nghệ thuật cắm hoa của

Nhật-Bản

Cuộc tiếp xúc Đại-Đức Bửu-Chơn

Tình mẫu tử (Thơ)

Tính cách-kỳ-thị tôn-giáo của Nhu Diệm

Giới thiệu Hải-Triều-Âm

Mơ tiếng hồng chung

Vườn thơ đạo lý

Nhìn qua cơn pháp nạn 2507

Nhân ái từ bi

Liên-Hoa

Tịnh-Như

Tường-Phong

Thích Thiện-Chân

Dạ-Quang

Thích Tri Quang

Quách-Tấn

Trích báo Noir et Blanc

Huyền-Không

T. Hoan và T. Thuận

Doãn-Quốc-Sỹ

Donalds Harrington

T.T. Tâm-Chân

Dương Tr. Giang

Nguyễn-Hạnh

Thế-Hữu

Lan-Hoa - tu-nữ

THƯ VIỆN
VIỆN ĐẠO ĐỨC PHẬT HỌC
SAIGON

Hoài niệm

Tiếng vang Quốc-tế

Mở giòng lịch-sử (Thơ)

Tuổi xanh ngồi ánh đạo

Những giòng nghệ thuật

Phỏng vấn B. S. Wulf

Kính lạy Phật (Thơ)

Trăng Ashau

Một cái chết với kẻ tha hương

Phật-giáo Việt-Nam qua phong dao tục ngữ

Tin tức

Bìa của Họa-sĩ Phạm-Đổng-Trí trình bày

Trần-Thần

Tâm-Phước

Ta-ê-Mai

Văn-Thương

Thạch Trung-Giã

Phái viên Liên-Hoa

X. H.

Hoàng-Trang-Châu

Công Huyền Trương
Quế

Nguyễn-thị-Tuyết

Số đôi tháng 3 và 4 Giáp-Thìn



Giá báo một năm :

- Trong tỉnh : 110\$ — Ngoài tỉnh : 120\$
- Công-sở và ngoại-quốc 240\$.

Kỷ - niệm PHẬT - ĐẢN 2508



LÀ Phật-tử, ai chẳng nghĩ đến việc báo ân Phật, một trong bốn trọng ân mà cứ mỗi năm lại được kết tinh trong ngày kỷ-niệm Phật-Đản trong nước và trên khắp thế giới.

Sau mùa pháp nạn, lễ Phật-Đản năm nay, lần thứ 2508 đang ghi đậm nét vàng son một trang sử hào hứng về một cuộc tranh đấu vĩ đại nhất trong giáo sử của những người con

Phật đề báo ân Phật. Một sự tình cờ nhưng đầy đủ ý nghĩa đã khiến cho ngày Phật-Đản từ nay cũng là ngày các Thánh-Tử-Đạo, là ngày khởi điểm của biết bao nhiêu sự cúng-dường hy-sinh khác của hàng Phật-Tử, quốc nội và hải ngoại, đề viên thành những thiện niệm **báo ân**.

Những sự kiện lịch-sử đó đang trở lại và hướng về một cứ điểm vô cùng quan trọng, đó là một ngày vĩ đại nhất, ngày Đức Phật xuất thế. Ngày ấy đang tỏa rạng trong thâm tâm mỗi người Phật-tử đang hồi hướng tất cả công đức về ngày ấy, để báo trọng ân.

Vì như ai nấy đều biết, nguyên nhân lớn của sự xuất thế của Thế-Tôn là đem tri kiến tỏ ngộ chứng sinh, tảo trừ mê vọng đề diệt đau khổ, tiến tới giải thoát an lạc. Thấu hiểu điều đó,

Tăng, Ni và Phật-tử thuộc tất cả mọi giai tầng, trong suốt bao lâu nay cho đến ngày pháp nạn đã cùng nêu cao tinh thần vô úy, đức độ từ bi bất bạo động, động-viên trí giác và tình thương vô hạn, diệt trừ mê vọng từ trong đến ngoài cho kỳ được, đề dần đáp trong muôn một ơn Phật xuất thế cứu độ chúng sinh.

Những tấm gương báo ân Phật xán lạn nhường bao!

Ngày này, năm ngoái, chính trong đêm Phật Đản, những người con Phật đầu tiên, các thánh tử đạo, ngã gục trên vũng máu đào, với nụ cười tươi, trước sự đàn áp tàn bạo của dục vọng bạo tàn, tấm gương tử đạo, muôn đời chói lọi đã gây xúc động lớn lao trên toàn thế giới.

Rời đến sự hy-sinh cao cả của Hòa-Thượng Thích Quảng-Đức và các vị Tăng, Ni, Phật tử khác, tự thấp ngọn đuốc của nhục thân mình để soi sáng bờ vực thẳm hầu tỏ ngộ cho những kẻ mê lầm, đã làm rung động hoàn vũ, đã có một sức mạnh vô song làm cho các lực-lượng phản-động, cho lũ ma-vương kinh tâm tán đởm, cảnh tỉnh được lương tri của con người tà vọng.

Rời đến anh chị em trong các Gia-đình Phật tử, học-sinh, sinh-viên, hướng-đạo Phật-tử, anh lao-động, chị tiểu-thương, anh công-nhân, bác nông-phu, ông già bà lão v.v. tất cả, đều góp phần tranh-đấu bảo-vệ chánh pháp chống tà vọng cuồng si, cũng đều chung quy trong một niệm, báo ân Phật, tức là ý chí muốn sống tử ngọ và giải-thoát... thoát-ly màn lưới của mê lầm đau khổ.

Kỷ-niệm Đản-sinh, chính thị là đề cao tinh-thần báo ân Phật, báo ân một cách thiết thực, hợp lý, trong ý nghĩa Xuất-thế của Đức Phật. Chúng ta ôn cố những gương báo ân Phật tử trước đến nay, đề tu-chỉnh lại một quan-niệm báo ân nghiêm-chỉnh và thực tế.

Những cơn bão tố phũ phàng, những đám mây đen ngịt đang lồi cuốn và vây phủ thế gian và xứ sở; Chúng ta không có quyền chần chờ, lơ là, giải đãi nữa. Chúng ta phải tích cực báo ân Phật bằng những hành-động cụ thể trong hoạt-động hằng ngày của chúng ta, thấm nhuần đậm ý nghĩa ngày Đản sanh để làm động cơ thúc đẩy tiến bộ cho chúng ta.

Chúng ta tắm gội trong hồng ân của Đức Phật, chúng ta đón mừng Đản sinh Đức Phật như là **một lễ sống mới**, từ bóng

tối lần ra ánh sáng, từ chán nản điều linh chuyển ra niềm hy vọng, từ sân si ác nghiệp tiến bước đến Từ-Bi Hy-Xã,

Chúng ta báo ân Phật tức là xây-dựng an lành, trong Giác-Ngộ và Giải-Thoát.

Hãy nêu cao tinh-thần thực-lực cải-tạo của mỗi người đánh tan mọi tha lực cuồng bạo, hãy kết hợp nhau lại, bớt dục vọng, thêm tình thương, đặt quyền lợi chung lên trên quyền lợi riêng. Hãy biểu dương tinh-thần bất khuất và vô úy trước tất cả mọi thứ bất công, mọi thứ tội ác. Hãy xây-dựng sức mạnh cho tình thương để chứng minh tiếng nói của Từ-bi, để giữ thế quân-bình cho một thế giới đang bị chia rẽ trầm trọng và đang sống điều linh trong thù hận.

Chỉ đã quyết đem đức Từ-bi ứng đường Đức Phật để thanh toán mê vọng đau khổ thì đồng thời cũng phải đặt luôn cả vấn đề Hy-Xã kèm theo, vì nếu không hy-sinh một cái gì hết, cứ khấn khấn ôm giữ sợ thiệt thòi bản thân, đưng chạm tài sản, bám chặt danh vọng, nặng nề tình cảm bè phái riêng tư thì làm sao mà từ-bi nổi, làm sao Báo ân Phật được ? Và cuộc đời còn đâu ý nghĩa ?

Chúng tôi xin mượn ý-kiến của một nhà trí-thức Phật-tử để kết-luận bài này : « Đã lâu lắm rồi Phật-tử chúng ta nhận giải đãi làm từ-bi, nhác sợ làm hy-xã, thụ-động làm thương người ». Ý-kiến này, nhà trí-thức đã phát biểu trước mùa pháp nạn. Sự thật bây giờ đã khác xưa. Phật-tử tất cả các tầng lớp, không cứ giàu nghèo, sang hèn, già trẻ, trai gái, ai nấy đều đã tự mình nhận thấy rằng muốn cứu mình cứu giống nòi, dân tộc và nhân loại, chỉ có thể và phải :

- Tinh tấn thực hiện từ bi
- Dừng cầm hy-sinh cho chính-pháp, đặt quyền lợi chung trên quyền lợi riêng.

Và tích cực hoạt-động không ngừng khi bất công đàn áp còn đè nặng trên kiếp sống con người, tham sân si đang giở phần ưu thế ...



Kính lạy đức Từ-Bi gia hộ cho thành ý của chúng con ...

LIÊN-HOA

Sức mạnh con người



TỊNH NHƯ

TÔI với Phật-giáo, giá-trị con Người thật là tối thượng. Con người có quyền phá hoại tất cả và cũng có quyền xây dựng tất cả. Con người **làm lấy** vận mệnh của chính mình và tự mình hoàn toàn chịu lấy trách nhiệm.

Sự sống, đối với Phật-giáo, như đã nhiều lần đề cập, vốn không phải ngẫu nhiên hên hủi và cũng không do một đấng Thần-linh nào sáng tạo. Sự sống chỉ là kết quả của tâm niệm và hành động của con Người; và cũng bởi tâm niệm và hành động đó, con người có thể tự mình dựng lấy Thiên-Đường hay chốn mình đời đời ở Địa-ngục. Lửa Máu của thế-kỷ hai mươi mà con người đang hụp lặn, và tự chìm mình trong hụp lặn, không phải do sự giáng họa từ một thiên ý mầu nhiệm mà nhất định là do ở tham vọng và tàn bạo của con người. Con người đã tự biến mình thành Quỷ-sứ và cũng chỉ có con người mới lột bỏ được cái mặt nạ đen ngòm dục-vọng và lấy lụa xương máu kia đi.

Cho nên, đối với Phật-giáo, thái-độ ngu-muội nhất là thái-độ cúi đầu nhận làm tôi mọi cho Thượng-đế hoặc làm nô-lệ cho một định-mệnh siêu-nhiên. Bên cạnh thái-độ đó, Phật-giáo cũng không chấp nhận quan-niệm duy vật, một quan niệm phiến diện, hạ thấp giá-trị con người và

vì không nhận-thức được nguyên-lý nhân-quả qua sự biến hiện của tâm-thức, nên đã đẩy con người đến một tình-trạng khủng-hoảng trầm-trọng và bi đát.

Con người làm lấy vận mệnh của mình. Đó là tuyên ngôn vĩ-đại của Phật-giáo và cũng là nhận thức quan trọng của người Phật-tử về cách-mạng cá-nhân, gia-đình, quốc-gia, xã-hội. Sức mạnh của con người là một sức mạnh bất tận và bất diệt. Và Phật-giáo là một tôn-giáo, một đường lối sinh hoạt nhằm khai thác sức mạnh đó để thăng-hoa cuộc sống theo một chiều hướng hợp lý và tiến bộ. Trong nhận định đó, Phật-giáo là tôn-giáo của Tiến-Hóa và cũng là tôn-giáo của Cách-mạng vậy.



Khi sức mạnh được vận dụng đến triệt để, thì sức mạnh đó là Dũng. Nhưng Dũng không phải là sức mạnh của áp bức bạo tàn, khủng bố mà là sức mạnh của Trí-tuệ và Từ-Bi. Cũng nhờ sức mạnh tâm linh đó, sức mạnh bất khuất và liên tục không ngừng, mà cách đây hơn 2500 năm, đức Thế-Tôn đã chiến thắng được sự mê hoặc của nhung lụa vàng son để xuất-gia cầu đạo. Và cũng nhờ ở sức mạnh tâm linh đó, đức Điều-ngự Trượng-phu đã hàng phục được ma-vương và chương ngại để chứng đạo dưới gốc Bồ-đề. Và cũng chính nhờ ở sức mạnh tâm linh đó mà các Thánh-Tử-Đạo đã anh dũng vị pháp thiêu thân để biểu dương giá trị tự do tối thượng của con người trước ma lực bạo tàn khủng khiếp,

Đạo Phật là Đạo Cứu-khổ, Đạo Giải-Phóng, Đạo Bình-Đẳng, đạo Tự do. Ở đâu có tiếng khóc than là ở đấy có đạo Phật. Ở đâu còn có Áp bức, bất công là ở đấy có bàn tay của người Phật-tử. Đạo Phật phá-hoại triệt để mọi dục vọng dè hèn của cuộc sống và kiến thiết triệt để một xã-

hội hạnh - phúc an vui, Đạo Phật tin tưởng ở khả năng sáng tạo của con người, bởi vì địa vị con người mới là Địa vị tối thượng, bởi vì chỉ có con người mới làm Thượng-đế cho chính mình, ngoài ra không còn một quyền năng nào khác. Con người tự làm lấy số phận, tự hành phạt mình bằng máu lửa và cũng tự mình dựng được Cực-lạc Trần-gian. Nhưng khả năng sáng-tạo của con người phải được thể hiện thành sức mạnh. Sức mạnh siêu tuyệt đó là Đại Dũng vậy.

Đạo Phật không phải là chủ thuyết chán đời, bi quan; tiền cực. Trái lại đạo Phật là đạo của cuộc sống, cấp-cứu cuộc sống và cách-mạng cuộc sống. «Ta không vào Địa-ngục thì ai vào Địa-ngục» đó là mục đích hóa đồ của Bồ-Tát, lẫn xả vào Đau khổ của cuộc đời để cứu khổ ban vui.

Cuộc tranh đấu của Phật-giáo là một kinh nghiệm lịch-sử về sức mạnh của con người và chứng minh được khả năng sáng tạo tuyệt đối của con người. Chúng ta phải tin tưởng ở sức mạnh bất bạo động đó để bảo vệ những chân giá trị của con người và để kiến tạo một xã-hội đầy yêu thương Hạnh-Phúc.

Đề Kỷ - niệm ngày Đản - sanh của Đấng Từ-Phụ muốn loài và đồng thời kỷ-niệm các Thánh Tử - Đạo, chúng ta chỉ biết dâng lên một lời nguyện: Nguyên đem Tinh Thương không hận thù. Trí-tuệ không phân biệt, và sức mạnh không khuất phục để chuyển hóa cuộc đời, tiêu diệt và bồi dưỡng hai sức mạnh hiện hữu; Sức mạnh của bạo tàn dục vọng và sức mạnh của khoa học vô trí,

**Toàn thể Phật-tử hân hoan
kính mừng ngày Phật - Đản.**

XUẤT THẾ

GIÁNG - Thế diễm lành ngợp sắc mây
Màu xanh đúc ngọc nổi ngàn cây ;
Đội-băng từ biên bay vào đất
Cùng hát cùng ca với hội này.

Hy-mã-lạp-sơn cao chất ngất
Nghìn năm tuyết trắng ngủ thời-gian
Bỗng dưng gió thổi thắm lòng đất
Suối ngọt tuôn rơi tựa tiếng đàn !

Lắng xuống muôn nghìn bọt sóng trôi
Sông Hằng biêng-biết nước như trời
Có nghe hương lạ Ưu-Đàm nở
Một triệu năm rồng nở một thời !

Đạo-sĩ tham thuyền trên núi cao
Bỗng nghe khúc hát tự phương nào
Run run trời dậy trên đầu gối
Vội vã đi về theo ánh sao...

Này nhé, Ca-Tỳ-La-Vệ đây
Chim mang trái quý cúng dâng trời !
Hoa bay theo gió trong khi gió
Trời nhạc thiên-tiên để giải bày :

Mặt đóng Chân-Nhân vừa Xuất thế
Đôi vầng nhật nguyệt bỗng tỉnh khời
Hào quang xóa hết ưu phiền đó
Dưới góc Vô-Uơu — có một NGƯỜI



Phủ phục cúi đầu, Hy-mã-lạp
Sông Hằng thăm-lắng nhàn mây trôi :
« Đêm nay trong hội đèn hoa ấy
Có cả thần tiên lẫn với người ».

Phật lịch 2508

TƯỜNG-PHONG

PHẬT-GIÁO

Đạo sống của loài người

THÍCH THIÊN-CHÂU

PHẦN nhiều học giả Tây-phương và số ít người Á-đông có tàn học đã thất bại trong việc tìm hiểu những Đạo giáo Đông-phương nói chung, Phật-giáo nói riêng. Bởi lẽ họ rất xa lạ với lối suy tư cũng như nếp sống Đông-phương. Hơn nữa, họ mang sẵn gương « thành kiến » và với đôi mắt Tây-phương trong khi tìm hiểu một Đạo-giáo Đông-phương như Phật-giáo, phát sinh và tồn tại ở xã-hội mà tâm lý và sinh hoạt của con người khác hẳn với Tây-phương. Những câu hỏi do họ đặt ra có vẻ minh bạch lắm. Họ xếp Phật-giáo vào loại hoặc là triết-học hoặc là tôn-giáo. Nhưng họ không tìm được những câu trả lời thỏa mãn.

Theo Tây-phương thì triết-học là môn học-vấn thiên về lý trí mục đích giúp người tìm hiểu sự thật của nhân sinh vũ-trụ mà không cần biết đến sự thật ấy có phục-vụ cho cuộc sống của loài người hay không. Còn tôn-giáo là những tổ-chức tin-ngưỡng thiên về tình-cảm, đức tin mục đích giúp người tìm sự cứu rỗi nơi Thần-Linh bằng sự vâng chịu những tín điều (dogmas).

Trong khi đó, Phật-giáo không phải chỉ là một hệ-thống triết-học mà cũng không phải là một tổ-chức Thần-giáo tuy Phật-giáo có hình thức của một tôn-giáo Phật-giáo là một Đạo sống hướng con người đến giác-ngộ giải-thoát do đức Phật chỉ dạy với những kinh-nghịem tu dưỡng tâm-linh của Ngài. Phương thức thực nghiệm rất nhiều và được ghi chép trong Tam-Tạng Kinh điển nhưng chúng ta có thể hiểu đại ý qua câu chuyện sau đây :

Một hôm, tại xứ Kosambi, trong khi đi qua rừng cây

Sinsapa, đức Phật hái vài lá Sinsapa, cầm nơi tay rồi hỏi các Thầy Tỷ-Kheo :

— Này các Thầy, những lá Sinsapa mà Như-Lai đang cầm đây so với lá Sinsapa trong rừng, bên nào nhiều, bên nào ít ?

— Bạch Thế-Tôn, một Thầy đáp, những lá Sinsapa mà Thế-Tôn đang cầm rất ít, còn lá trong rừng thì rất nhiều.

— « Đứng thế ! Các Thầy, những chơn-lý mà Như-Lai chứng ngộ thì rất nhiều như lá trong rừng ; còn những điều Như - Lai truyền dạy cho các Thầy thì rất ít như vài lá Sinsapa mà Như-Lai đang cầm đây, Này các Thầy ! Tại sao Như - Lai không truyền dạy, tất cả những gì Như - Lai chứng ngộ. Bởi vì có những điều không ích lợi, không đưa đến đời sống thanh-tịnh, không dẫn đến sự nhàm chán dục lạc, sự định tâm, sự giác-ngộ giải-thoát. Các Thầy ! Như-Lai đã truyền dạy những gì ? Như - Lai đã truyền dạy SỰ KHỔ, NGUYÊN NHÂN của KHỔ, sự DIỆT KHỔ và CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ ». Và các Thầy ! Tại sao Như-Lai chỉ truyền dạy những điều ấy ? Vì rằng những điều ấy đưa đến đời sống thanh-tịnh, dẫn đến sự nhàm chán dục lạc, sự định tâm, sự giác ngộ, giải thoát. Này các Thầy ! Nếu tinh-tấn thì các Thầy sẽ chứng ngộ được những chơn-lý thiết yếu : SỰ KHỔ, NGUYÊN NHÂN của KHỔ, SỰ DIỆT KHỔ và CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ.

Qua những lời đối thoại trên, chúng ta nhận thấy rằng Thiên-Kinh vạn quyền của Phật-giáo mà suốt 45 năm đức Phật đã truyền dạy cũng như của các vị Tỳ-sư đã viết ra đều có thể tóm thâu trong « bốn chơn-lý » thường gọi là « bốn Thánh-Đế » (Ariyasacca) bốn chơn-lý này được xây dựng trong một hệ thống nhân quả rất minh bạch : KHỔ (Dukkha), sự khiếm khuyết của con người và cuộc đời, là Quả, Nguyên nhân của KHỔ (Dukkhasamudaya) không phải là Thần-linh mà là Dục-vọng (Tanha). Sự diệt khổ (Dukkha-nirodha) hay nói khác đi là sự an-vui (Nibbana) là Quả có

được là do nguyên nhân sống theo con đường diệt khổ (Dukkhanirodhagāminipatipadā). Có thể tóm lược hơn nữa như đức Phật đã nói trong kinh Anguharanikāya :

« Như-Lai không những dạy về sự KHỔ mà còn dạy phương pháp diệt khổ ».

Phật-giáo vốn có một hệ thống triết-lý minh-bạch. Hệ thống triết - lý này không những giúp cho chúng ta có chánh kiến (Samāditthi) để nhận rõ sự thật của nhơn tánh vũ - trụ mà còn giúp cho chúng ta có một thái độ, một lối sống cao đẹp để gây tạo hạnh-phúc chơn thật. Người Phật-tử cũng cần có đức tin đối với Phật Pháp Tăng nhưng phải tự cứu lấy mình bằng cách thật sống với chánh Đạo. Đức tin này được phát khởi bởi chánh kiến nên được gọi là chánh tín hay đức tin sáng suốt (ākā - navati saddhā) mà không phải là mê tín hay là tin mù (amūlika saddhā). Như thế, bảo Phật-giáo là triết-học hay tôn-giáo đều không đúng.

Lại có nhiều người có vẻ như yêu đời lắm đã kết án Phật-giáo là TIÊU CỰC YẾM THỂ bởi vì Phật-giáo bảo đời là khổ. Vâng đời là khổ, Phật - giáo có chủ trương như vậy. Nhưng có Y - sĩ nào, trước khi chữa bệnh cho bệnh nhân lại không xác-định bệnh trạng và bệnh căn không? Tiếc rằng những người này không hề đọc kỹ hai chơn-ly : SỰ DIỆT KHỔ và CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ hay là sự AN VUI và CON ĐƯỜNG đưa đến AN VUI.

SỰ AN VUI (Nibbāna) Sanskrit là Nirvana của Phật-giáo là sự an vui chơn thật, sự an vui của những « người » đã diệt trừ tham lam, sân hận và si mê. Khó mà diễn tả cho đầy đủ sự an vui này bằng lời nói và chữ nghĩa được. Vì nó là vấn đề « tự chứng ». Hơn nữa làm sao nói cho những người đang sợ sệt khổ đau trong cơn ác mộng biết được sự an toàn và vui vẻ của người đang tỉnh. Những người đang ham mê sự vui thích trong con bài chén rượu làm sao biết được cái lý-thú của kẻ ngăm

thơ đọc sách. Chúng ta là những kẻ đang trầm luân trong sanh tử luân-hồi mà muốn hiểu hoàn toàn về sự an vui của Niết-bàn là chuyện không thể có được. Tuy nhiên sự an vui này không phải ở đâu xa lạ mà chúng ta có thể nếm được hương vị của nó ngay « ở đây » và « bây giờ », nhiều hay ít tùy theo trình - độ tiến - bộ của tâm tư mà chúng ta đạt được.

Phật-giáo xem chủ trương tiêu-diệt vĩnh-viễn của thân mạng sau khi chết (Uchchedavāda) và chủ trương hưởng lạc đời đời ở các cõi trời (Sassatavāda) đều những tà kiến (micchāditthi) sự an vui của Phật-giáo chủ trương không thuộc trong hai phạm vi của hai tà kiến trên. Ông Edwin Arnold trong quyển « Light of Asia » có nói :

*« Nếu ai bảo Niết-bàn là tiêu-diệt, người ấy nói láo,
« Nếu ai bảo Niết-bàn là sự sống, người ấy lầm ».*

Không thể diễn tả sự an vui của những bậc đạt được sự an vui đồng thời cũng xả bỏ thân mạng như Đức-Phật sau khi nhập Vô-dư-y Niết-bàn (Anupādisesa Nibbāna Dhātu) : Chúng ta chỉ có thể có một khái niệm về Niết-bàn là thường còn, an lạc, tự tại và thanh tịnh. Nhưng ngoài Vô-dư-y Niết-bàn còn có Hữu-dư-y Niết-bàn (Sopādisesa Nibbāna Dhātu) như Đức Phật sau khi dắc đạo dưới gốc Bồ-Đề đã chứng được. Qua dung mạo, cử chỉ, lời nói của Ngài suốt 45 năm, chúng ta nhận thấy sự an vui của Ngài thật là nhiệm mầu. Các bậc Alahān cũng hưởng được sự an-vui tương tự như đức Phật. Tất cả chúng ta cũng đều có thể hưởng được sự an vui ấy ngay đời sống này và cả trong thế giới đầy thác loạn hiện nay nếu chúng ta thật sống theo những chánh Đạo có tám nẻo sau đây :

1 — Chánh kiến (sammāditthi) hiểu biết gì là chánh, gì là tà.

2 — Chánh tư duy (Sammā Sankappo) suy nghĩ những điều đức hạnh và tốt đẹp.

3 — Chánh ngữ (Samma vaca) nói nhưng lời ngay thẳng đúng đắn, hòa giải, dịu dàng.

4 — Chánh nghiệp (Samma Kammanto) hành động tốt đẹp như bố-thí, cứu mạng v. v...

5 — Chánh mạng (Samma Ajivo) nuôi sống thân mạng với nghề nghiệp lương thiện.

6 — Chánh tinh tấn (Sammavayamo) cố gắng trong việc hướng thiện.

7 — Chánh niệm (Sammasati) nhớ nghĩ những điều đạo đức tốt đẹp.

8 — Chánh ^{định}động (Sammāsamādhi) tập trung tư tưởng vào đề mục chọn chánh.

Để cho dễ nhớ chúng ta có thể tóm lược chánh đạo tám nẻo trên vào trong bài kệ sau đây :

**« ĐỪNG làm việc ác
SIÊU tu điều lành.
GIỮ tâm thanh tịnh,
LỜI chư PHẬT dạy »**

(Sabbapāpassa akaramam.
Kusalassa upasampadā.
Sacittapariyodapanam.
Etaṃ Buddhāna sāsanaṃ).

Những lời khuyên dạy giản dị trên cũng bảo cho chúng ta biết đức Phật vốn không muốn chúng ta lao mình vào nơi « Siêu hình » không bờ, không bến mà hãy nhìn vào thực tại, thật sống với cuộc đời bằng đạo lý để gây tạo an vui cho mình cho người. Chính đức Phật đã im lặng trước những câu hỏi vô ích đối với cuộc sống khổ đau vì si mê và tội ác của con người.

« Có một người bị mũi tên độc bắn phải. Quyền thuộc mời một lượng y đến để cứu chữa. Nhưng người ấy nói rằng: « Không! Không! Tôi chỉ chịu nhờ mũi tên này khi

nào tôi biết được người bạn tôi thuộc giống họ nào, tên gì, da đen hay xám, ở làng nào tỉnh nào và mũi tên làm bằng gì đã!

Nếu người ấy biết được những điều người ấy muốn biết trước khi đề cho lương y rút mũi tên ra thì va phải chết một cách đau đớn ».

Ấy là cái ví-dụ trong kinh majshima-nikāya mà đức Phật dùng để dạy Ngài Malunkyaputta không nên miên man trong những vấn đề siêu hình vô nghĩa, vô ích mà cần chú tâm vào việc giải-thoát. Do đó, chúng ta có thể bảo Phật-giáo là « đạo cấp cứu » hay là « đạo thực tiễn » cũng được.

Ngoài tánh chất cấp cứu thực tiễn, Phật-giáo, còn là lối sống trung đạo (Majjhimapatipada) nữa, nghĩa là không say đắm theo dục lạc — Kāma sukallī kānu yoga — mà cũng không ép xác khổ hạnh quá đời — attakela matānu yoga — vì cả hai lối sống cực đoan này đều gây đau khổ cho con người. Chính đức Phật đã từ bỏ đời sống vương giả và sau đó đã thọ tu khổ hạnh, lối tu rất thanh-hạnh và được kính trọng lúc bấy giờ. Và sau khi dùng bát sữa của nàng Sujata dâng cúng, thể xác Ngài trở nên khỏe mạnh; nhờ đó tinh-thần sáng suốt, và Ngài đắc đạo dưới gốc Bồ-đề. Do đó những phương pháp tu dưỡng của Ngài truyền dạy đều rất thích-hợp với khả năng của chúng ta: Không dễ dãi mà cũng không quá khắc khe.

Cuối cùng, hầu hết những lời dạy của đức Phật đều nhằm vào đối tượng loài người. Tuy đức Phật là bậc Thầy của người và trời — satthā devamanussānā — nhưng Ngài đã giảng dạy vào cõi người và với thân người mà Ngài đắc đạo nên giáo-pháp của Ngài gồm những phương pháp tu dưỡng dành riêng cho loài người, giáo hội của Ngài được chọn lựa từ những con người đầy đủ tính chất người cả về thể xác và tinh-thần.

Riêng với Phật-tử tại gia, đức Phật cũng truyền dạy những phương pháp tu-dưỡng để trở nên một người tốt

đẹp và tròn boun phạn làm người. Một vài đoạn trong kinh Mangala sau đây chứng minh điều này:

**Học nhiều thạo nghề,
Khéo giữ kỷ luật,
Nói năng vui hòa,
Là hạnh phúc lớn.**

✱

**Kính giúp cha mẹ,
Yêu mến vợ con,
Làm nghề lương thiện,
Là hạnh phúc lớn.**

✱

**Bố thí, chơn trực,
Nâng đỡ bà con,
Tránh điều đáng chê,
Là hạnh phúc lớn.**

✱

Nhờ duyên lành, chúng ta may mắn được sinh và sống trên mảnh đất được hồng Bồ-đề che mát từ lâu, lại được ông bà cha mẹ cho uống pháp vị cam lồ ngay khi còn tấm bé. Phật-giáo đối với chúng ta quá quen thuộc như dưỡng khí đối với loài người, cơm, rau đối với dân quê. Do đó nhiều khi chúng ta quên rằng chúng ta là những người có phước lớn được thẩm nhuần và sống với chánh pháp một cách dễ dàng.

Việc này không hại nếu thỉnh thoảng chúng ta nhớ lại chơn-ngĩa và giá trị quý báu của chánh-pháp để khi cần thì chúng ta giới thiệu cho những người xa lạ hoặc gần gũi mà thiếu thiện duyên như chúng ta. Chúng ta nên nói với họ rằng Phật - giáo không phải chỉ là một môn triết học hay là một tổ chức tôn giáo như các Thần giáo mà là ĐẠO SỐNG CỦA LOÀI NGƯỜI.

Bà nàng Công-Chúa

*

Kính dâng linh giác 7 Thánh Tử-Đạo

ĐA-QUANG

CHÍNH giữa kinh thành Ba-la-nại có một hồ sen rộng, nước trong xanh mát, dưới đáy hồ toàn cát vàng, trong hồ rất nhiều thứ cá đủ sắc bơi lội nhịp nhàng; hoa sen thường nở bốn mùa sắc đẹp hương thơm ngào ngạt. Ngoài ra lại còn nhiều thứ cây kỳ hoa lạ, những trái giả sơn cao vút sắp đặt kỳ xảo, có suối chảy có thông reo v.v. Đây là một thắng cảnh của kinh đô mà thời xưa khi nhân loại còn man rợ và chưa đông đúc thì chốn này rất thanh tịnh là nơi «tứ khí an linh» nên các tiên nhân hoặc các vị Bồ-tát thường đến đây tham thiền.

Vì vậy khi vua nước Ba-la-nại lên ngôi, vua liền lập đạo tràng ngay tại đây, để những ngày trai tiết vua và 7 công chúa thường ra đây thọ giới «bát quan trai».

Nhà vua là một Phật-tử thuần thành nên khi lên ngôi vua liền lấy Phật-giáo làm quốc-giáo lấy 5 cấm giới và 10 điều thiện làm thước ngọc khuôn vàng để giáo hóa muôn dân. Lại lập nhiều tinh xá thỉnh Phật thuyết pháp, nhờ vậy trăm họ đều được thấm nhuần pháp lạc. Nhất là 7 nàng công-chúa.

Từ khi hoàng hậu băng hà, các công chúa đã chứng kiến cái cảnh tử thần cướp mất người mẹ hiền thực đoan trang diễm lệ và thân yêu nhất của đời mình. Nhận thấy cảnh vô thường diễn rõ trước mắt làm cho 7 công chúa tỉnh ngộ.

Từ đấy những con người ngọc ấy đã cương quyết không lập gia đình, nguyện đem sắc đẹp khuyh thành và lứa tuổi thanh xuân để phục vụ chúng sanh. Nhà vua tuy không có con trai nhưng nhờ hiền sâu giáo lý của đức Phật nên đức vua cũng không nghĩ đến việc kế truyền mai hậu. Ngài có động bao nhiêu tình thương vào 7 cô con gái, vua rất chiều ý các con. Đặc sắc của 7 công chúa là thật hạnh hạnh bố thí. Thường ngày trai tiết, 7 công chúa vẫn thọ giới bát-quan-traí, vua bao giờ cũng tùy hỷ hạnh lành của các con.

Một hôm sau khi xã giới Bát-quan-traí xong các công chúa liền xin vua cha lên chốn tha ma để ngoạn thưởng. Vua lấy làm lạ liền khuyên: tha ma là nơi đáng ghê sợ, chỗ ấy là cảnh giới của người chết, nơi ấy xương cốt bừa bãi (1) thấy chết ngồn ngang đầy mùi hôi thối, chim quạ tranh nhau ăn nuốt, sâu bọ rúc ráy, thân nhân khóc lóc thảm thê có gì mà các con ngoạn thưởng? Trong cung ta có nhiều vườn hoa đẹp, cảnh sắc xinh tươi muôn hoa đua nở có hồ nước mát trong các loài chim quý hót tiếng vui tai v.v. vậy các con nên vào thưởng ngoạn mà thưởng ngoạn.

Các công chúa tâu: vườn đẹp, chim hót hoa nở v.v... phỏng có giúp gì cho nghiệp của các con? các con vì nhận thấy tâm niệm vô thường thân như huyễn hóa, dù cho sang giàu như vua chúa, đẹp đẽ của tuổi xanh v.v., cũng không thể thoát khỏi già bệnh chết. Vì vậy các con muốn quán pháp bất tịnh để trừ tham dục thì chỗ tha ma thật là cảnh thuận tiện cho các con tu pháp bất tịnh, vậy xin phụ vương chịu con một chút.

Sau khi nghe các con giải thích đúng lý vua liền thuận cho.

1) Phong tục Ấn-độ khi người chết, nếu giàu sang thì thiêu xác lấy tro, hạng vừa thì khoét cây gỗ bỏ vào đem vớt lên núi, hạng cùng cực thì họ chỉ việc khiêng lên núi vứt xác vào đấy rồi về, chứ không có chôn cất như ta.

Được lệnh vua cha cho phép, 7 công chúa phục sức thò sơ rồi cùng nhau lên chốn tha ma. Đây thật là một cảnh vô cùng ghê sợ, chỗ này thấy chết phình to, hơi thổi xông lên đến nón mưa, chỗ kia thấy bắt đầu rã nước chảy lầy lụa dồi sâu rúc ráy lúc nhúc; và đây một thấy chết vừa mới bị vất vào chường phình thât là mỗi ngon cho chim quạ tha hồ đánh giết... Xa xa người ta đang xúm nhau khiến một thấy ma mới, quỵn thuộc theo sau khóc lóc gào thét thắm thê kêu trời vang đất nño nùng quay quắc đề rồi bỏ đấy mà đi. Tất cả thât là một cảnh giới rừng rợn.

Bảy công chúa thấy vậy mỗi người liền tìm đến một gốc cây ngồi thiền quán: Thân ta rồi đây cũng thit nát xương tan, cũng hói hám lầy lụa, thẽ mà thấy ta rồi đây đã không làm mỗi cho chim quạ được, lại thêm tổn củi mất công người thiền đốt... than ôi! Sắc đẹp tuổi xanh chỉ là một lớp da mỏng bao bọc những đồ nhơ nhớp...

Khi thiền định xong, mỗi nàng ứng khẩu đọc một bài kệ:

Công chúa thứ nhất:

*Người đời quý thân mạng
Điềm phần lại thoa son
Khi chết ra mồ hoang
Điềm trang có ích gì?*

Công chúa thứ hai:

*Ví như ngôi nhà kia
Người đi nhà đổ nát
Thân ta cũng như vậy
Thần đi, thân tan tác*

Công chúa thứ ba:

*Khi thân còn tại xác
Như ngựa buộc vào xe*

*Xe hư ngựa chạy mất
Mang theo bao tội ác*

Công chúa thứ tư :

*Nương thuyền qua bến giác
Đến bờ bỏ thuyền đi
Thân vương thân tu tập
Thân hư, thân an lạc*

Công chúa thứ năm :

*Thân xưa vốn tươi đẹp
Nay chết nằm tro tro
Phủ lên bao bụi đất
Thân tan hồn dật-dờ,*

Công chúa thứ sáu :

*Như chim ở trong lồng
Bốn mặt đều rào kỹ
Lồng rách chim bay đi
Thân tan, thân chạy mất,*

Công chúa thứ bảy :

*Đầy gấm dệt rất xinh
Trong đựng viên ngọc quý
Đầy rách ngọc rơi mất
Thức mang bao nghiệp lực.*

Trong lúc các công chúa đàm đạo cùng nhau, tình cờ vua Đế-Thích vận thần thông ngang qua nghe được liền khen: quý hóa thay, quý hóa thay, các nàng tuổi còn trẻ, đương thời tươi đẹp thế mà đã hiểu được sự vô thường, nhàm chán sắc thân mộng huyễn như thế là các nàng đã tỉnh trong lúc chúng sanh còn mê; đã ngộ trong lúc chúng sanh chưa tỉnh. Vậy nay các nàng có ưa cần gì ta sẽ giúp cho?

Các công chúa hỏi: ngài là Đế-Thích hay Phạm-Vương?

— Ta là Đế-Thích ta có đủ năng lực giúp cho tất cả nhân loại toại nguyện.

Công chúa thứ nhất:

— Tôi nguyện làm con thuyền để đưa chúng sanh qua khỏi bể khổ.

Công chúa thứ hai:

— Tôi nguyện làm ngọn đèn để soi sáng đêm tối vô-minh.

Công chúa thứ ba:

— Tôi nguyện làm hồ nước trong mát để rửa sạch phiền não cho chúng sanh.

Công chúa thứ tư:

— Tôi nguyện thành Phật để độ chúng sanh.

Công chúa thứ năm:

— Tôi nguyện độ tất cả chúng sanh, mới thành chánh giác.

Đế-Thích hoảng hốt: xin thôi, xin thôi, nếu các nàng muốn hạnh - phúc an - toàn, giàu sang tốt bậc, sắc đẹp lâu bền, hoặc làm vua trong các cõi trời thì ta tận lực giúp cho. Nhưng than ôi! đại nguyện của các nàng rộng lớn như hư không, tôi thật bất lực.

Các công chúa thưa: chúng tôi là Phật-tử, biết được lẽ vô-thường, dù có làm đến bậc đế vương cũng không thoát khỏi sanh tử. Vậy ngài không giúp gì cho nguyện vọng của chúng tôi được ư?

Đế-Thích buồn bã: vâng, tôi cũng còn trong vòng sanh tử như các nàng, nên tôi thật không giúp gì được đại nguyện của các nàng cả. Vậy tôi xin cầu chúc các công chúa chóng đạt đại nguyện, nói xong Đế-Thích bay đi.

Phỏng dịch ĐẠI-TẠNG-KINH

CUỘC VẬN ĐỘNG

THÍCH TRÍ-QUANG

của Phật-Giáo Việt-Nam

GIẢI ĐOẠN PHÁT KHỞI

(Tiếp theo)

CHƯƠNG 3

Nguyên nhân cuộc vận động Phật-giáo Việt-Nam (hay chính sách kỳ thị Phật Giáo Việt-Nam)

Sự kỳ thị Phật-giáo Việt-Nam trước 1954.— Thái độ kỳ thị Phật-giáo Việt-Nam thực đã không phải mới có bởi chế độ của nguyên Tổng-thống Ngô-đình-Diệm khởi đầu từ năm 1954. Thái độ đó đã có bởi người Pháp khi xâm lược và thống trị Việt-Nam (1): đó là điều ta nên xác nhận nếu có một thái độ trung thực. Phật-giáo Việt-Nam, cũng như dân tộc Việt-Nam, là kẻ bị trị, đã phải nhận lấy mọi sự đàn áp. Danh dự và thể thống của Phật-giáo và dân tộc Việt-Nam bị thủ tiêu hoàn toàn. Phật-giáo Việt-Nam đã bị trở ngại, hạn

chế. Chùa chiền và tài sản đã bị phá hủy và trưng dụng một cách tàn bạo. Đất các chùa Bà-đá, Quán-sứ, Liên-phái đã mất hết, và mất cho ai, những người dân Hà-nội vẫn còn biết quá rõ. Thủ-đo

(1) Trong lịch sử xâm lược Việt-nam của người Pháp, có một sự kiện mà một viên sứ thần của nguyên Tổng-thống nhấc lại ở ngoại quốc, đó là sự đàn áp Thiên-chúa-giáo của Tự-Đức. Viên sứ thần ấy nói nguyên Tổng-thống đàn áp Phật-giáo là vì gia-dình ông đã bị giết 22 người hồi xưa (?). Sự thực, Tự-đức đàn áp Thiên-chúa-giáo là hành động u mê, xuất từ ý thức kinh sợ những người làm tiên phong, làm tay trong và tay sai cho người Pháp. Sự kiện đó không liên hệ gì với Phật-giáo; lịch sử đã không và chính người Pháp cũng không xác nhận có một sự liên hệ nào. Kể nào cố ý, công khai hay bí mật, bảo rằng trong hành động của Tự-Đức, Phật-giáo ít nhiều có trách nhiệm, thì đúng là kẻ âm mưu gây tôn-giáo chiến tranh theo truyền thống hiếu chiến của họ.

Saigon bấy giờ, đồn Cây-mai trong Chợ-lớn và khu đất nổi cao ngó ra bến tàu là những nơi của chùa và có chùa, nhưng đã bị đập phá và trưng dụng hẳn. Ấy là chỉ nói hai «nơi văn minh» đủ để thấy tình trạng bị nát và uất hận ở những «nơi quê mùa» là toàn cõi đất nước Việt-Nam. Nhưng tình trạng này không kịch liệt bằng khi người Pháp trở lại xâm lược Việt-Nam lần nữa, vào những năm 1945-1951; sự đàn áp đã xảy ra cho Phật-giáo Việt-Nam như thế nào, cứ nói rằng đúng là tiền thân chính sách của nguyên Tổng-thống Ngô-đình-Diệm cũng đủ để hình dung một cách tổng quát.

Nguyên nhân nào khiến người Pháp kỳ thị Phật-giáo Việt-Nam? Đích thực mà nói, chỉ vì Phật-giáo Việt-Nam không cùng tín-ngưỡng với họ, nhất là thủy chung đã không ích lợi cho chính sách xâm lược và thống trị của họ.

Chính sách Kỳ Thị Phật-Giáo Việt-Nam của Chế Độ Ngô Đình-Diệm. — Nói công bình, nếu người Pháp và chế độ cộng sự với họ chưa bị

chấm dứt quyền hành sau Hiệp định đình chiến thì không biết họ còn hay không còn tiếp tục sự kỳ thị Phật-giáo Việt-Nam? cầm chừng hay khuếch trương chính sách ấy? Chỉ biết đầu Dự số 10 ngày 6-8-1950 và 2 Dự bổ túc là số 24 ngày 19-11-1952, số 6 ngày 3-4-1954 đều do họ ban hành, họ đã chưa kịp có những sự kiện quá quắt. Đối lại, tuy thực chất chế độ của nguyên Tổng-thống Ngô-đình-Diệm tiếp tục chính sách do Pháp đặt đề, nhưng là một sự tiếp tục có ý thức và được tăng cường đến nỗi sự kỳ thị Phật-giáo Việt-Nam đã là một chính sách có đủ thái độ, chiến lược, chiến thuật, biểu lộ ý chí tiêu diệt Phật-giáo Việt-Nam một cách ai cũng biết rõ bằng tài liệu, bằng lý đoán, bằng cảm nhận.

Vụ ám sát khai mạc và diễn hình cho chính sách kỳ thị Phật-giáo Việt-nam của nguyên Tổng-thống. — Đó là cái chết đau thương nhất, uất nhất, của một huynh-trưởng Phật-tử thuộc Khuôn hội Kim-an, vùng Kim-long, Huế. Huynh trưởng đó tên Trinh, một người «làng xóm đều thương mến», chỉ biết

đi làm nghề để nuôi cha mẹ, vợ con, và làm việc Phật-sự. Vậy mà người đó đã bị trói chặt tay chân, bị đánh cùng mình bằng những thanh củi vất bừa bãi quanh thi hài của anh, bằng dao đâm vào màng tạng, vào ngực, sau hết, là bằng súng, nằm chết thê thảm trên bãi cỏ ngay nơi cánh đồng cách nhà anh không quá nửa cây số. Nguyên nhân chỉ vì anh Trinh đã hoạt động tổ chức đoàn cung nghinh Xá-lợi trong đại lễ Phật-dẫn năm 1955. Kẻ giết anh, chính nhà cầm quyền hữu trách về hành chính, công an và mật vụ bí mật cho tôi hay, nhất là dân chúng trong vùng càng biết rõ, là tên công an phụ trách vùng đó vào lúc đó. Vụ ám sát xảy ra như sau. Sau khi vượt qua mọi sự khủng bố và phá hoại của công an, anh Trinh tổ chức một cách thành công đoàn cung nghinh Xá-lợi cử hành vào Mồng Tám tháng Tư năm 1955, qua ngày 18 tháng tư âm-lịch, buổi tối, tại nhà anh sau khi bàn công việc Gia-đình Phật-tử Phú-thành với 2 nữ Phật-tử thuộc Gia-đình này, anh tiễn họ ra cửa. Ngay chỗ đó, trong bóng tối, 3 bóng đen, 1 chỉ huy, 2 thi hành, nhảy ra kẹp

tay, dùng khí giới uy hiếp, cầm anh lên tiếng và « mời anh ra đây nói chuyện một tý » 2 nữ Phật-tử bị đuổi về riêng với 1 người đi theo dọa nạt và buộc không được nói những gì đã thấy và nghe. Còn anh Trinh thì bị dẫn lui ra sau nhà, ở đấy là cánh đồng. Trong nhà không một ai thoát ra được khỏi ngõ vì ở đấy vẫn còn những bóng đen hờm súng và dao. Họ cũng không được la khóc. Anh Trinh đi được một lát thì những tiếng vật lộn, đánh đá và la ầm ố vọng vào trong nhà, sau hết là một tiếng súng mà sau này dân chúng bị buộc phải tin là tháp canh « bên đò làng Hạ » bắn Việt-cộng. Sáng hôm sau, trước và trong khi thân nhân anh tìm ra xác anh, tại nhà anh đã có mật vụ vào « bày vẽ cho cách trả lời với làng xóm và Phật-giáo Thừa-thiền », « chôn cho mau », « không được khóc than và nói gì hết » và « gác nhà giữ an ninh trật tự giúp cho đến gần chung thất ». Cùng lúc dư luận được đưa ra là « anh Trinh chết vì bị thù riêng, kẻ thù giết vì tranh tình nhân hoặc tranh tài năng

với anh ». Gia đình bị buộc chấp nhận lý do vì tình nhân và « phải nói như vậy, với bất cứ ai hỏi về cái chết của anh Trinh ». Cũng cùng một lúc, sau khi dư luận xôn xao nói thẳng tên tuổi, như là xôn xao nói thẳng tên Thiếu-tá Sĩ trong vụ tàn sát Phật-tử tại đài Phát thanh Huế, tên công an được tiếng nói tổ chức tin ngưỡng của mình báo tin nên đảo lý hẳn khỏi vùng Kim-long « chứ không nên ầu núp chốn này nữa ». Và nội vụ được tiếp tục « coi đã », tiếp tục làm thình cho đến ngày nay — và chắc chắn sẽ là mãi mãi, Giới Phật-giáo lên tiếng thì dọa sẽ bắt đánh 2 nữ Phật-tử « vì thủ phạm là 2 đứa ấy rồi đó »!

Vụ ám sát anh Trinh, như thế, cho ta thấy đó là « khuôn vàng thước ngọc » cho bao vụ giết người khác của chế độ nguyên Tổng thống, một cách có kế hoạch, có chỉ huy, có chủ ý — đầu xảy ra chỉ non 1 năm sau khi nguyên Tổng thống về nước. Chủ ý đó là gì, nếu không phải khủng bố Phật-giáo Việt-nam qua đại lễ Phật đản, bằng cách giết một cán bộ Phật-giáo chết

thê chết thảm « để cho mà thấy và liệu hồn »?

Những nét sơ lược về lại chính sách kỳ thị Phật-giáo Việt-nam của chế độ Ngô đình Diệm. — Dưới đây là nội dung và hình thức của chính sách kỳ thị Phật-giáo Việt-Nam dưới chế độ nguyên Tổng thống Ngô đình Diệm, thể hiện qua những nét phác họa và điển hình mà thời vì chính sách ấy đã đạt đến mức độ mô tả không xiết.

I. — PHẦN VĂN KIẾN (2)

1) Giáo sư Bửu-Hội, trong giác thư gửi các phái đoàn tham dự Đại hội đồng Liên hiệp quốc, nêu lên 4 điểm chứng minh chế độ nguyên Tổng thống Ngô đình Diệm không kỳ thị Phật-giáo, điểm thứ 1 nói rằng « biểu pháp bảo đảm tự do tin ngưỡng ». Nhưng, ngay trong bản hiến pháp đó, lời nói đầu đã viết « hoàn thành sứ mạng trước đấng tạo hóa », câu đó, tại các quốc gia Á-đông như Việt Nam là một, không thể có ý nghĩa gì khác hơn là dụng ý

(2) Nguyên văn phần này rút trong bản điều trần của tác giả gửi Liên-hiệp-quốc.



đề cao và chỉ thừa nhận Thiên chúa giáo (3).

2) Với đạo Dụ số 10, một văn kiện được chế độ Ngô đình Diệm lưu dụng và «chiếu chỉ» nhiều nhất, Phật-giáo và hết thấy các tôn giáo khác đều bị liệt vào chế độ hiệp hội, ngang hàng với các hội tằm thường như những hội thương mại, những hội thể thao, hay các hội giải trí hạ đẳng và các hội du hí không đáng gọi là một hội. Trái lại, cũng đạo Dụ đó, cho Thiên chúa giáo hưởng một «chế độ đặc biệt». Trong giác thư của giáo sư Bửu-Hội, điểm thứ 2 nói chính quyền Việt-Nam không bao giờ có chính sách kỳ thị Phật-giáo, nhưng, với văn kiện Dụ số 10, không những Phật-giáo bị kỳ thị mà chính

quyền nguyên Tổng thống Ngô đình Diệm còn kỳ thị hết thấy tôn giáo khác nữa, ngoài Thiên chúa giáo (4).

(sẽ tiếp)

(3) Nền Thiên-chúa-giáo vẫn tiếp tục gọi là «công giáo», một cách vì thói quen thì ít mà vì gián tiếp chứng tỏ Thiên-chúa-giáo là tôn giáo công, còn các tôn giáo khác chỉ là lật vật.

(4) Trong một tài liệu mang tên «văn đề Phật-giáo tại Việt-Nam Cộng-hòa» thuyết trình ngày 24-10-1963 do chính-quyền nguyên Tổng-thống công bố, có một đoạn biện minh về Dụ số 10 (trang 6 đến 10) nhưng chính sự biện minh đó càng chứng tỏ, thêm một lần nữa, dã tâm của chính quyền ấy. Tài liệu này có lẽ sẽ được ấn hành trong tập 3, nói về cuộc vận động của Phật-giáo Việt-nam (tập 1: hồi ký, tập 2: tranh ảnh, tập 3: văn kiện, tập 4: báo cáo của Liên-hiệp quốc, tập 5: sự ủng-hộ của thế-giới).

*Tất cả Phật - giáo - đồ hãy hiến
mình cho nền Thống - nhất Phật-
giáo để cùng đường Phật - Tò.*

ĐÓN TRĂNG

Đêm trong lòng nước tạnh
Lai-láng ánh thanh-hu
Sen trái niêm thơm thắm
Đón trăng rằm tháng tư.

ĐUỐC TỪ - BI

Lòng đắm mộng hồng-y
Đời sanh ngục A-Tỳ
Xả thân gìn Chánh-pháp
Bừng sáng đuốc Từ-bi.

MAI MUỘN

Duyên nhạt mùa sơn phấn
Mai vàng nở cuối thôn
Bồi hồi cơn gió quạnh
Hương thoảng địch hoàng hôn.

GIỌT TRÚC - ĐÀO

Vườn sớm mưa sưa tạnh
Trúc-đào hoa đọng hương
Chim Hoàng-ly rĩa cánh
Từng giọt rụng kim-cương.

RỪNG SİM

Mưa xũng rừng thêm vắng
Mong tìm một bóng chim
Gió rung cành rụng nắng
Bừng nở cánh hoa sim.

SUỐI BẠCH-TẦN

Bình-minh tràn suối quạnh
Nguồn rót tiếng sơn-ca
Khép nép bờ hương lạnh
Rau bạch-tần nở hoa.

Quách-Tấn



các Vị Sư đã tự thiêu

?

SAIGON, 11-6-63. Ngay tại trung tâm thành-phố, một vị sư 73 tuổi, Đại-Đức Thích-Quãng-Đức trên xe hơi bước xuống ngồi kiết-giã trên đại-lộ, hai tay chấp lại cầu nguyện. Tức thời một vị sư khác đồ một thùng xăng trên áo vàng của Ngài và một cây diêm được bật lửa, Nhà sư Thích-Quãng-Đức tiếp tục niệm Phật trong ngọn lửa đang bùng lên. Một người nào đó trong nhóm thân thuộc của Ngài đã chụp ảnh Ngài ngay lúc đó để thế giới biết đến hình ảnh tự thiêu ấy. Cũng trong hình ảnh đó người ta thấy sư và ni đang tụng niệm và cầm khẩu hiệu bao quanh người tự thiêu. Nhà sư Thích-Quãng-Đức đã tự thiêu để phản đối chính sách tôn giáo của Tổng Thống Diệm. Những người đứng chung quanh nhà sư — trong đó có những trẻ em — đang xem Ngài thiêu với nét mặt của Ngài bình tĩnh nếu không là vô cảm.

Phan thiết, 4-8-63. Tại hải-khẩu nhỏ này của miền Nam VN, cách Saigon 150 cây số, một nhà sư trẻ tên Lê (Thích-Nguyên-Hương) chỉ mới 20 tuổi tiến đến giữa đài kỷ-niệm từ-sĩ. Lúc đó dùng ngọ. Ông tự trút xăng trên người, quì xuống và châm lửa vào áo quần. Một đại-ủy bảo-an chạy

nhào đến. Nhưng không kịp nữa. Vị sư trẻ đã chết. Đây là một vụ tự thiêu thứ hai trong khoản không đầy hai tháng để phản đối chính sách chống Phật-giáo của Tổng-Thống Thiên-chúa-giáo Diệm.

Cái chết đẹp đẻ nhất trong các cái chết.

Thế giới Tây-phương, kinh hoàng, tìm hiểu cái lý do tự tử như vậy ít hơn là tìm hiểu cái hành động như vậy. Làm sao người ta lại có thể tự hủy mình một cách thần nhiên tự tại như thế? Thêm một lần nữa con người da trắng bầu khoăn tìm hiểu sự xem thường cái chết của người da vàng. Ở Tây-phương chúng ta thường không nhận thấy là đối với tu-sĩ Phật-giáo cái thân xác chẳng có giá trị gì hơn cái áo vàng bị lửa đốt. Thông thường trong những nước Phật-giáo, người ta dạy cho trẻ con noi gương sáng xem cái chết đẹp đẻ hơn cả là cái chết của nhà sư đã đạt đến trình độ tu-hành cao nào đó của tri-huệ, cho lập một cái đàn củi để cho đệ tử thiêu họ và nhờ vậy giải thoát khỏi thân-xác, tiến đến Niết-bàn mau mắn. Chính trong trạng thái tinh thần đó mà các nhà sư ở Saigon đã hỏa-thiêu thân-xác của Đại Đức Thích-Quảng-Đức: với lòng thành-kính người ta cử hành một giáo-lễ có giá-trị tinh thần cao cả nhất. Bởi vì những sự hy-sinh đó ngày nay rất hiếm nên sự tự thiêu của hai nhà sư đó lại càng vang động trong nhân-tâm quần chúng.

Trong thực tế hai vụ tự thiêu đó chỉ là cái tốt đỉnh bi thảm của một tình thế thảm bại từ lâu: trong 13 triệu dân miền Nam VN, 80 phần trăm là Phật-giáo-đồ, tín-đồ Thiên-chúa chỉ có 10 phần trăm. Nhưng cái thiểu số này — có thể lực nhất ở toàn Á-châu vì con số tín-hữu, tu-viện, tu-sĩ và linh-mục — lại được hưởng tất cả những quyền lợi của một quốc-giáo thật-sự. Cái gia đình thế lực của Tổng-Thống Cộng Hòa, ông Diệm, là Thiên-chúa-giáo, anh ruột ông là Ngô đình Thục Tổng-Giám-Mục ở Huế.

Chính tại thành phố này mà sự nổ tung một quả lựu đạn giữa đám đông tụ họp mừng lễ Phật-dân đã là đầu giây mối dợ của mọi sự. Chính - phủ cấm treo giáo kỳ trên toàn cõi miền Nam VN. Nhưng những Phật-tử xưa nay có lệ treo rất nhiều cờ và phướn ngoài đường và nơi cửa nhà họ, nhất là vào những dịp đại lễ. Trong một cuộc biểu tình phản đối ngày hôm sau, chín Phật-tử đã bị bỏ mình. Những xe thiết giáp do viên phó tỉnh - trưởng gọi đến để giải tán những người biểu tình đã nổ súng vào đám đông. Phái viên Nữ - Ước Thời - báo (New-York Times) đã thấy những kẻ bị thương ngã xuống đất và bị xe thiết-giáp cán. Từ ngày đó, tình cảm của dân chúng Phật - giáo lại càng bị va chạm vì những vụ đó nhất là trong khi những đám rước Thiên-chúa-giáo diễn hành ở Saigon như thể la thành phố này là của riêng của Giáo-hội Thiên-chúa và những hồi chuông đánh thức dậy lúc 5 giờ sáng dần, chúng mà đại đa số không phải Thiên-chúa-giáo. Chính ngay những người Thiên-chúa-giáo đã tố cáo những sự lạm dụng như thế, và lấy làm lo âu mà thấy dư luận Á-châu chỉ định họ là những người dân áp tôn giáo hay là đồng lõa. Về phần Việt-cộng miền Bắc VN thì sự truyền truyền của họ đã sẵn sàng: từ nay họ dễ dàng trình bày chế độ ông Diệm do thực - dân Pháp đặt lên, do đế - quốc Mỹ ủng - hộ là chế độ dân áp một tôn giáo lớn nhất của Á-châu...

(Trích báo Noir et Blanc
Số 963 — 14-8-63).

Toàn thể Phật - giáo - đồ tri ân các
vị Thánh đã hy sinh cho Chánh-pháp.

và nghệ thuật cắm hoa của Nhật-bản

HUYỀN KHÔNG

*

NÓI đến Nhật - Bản là người ta nghĩ ngay đến những gì đẹp đẽ, khả ái, dịu dàng và tao nhã. Biểu lộ được những cử chỉ đặc biệt đó, là vì dân tộc Phù-Tang đã chọn cho mình một lối sống Đông-Phương, hợp với tâm-tình và mỹ-cảm của con người qua nghệ-thuật pha trà, chơi kiếm, viết chữ và cắm hoa... Về nghệ thuật cắm hoa, người Nhật rất chú trọng vấn đề giáo dục. Do đó, đi quanh nội thành phố Tokyo, bạn cũng sẽ thấy khắp nơi đều có trường dạy cắm hoa và những trường danh tiếng bao giờ cũng đông các học viên ngoại-quốc. Tại mỗi trường Đại-Học, trong giờ nghỉ trưa (khoảng từ 12 giờ đến 1 giờ chiều) là thi gian để cho nam-nữ sinh-viên tùy theo sở thích mình, đến học tập nghệ thuật pha trà, nghệ thuật cắm hoa và nghệ thuật

viết chữ... do những người tiền bối chỉ dạy khỏi mất học phí.

Nam giới thì không bắt buộc nhưng hầu hết nữ-giới có trình-độ học lực phổ thông của Nhật-Bản, không người nào là không tốt nghiệp ở các trường cắm hoa và ít nhất họ cũng được hấp thụ sự giáo-dục nghệ thuật cắm hoa từ bậc Trung-học. Không ai phủ nhận rằng, xã-hội Nhật-Bản cũng như xã-hội Việt-Nam, những người nghèo khó suốt ngày lo chạy đi tìm kiếm miếng cơm manh áo, còn thì giờ đâu nghĩ đến chuyện chơi hoa? Tuy nhiên, chúng ta phải công nhận rằng, thú chơi hoa là một tập quán gắn liền với nếp sống của dân tộc Phù-Tang. Trong các tiệm ăn sang trọng cũng như trong các tiệm ăn bình-dân; trước các Department Store đồ sộ cũng như

trước các cửa hàng nhỏ bé; trong các ngân-hàng cũng như trong các văn phòng và ngay trong gia đình của mỗi người họ đều chưng bày những bình hoa tươi thắm linh-dộng gói giữ một linh hồn và gây ý-niệm đẹp đầu tiên cho người khách khi bước vào thế-giới của mình.

Chơi hoa không tốn kém. Vật liệu xây dựng một bình hoa rất đơn giản và có khi chỉ là một cành tre, hai đọt thông nhỏ, hai gong cổ non kèm theo một đóa hoa duy nhất. Đơn sơ như thế, nhưng khi thưởng thức hoa bạn có thể khảo sát, xét định giá trị kiến thức của tác-giả bình hoa. Vì mỗi bình hoa đều được xây dựng bởi một nghệ thuật, gói một triết-lý để tạo nên « một linh hồn » rất linh động. Cái « thần » của bình hoa nó sẽ chiếm đoạt linh hồn bạn rất tự nhiên và lúc ấy bạn sẽ cảm thấy lòng mình rất trong trắng, rất bình an.

Dân tộc Nhật-Bản rất yêu hoa, tôn kính hoa và thần-thánh hóa nó như một tôn-giáo và gọi là Hoa Đạo. Nghe nói đến Hoa Đạo, bạn đừng nghĩ rằng đó cũng là một cái « Đạo » mới, giống như Đạo Rùa, Đạo Chuối,

Đạo Rau... thỉnh thoảng ra đời ở các vùng núi quê mùa để lợi dụng lòng nhẹ dạ của quần chúng. Hoa Đạo, theo ngụ ý của tôi, là nghệ thuật trình bày một bình hoa lên đến độ siêu việt, khiến người ngắm hoa có thể rung động tâm hồn mình và có thể thay đổi trạng thái tâm hồn trong mỗi bình hoa khác biệt nhau. Hoa Đạo của Nhật-Bản từ trước cũng như hiện nay đều dựa trên nền tảng triết lý Phật-Giáo, các vị Thiền-Sư là cha tinh thần của môn nghệ-thuật này. Nhờ có học thức, Tăng-Già Nhật-Bản đã sớm biết mang Đạo vào lòng đời, hòa quyện hương-vị giải thoát vào mọi sinh-hoạt của quần chúng, nên qua mọi ngành giáo-dục, nghệ thuật, văn-hóa... của Nhật-Bản đều chứa đựng triết lý Phật-Giáo. Hồi đầu tháng 5 dương-lịch năm ngoái, trong một cuộc hội thảo về triết học Ấn-Độ tại Viện Đại-Học Nhật-Bản (Nihon University), kẻ viết bài này có mấy phút đàm-đạo với Ông Leon Hurvitz, Giáo-sư Đại-Học Washington và chính giáo-sư này cũng công nhận như thế.

Muốn biết sâu quan-diêm Phật-Giáo và nghệ thuật cắm hoa của Nhật-Bản như thế

nào, thiết tưởng không gì hơn để bạn tự mình đi vào tư tưởng người Nhật. Một vị Thiền - Sư danh tiếng, được các giới trí thức Âu-Mỹ biết đến khi nói về nghệ - thuật cắm hoa của Nhật-Bản, là Hòa-Thượng Zengi Kusanagi. Sau đây là những định nghĩa của Ngài về Phật-Giáo và nghệ-thuật cắm hoa :

Tổng quát mà nói. Hoa mang cho trái tim của những kẻ ngắm nó : một ý tưởng vui tươi, trong sạch và lành mạnh. Không ai bị phiền não hay có ý bất chánh trước cảnh đẹp của muôn hoa. Trong vài pho kinh thiêng-liêng của Phật-Giáo ta thấy chữ « HOA » (flower) dùng như đề tài riêng triết-lý của một bộ kinh như bộ Đại-Thừa Diệu-Pháp Liên-Hoa kinh chẳng hạn.

Hoa được dùng để dâng cúng dường trước từ dung của chư Phật và Bồ-tát, là vì cái đẹp của nó. Hương trầm, ánh sáng hoa - đăng và hoa được coi là những lễ vật quý nhất để dâng lên cúng dường Tam - bảo. Cũng như ta đã biết rõ rằng, tượng các đấng Thế-Tôn luôn luôn ngự tọa trên tòa sen, hay tượng các bậc Bồ-tát mà tay các Ngài luôn luôn cầm hoa. Hoa ở

đây tượng trưng cho tình thương. Theo thế giới huyền bí của Phật-giáo, có những lý thuyết, những ước nguyện thuộc đủ loại và các tư tưởng hỗn tạp đó được trình bày riêng biệt của hoa. Hoa trắng tiêu biểu cho sự bình yên, mạnh khỏe, chống lại sự nguy hiểm. Hoa đỏ mang một ý nghĩa kính trọng và hoa vàng thì làm tăng sự phong phú, thịnh vượng.

Về phương diện thần giao cách cảm cái đóng vai trò quan trọng trong Zen đã được thí dụ cụ thể hóa lần đầu tiên, đức Thích - Ca Mâu - Ni Phật cầm cành hoa đưa lên giữa Pháp Hội, truyền tư tưởng của ngài vào đóa hoa mẫu nhiệm ấy mà không nói một lời. Nhìn vào đóa hoa trên tay Phật, một vị đệ tử của Phật — đức Ca-Diếp — đã nở một nụ cười thông cảm. Trong trường hợp nhiệm mầu như thế không gì hơn một đóa hoa, mà đóa hoa ấy, qua cái nhìn của người đạt ngộ có thể thỏa đáp được một mục đích cao đẹp như thế nào!

Những bằng chứng trên đây chỉ cho ta thấy thế nào là vai trò quan trọng của hoa trong

Phật-giáo. Và làm thế nào nuôi dưỡng nghệ thuật cắm hoa tiến tới được một địa vị như ngày nay? Khi mà những người đầu tiên nhận được giá trị cái đẹp của hoa, thì việc dâng hoa cúng Phật, hiến các vị Đại-Đức Tăng-Già hay tặng hoa cho bạn bè quý mến là một việc rất tự nhiên. Thì gian đi qua, sự tập luyện ấy tiến tới một nghi thức xác định, dĩ nhiên. Lịch sử của nghệ thuật cắm hoa được ghi chép, gìn giữ ở chùa Dagakuji ở Saga, (một tỉnh của Nhật-Bản) bắt đầu từ năm Saga Hoàng-Đế thứ 52 (810-823)

Tục truyền rằng, có một ngày kia Hoàng - Đế đang thưởng thức cuộc du thuyền trong hồ Osawa, tại hoàng-cung. Bỗng Ngài chợt thấy trên mảnh đất nhỏ trong hồ, được bao bọc bởi hoa cúc (chrysanthemums) tuyệt đẹp. Nhà vua yêu hoa nên cắt một vài cành mang về cắm trong một bình nhỏ theo một lối trình bày trang nhã, hợp mỹ quang. Đó là khởi thủy của nghệ thuật cắm hoa, khi nhà vua lấy làm thích thú cho việc trang trí hoa của mình; nhà vua bảo rằng: phải theo một đường lối trong việc ngắm hoa (admiring flowers). Ngày

nay Hoàng-Đế Saga được dân Nhật sùng bái, coi như ông Tổ trong nghệ-thuật cắm hoa.

Trong những năm niên hiệu Sara và Heian, Phật giáo được truyền bá vào đất Nhật-Bản và hành trường mau lẹ, nếp sống hằng ngày trong thời ấy trải qua một sự biến đổi đáng chú ý về mọi phương diện, đồng thời cái mỹ quan của dân tộc Phù-Tang vì thế mà nâng lên một trình độ định xét giá trị của cái đẹp một cách cao hơn. Song song với sự hành trường của Phật giáo, Hoa Sen (Lotus flower) đóng một vai trò rất quan trọng trong quần chúng Nhật-Bản, nhưng sự thật chính ra hoa cúc mới là một thứ hoa nâng cao nghệ thuật cắm hoa. Nghệ thuật này phơi bày được cái giá trị cao quý của cái gì đẹp đẽ, cái nguyện vọng chân thành đáng đề biếu lộ cái ý nghĩa cao đẹp trong cuộc đời. Hai ý nghĩa căn bản đó chúng ta có thể tìm thấy quan niệm về cuộc sống và vũ trụ tự hữu, một sự thật nằm trong Phật-giáo trầm lặng mà chúng ta sẽ tìm thấy qua nghệ thuật này.

Các tài liệu lịch-sử Nhật-Bản đã chứng-minh rõ ràng cho chúng ta thấy rằng: làm

thế nào các phần tử ngoại lai thành công trong sự thu nhận, khiến sự thích hợp và thông hiểu bị tách rời khỏi cái quyền hiện hữu của chúng ta. Trường hợp ấy cũng tương tự với nghệ thuật này. Đầu tiên, hoa dùng để cúng dường các Thánh-Nhân, rồi theo dòng thi gian, hoa bắt đầu được tán thưởng, ưa thích, trang hoàng theo đường lối tỉ mỉ, đặc-biệt. Những người thích sự trang-hoàng hoa theo đúng quy cũ đã học tập để tìm kiếm trong tất cả sự biến hóa về hình thức, đáp ứng nhu cầu cho một thời kỳ sinh-hoạt trong thế giới nhân-sinh.

Trường dạy hoa xưa nhất, nhằm mục đích cố gắng làm tiêu biểu ba phương-diện của thế-giới thiên nhiên, tính-chất tinh-lý, tính chất biểu-tình và tính-chất hoạt động của nó, và qua tất cả những giai-đoạn của thiên nhiên này được tiêu biểu bởi nhiều kiểu-thức khác nhau. Trong trường học này, cái thái-độ trang-nghiêm, cao cả là tượng trưng cho đức Phật. Sáu phần-tử như: thủy, thổ, hỏa, khí, không-gian và sự thông thái đều được trình bày qua các cành, hoa và lá trong vị-trí cố sẵn. Tất cả các thứ ấy có nhiệm-vụ cụ-thể-hóa tính-thần Phật-giáo.

Cái giá trị cổ xưa có thể

nghe một cách rõ ràng tiếng nói của đức Phật trong tiếng động thiên-nhiên của gió thổi, của nước sông chuyển vận và cũng tương tự như vậy, chúng ta có thể thấu triệt tư-tưởng Phật - giáo được trình bày trong nghệ - thuật cắm hoa ngày nay. Tất cả những sự thông cảm, cụ-thể - hóa Phật-giáo này có thể học một cách dễ dàng, và nghệ thuật cắm hoa cũng có thể sử-dụng rất giản dị bởi mọi người và mọi nơi.

Chúng ta tin tưởng rằng tất cả mọi vật thiên nhiên đều là những vật có tinh - thần. Và chúng ta nhập vào cái tương-giao mật-thiết với thiên nhiên hiện hữu, để rồi quên tất cả cái bản ngã của chúng ta (our own selves). Chúng ta chia sẻ những trang-thái của trí-não với tất cả những người bị lạc lỏng trong sự vui thú của tinh hữu-nghị, với những tinh thần thông cảm thiên nhiên.

Qua sự bồi bổ của nghệ thuật cắm hoa, chúng ta có thể nhập vào sự bang-giao bạn bè mật-thiết với tất cả mọi người và dần dần mở rộng mối bang-giao này khắp trong các quốc-gia, qua mọi màu da chủng-tộc, qua mọi niềm tin - ngưỡng cách biệt nhau và góp phần vào việc xây dựng hòa-bình thế - giới.

Tokyo, Đầu Mùa Hoa Anh-Đào nở 1964.

Huyền-Không.

ĐẠI ĐỨC BỮU-CHƠN

● **Nhiệm vụ trước mắt của Phật-giáo đồ là chỉnh đốn và củng cố hàng ngũ từ Tăng Ni đến tín-đồ, đoàn kết thực sự để xây dựng đạo Pháp.**

● **Chúng ta phải đề cao cảnh giác đừng để cho một giáo phái nào, một chủ nghĩa nào hay bất cứ một ai có thể lợi dụng danh nghĩa của chúng ta mà lung lay đạo tình-thần cao quý của Phật đạo.**



Qua một ngày kinh lý rất bận rộn, Đại-đức Bửu-Chơn, một vị cao tăng phái Nam - tôn trong ban chứng-minh của GHPGVNTN vừa từ chùa Từ-Đàm về đến chùa Tăng-Quang lúc trời vừa xầm tối. Đặc phái-viên Liên-Hoa túc trực tại đây từ mấy giờ để chào mừng ngài. Trông vẻ ngài thăm mệt, nhưng ngài vẫn vui vẻ ngồi trên bửu tọa tiếp đón phái viên, rất dịu hiền thân mật. Chúng tôi cung kính xin ngài cho phép được phỏng vấn, ngài niềm nở:

— Tôi có hơi mệt đó, nhưng nói chuyện với nhau, thấy vui chắc hết mệt!

HỎI: Xin Đại - đức cho biết cảm tưởng của Ngài khi trở lại viếng thăm Phật - giáo - đồ cổ - đô Huế, và xin Ngài cho biết chương-trình kinh lý của Ngài nhằm những trọng tâm nào?

ĐÁP: Tôi hân hạnh và vui mừng được thấy lại cổ - đô Huế và những Tăng Ni cùng Phật - tử ở đây đã tiên phong dũng cảm phát động phong trào đấu tranh cho chính nghĩa của Phật-giáo. Trong những ngày đầy gian khổ đó, tôi vô cùng xúc động và sung sướng được xác nhận rằng liệt vị Tăng-già hên Bắc - tôn và Nam - tôn đã đoàn kết chặt chẽ tranh đấu cho chánh-pháp, ngay tại Huế đây trước

rồi mới lan rộng vào thủ đô và các nơi khác. Mục đích cuộc hành trình của tôi kỳ này là đi thăm viếng các chùa cùng Tăng Ni Phật-tử lương phái, khảo sát sự sinh hoạt như thế nào để hiểu rõ tình hình tại chỗ. Khi về, tôi sẽ đệ trình bản phúc trình cho bên Nam-tôn, và tất nhiên bên phái chúng tôi cũng sẽ đệ trình lên Viện - Hóa - Đạo GHPGVNTN xét xem luôn. Tôi dự định sẽ khởi thảo một chương-trình và kế hoạch đi hòa và phối hợp những sự hoạt động của hai tôn phái trong Giáo-hội Phật-giáo Thống - nhất, và đề ra những biện pháp thích ứng để chấn đứng những âm mưu xuyên tạc và phá hoại của những kẻ đôi lốt tôn-giáo để ly gián và bôi lọ tôn-giáo. Chúng tôi đã ghé thăm tỉnh lỵ Quảng - Tín, thị - xã Đà - Nẵng và Hội-An, chúng tôi đã thuyết pháp tại các nơi ấy, chúng tôi hoan hỷ được thấy rất đông Phật - tử lời 2, 3 nghìn người đến tham dự với sự hiện diện của quý vị đại biểu dân quâa chính. Ở đâu tôi cũng thấy một tinh-thần hăng hái hồi hướng Phật đạo. Tôi dự định sẽ ra thuyết pháp tại Quảng-trị, còn ngay tại Huế đây tôi sẽ thuyết pháp tại chùa Diệu - Đế 2 đêm vào ngày thứ bảy và chủ nhật cuối tuần này. Những đề tài thuyết pháp của tôi là: Phật - giáo thế giới hiện nay và Phật - giáo với khoa-học

HỎI: Bạch Đại - đức, theo ý Ngài, Giáo - Hội Phật - giáo VN cần làm việc gì trước tiên trong giai đoạn mới này?

ĐÁP: Tôi nghĩ rằng nhiệm vụ trước mắt của Phật-giáo-đồ là chỉnh đốn và củng cố hàng ngũ từ Tăng Ni đến tín đồ, đoàn kết thực sự để xây dựng đạo pháp, trong giới luật trang nghiêm. Hãy cùng nhau tìm những cơ hội, để cho Phật - tử Bắc-tôn và Nam-tôn được tiếp xúc với nhau nhiều hơn tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau để thực sự đoàn kết phát huy đạo pháp. Vì hàng ngũ rời rạc thì sẽ bị trở ngại trên mọi phương diện. Trước kia vì bị đàn áp, ta không có điều kiện thuận tiện để học hỏi và xây dựng hàng ngũ, ngày nay tương đối khả quan

đổi chút, vậy chúng ta hãy đem toàn lực xây dựng chúng ta trước hết để đủ mạnh phục vụ quần sanh và chánh-pháp nêu cao tinh-thần Phật-giáo đối nội cũng như đối ngoại. Nhưng chúng ta đề cao cảnh giác, đừng để cho một giáo phái nào, một chủ nghĩa nào hay bất cứ một ai có thể lợi dụng danh nghĩa của chúng ta mà lũng đoạn tinh-thần cao quý của Phật đạo.

HỎI: Xin Ngài cho biết cảm tưởng và ý nghĩa của Hội cùng tín-đồ Nam-tôn đối với việc thống-nhất giáo-hội và xin Ngài cho biết một vài kế hoạch để thực hiện sự thống-nhất ấy trên thực tế?

ĐÁP: Tăng-già và tín-đồ Nam-Tôn rất hân hạnh và vui mừng không xiết khi thấy sự thống nhất hai tôn phái được thực hiện trên đất nước Việt-Nam, trong khi chưa có nước nào trên thế giới thực hiện được một kỳ công như vậy. Ý chí đoàn kết thống nhất trong sự nương nể, tương thân tương kính ấy làm vinh dự cho cả Bắc-tôn và Nam-tôn. Tất nhiên, bước đầu thống nhất này, chỉ mới có đoàn kết trong tinh thần và ý chí, dần dần sẽ có những sự thống nhất khác về giáo lý như là soạn thảo một quyển kinh chung cho cả hai tôn phái để tụng chung với nhau, ngoại trừ những buổi tụng kinh thường nhật riêng cho mỗi phái theo cổ truyền. Ngoài ra cũng nên đề ra những công tác chung cho Phật-tử lưỡng phái, như là các trường Bồ-đề chẳng hạn, các Phật-tử Nam-tôn và Bắc-tôn nên đồng góp sức xây dựng. Các công tác xã hội từ thiện các công tác cứu thương, cứu bão phòng lụt v.v... Phật-tử hai tôn phái nên hợp tác với nhau. Còn đối với các em trong gia đình Phật-tử, thỉnh thoảng nên đặt vấn đề sinh hoạt chung hoặc cắm trại chung để gây tình thân ái, nếu hoàn cảnh thuận tiện cho phép.

HỎI: Xin Đại-đức cho biết qua hoạt động của Ngài đối với cuộc tranh đấu Phật-giáo vừa qua.

ĐÁP: Tôi được cử vào chức vụ Đệ nhất Phó Chủ

tịch trong Ủy-ban Liên-phái bảo vệ Phật-giáo, cùng nhau vạch chương trình kế hoạch lãnh đạo cuộc đấu tranh cho 5 nguyện vọng của Phật-giáo-dồ. Tôi đã kêu gọi các tăng tín đồ Nam-tôn tích cực tham gia đấu tranh, trong tất cả các cuộc biểu tình tại thủ đô Saigon, những Tăng-sĩ Nam-tôn xung phong cầm cờ Phật-giáo dẫn đầu, sát cánh với tăng sĩ Bắc-tôn quyết liệt đấu tranh, chống đối và phá tan mọi âm mưu mua chuộc và chia rẽ của chính quyền cũ. Chúng tôi bên Nam-tôn, tuy là thiểu số trong nước, nhưng lực lượng Phật-giáo Nam-tôn trên Quốc-tế cũng khá đông, họ không lãn đăm với cuộc tranh đấu này và sẵn sàng hâu thuẫn mạnh mẽ vì họ thấy chúng tôi sẵn sàng hy sinh bên cạnh các đồng đạo Tăng Ni và tín-dồ Bắc-tôn và sau rốt chính tôi bị bắt giam giữ trong 5 khám.

HỎI: Xin Đại-đức vui lòng cho biết qua tiểu sử của Ngài

ĐÁP: Tôi sinh năm 1911 tại Sadec — Nguyên cựu công chức, — Bán thể xuất gia năm 1940. Tôi sinh trưởng trong một gia đình theo Bắc-tôn, về sau cơ duyên đưa đẩy tôi được nghe Đại-đức Narada tại Cam-bốt thuyết minh, và tôi phát tâm xuất gia theo tôn phái Nam-tôn từ đấy.

Tôi tu luyện pháp môn thuyền định ngót 12 năm trên rừng núi bên Cam-bốt. Đoạn, tôi nghiên cứu Phật-giáo Nam-tôn tại Cam-bốt, Lào, Thái-lan, Miến-điện, Népal, Ấn-độ, Tích-lan, tôi theo học tại Đại-học-đường Phật-giáo Colombo (Tích-lan) trong 2 năm, cùng học chung với quý Thượng-tọa Minh-Châu, Quảng-Độ, và Quảng-Liên. Tôi về nước năm 1952, và tôi đã thỉnh ngọc Xá-Lợi từ Tích-lan về nước lần đầu tiên để tôn thờ tại chùa Xá-Lợi và chùa Kỳ-Viên, cùng thỉnh về nước một số kinh sách tiếng ba-lì của phái Nam-tôn.

Đã tham dự Đại-hội kết tập Tam-Tạng lần thứ 6 tại Miến-điện (1954).

Dự Đại-hội Phật-giáo thế giới lần thứ 3 tại Miến (1956)

Dự Đại-hội Phật-giáo thế giới lần thứ 4 tại Népal (1958)

Dự Đại-hội Triết-học Đông-phương tại New-Delhi (1958)

Dự Đại - hội lịch sử Tôn - giáo Thế - giới tại Đông kinh (1959)

Dự Đại-hội lịch-sử tôn-giáo thế giới lần thứ 10 tại Marburg (Tây-đức 1961)

Được bầu Phó chủ tịch Phật-giáo thế giới tại Đại-hội Phật-giáo thế giới lần thứ 5 tại Vọng-các Thái-lan (1961)

Dự Đại-hội Phật-giáo Thế-giới lần thứ 6 tại Nam-vang (Căm-bốt) với tư cách Phó Chủ-tịch,

Đã du hành với tư cách là Phó Chủ tịch Hội Phật-giáo Thế-giới và Tăng-Thống Giáo-hội Phật-giáo Nguyên-thủy tại các nước sau đây để khảo sát các tổ chức và hoạt động Phật-giáo: Paris, Genève, Luân-đôn, Ý-đại-lợi Ba-tư.

Chấm dứt cuộc đối thoại, Đại-đức Bửu-Chơn ban ân trao tặng đặc phái viên Liên-Hoa ba quyển kinh sách do Phật-giáo Nam-tôn ấn tống, Ngài ưu ái viết lời đề tặng, trong khi đó, tin đồn đã lấp nập vào chùa để nghe ngài thuyết pháp. Bái biệt Đại-đức, bên tai chúng tôi cùng vang vang nghe lời Ngài dạy:

— Tôi đang đau ốm lâu nay, nhưng tôi không dám nghỉ lâu hơn nữa, và tôi cũng chưa muốn chết, vì tôi cần phải góp sức xây dựng Đạo Pháp trong giai đoạn cực kỳ quan trọng này của giáo sử, cho đến hơi thở cuối cùng.

Đại-đức Bửu-Chơn để lại một hình ảnh sáng lạn trong tâm khảm chúng tôi, một vị Tăng-sĩ mẫu mực dũng mãnh trong tinh thần phục vụ chánh pháp trong quốc nội và hải ngoại, bốn ba đây đó không nơi khó nhọc để gieo rắc hạt giống Bồ-đề, chúng tôi được biết Ngài đã cố gắng phi thường tự học được rất nhiều sinh ngữ để có phương tiện hoằng dương chánh pháp cho được bao la sâu rộng. Ngài biết các sinh ngữ Lào, Mễ, Thái-lan, Tích-lan, Pháp Đức, Anh, Ý-đại-lợi và tiếng Pali.

Đặc phái viên Tâm-Hoan và Tâm-Thuận.

TÌNH MẪU TỬ

XUA có một cậu bé Hồng-Sa
 Bị ghe tình đem vào núi tự thuở mười ba
 Lúc trưởng thành nó sai về quê giết mẹ,
 Anh vui lòng tuân theo, chẳng hiểu vì sao lại thế



Nhưng đêm đó, khi anh vừa chợp ngủ,
 Anh chợt mơ thấy mình trở về quê cũ.
 Anh đã gặp người mẹ hiền,
 Anh sống lại những ngày xa xưa như trong chuyện thần tiên
 Và buổi chiều, anh đứng đầu nhà chờ mẹ,
 Anh chờ mãi đến lúc đêm tàn trăng xế...
 Mẹ vẫn không về.
 Anh ngồi im kia như pho tượng đá
 Nhìn về phía mẹ ra đi mà bản khoăn tắc dạ.
 Quanh anh là rừng nước trời,
 Và trên trời có những ánh sao rơi.
 Chợt,

lòng anh tê tái
 Vì có chiếc xe tang từ xa đi lại
 Chiếc xe dừng trước cửa dưới trăng
 Rồi tiếng gõ cửa..
 Trời!

mẹ hiền ngộ nạn rồi chăng?
 Lòng anh quặn đau, hồn anh giá lạnh.
 Vì anh đoán mẹ anh đã qua đời
 ôi số mệnh!

Anh gục mặt vào lòng bàn tay nước nỡ.
 Thương mẹ hiền từ nay không còn thấy nữa.
 Nhưng,

kỳ lạ thay,
 khi anh ngẩng đầu lên
 Mẹ anh đã tươi cười đứng ở ngay bên.
 Người cầm một trái thơm nhìn anh mắt hiền vời vời.
 Rồi trao cho anh y như hồi xưa, hồi anh còn nhỏ dại,

Và chiếc xe lang đã hóa thành xe nhỏ,
Chiếc xe chở hàng của mẹ già sớm hôm cầu chợ.



Sự tình —

Nghẹn ngào —

Lòng anh nung nấu.

Giấc mơ xúc động đã đưa anh trở về thời thơ ấu
Đã nhắc lại ơn sâu nghĩa nặng
Của mẫu tử tình thâm như biển trời cao rộng
Hai dòng lệ lăn đều trên gò má héo hon
Của một người vừa sức nhớ tới bồn phận lắm con.



Ngày hôm sau,

Yêu tình đến khi mặt trời vừa hé

Nó muốn đưa anh về quê để thi hành độc kế.

Anh đã khỏi u mê, anh đâu còn ngơ ngẩn?

Anh cương quyết khước từ. Mặc cho yêu tình nổi giận.

Yêu tình dỗi chặt tay anh.

Anh bằng lòng.

— Đường gươm vung mạnh!

Yêu tình dỗi chặt chân anh.

Anh bằng lòng.

— Nhất kiếm đưa nhanh!

Than ôi, trông anh lúc đó vuông như khúc gỗ,

Nhưng là khúc gỗ có hồn không bị loài ma cảm dỗ.

Sau hết yêu tình tiến lại bảo anh:

« Có hai hình phạt cuối cùng, người phải chọn cho nhanh,

« Hoặc ta sẽ moi óc người vứt ra ngoài núi,

« Hoặc ta chặt đầu người quăng vào trong bụi.

« Người chọn cách nào?

« Ta sẽ dùng dao

« Làm theo ý muốn

« Hết giống thanh cao!»

Anh trả lời chững chạc.

— « Người hãy chặt đầu ta!»

Vì anh nghĩ:

Dẫu mình có thác

Vẫn cần giữ bộ óc trong đầu

Để khi xuống suối vàng...

Anh còn nhận ra mẹ mà ghi nhớ ơn sâu.

Tính cách kỳ-thị Tôn-Giáo CỦA NHU DIỆM

trước dư-luận ngoại-quốc

Chúa nhật 30-6-63, nghĩa là sau khi Thượng Tọa Thích Quảng Đức tự thiêu mình hơn 2 tuần ở ngả tư Phan Đình Phùng và Lê văn Duyệt trước Tòa Đại diện Cam-Bốt tại Sài-Gòn ông Donalds Harrington giảng tại nhà thờ lớn Nhữ-Uớc về tánh cách kỳ thị Tôn Giáo của Chánh phủ Ngô-dinh-Diệm ở miền Nam Việt Nam.

Một bài giảng rất hay, rất cảm động.

Ông Donalds Harrington đem so sánh sự tự thiêu mình của Thượng Tọa Thích Quảng Đức với những bậc Tử Vi Đạo trong lịch sử thế giới mô tả tánh cách tàn nhẫn độc ác cay nghiệt của chánh sách cai trị của Nhu Diệm.

Bài giảng ấy lại có thể coi như là đánh dấu một giai đoạn lịch sử tranh đấu của Phật Giáo đồ Việt Nam.

Lúc ấy « Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo » phiên dịch và phổ biến trong hàng Phật-Tử. Nhưng như ai nấy đều biết trong những tháng 7, và đầu tháng 8 dl 1963. Chánh phủ Diệm lằng gia khủng bố gấp bội. Biết bao Phật-Tử bị xét nhà vì có xét tờ khai gia đình nửa đêm mà bị bắt gộp tài liệu của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo thì đều bị bắt bớ giam cầm... cho đến nay nhiều người còn rõ thấy ở các hầm giam bí mật. Thế nên có lẽ còn nhiều Bạn đọc chưa được xem qua bài giảng rất có giá trị này. Để cho đầy đủ trong sử liệu, hôm nay chúng tôi cũng đăng lại bài giảng của ông Donalds Harrington.

Cách đây hơn hai tuần, ngày 11-6-63, một đoàn Tăng Ni mặc áo vàng đang diễu hành qua các đường phố Saigon. Thủ đô miền Nam Việt-Nam. Bỗng nhiên Tăng Ni đứng giàn ra thành vòng tròn và một vị Sư 73 tuổi tên Thích Quảng-Đức ngồi xếp xéo chân theo kiểu tọa thiền trên đường nhựa nóng. Trong tay Người cầm một xâu chuỗi 54 hạt và bắt đầu niệm Phật và trên chiếc Cà-Sa Ngài đã tằm ướt đầy xăng. Tất cả các Tăng Ni lùi lại: kính cần, kính sợ. Những khách bộ hành nhận thấy rằng một biến cố phi thường gì sắp sửa xảy ra, nên tất cả đều dừng lại chờ đợi.

Với một vẻ yên lặng, bình thản trên khuôn mặt, Ngài Quảng

Đức niệm lớn : « Nam Mô A Di Đà Phật ». Thế rồi người bật một que diêm và ngọn lửa bùng bùng bốc lên phủ kín thân người, nhưng người không hề kêu la hay động đậy. Người ngồi ngay thẳng trong 10 phút, thân hình chìm trong lửa đỏ, và khi lửa tàn, người nằm xuống bất tỉnh.

Con người ít khi coi nhẹ cái chết, tham sống có lẽ là một bản năng, thiên phú sâu xa nhất.

Thường thường có những người tuyệt vọng hoàn toàn mới tự tử và thường tìm cái chết giản dị và ít đau đớn nhất vì đối với họ, hành động tự tử là kết quả của lòng sợ hãi.

Người ta có thể tự hỏi sự khủng khiếp và niềm phẫn hận nào đã có thể khiến cho một người khỏi « Tình Thương » của « Hòa Bình » quyết chí tự tử ?

Chúng ta không thể trả lời câu hỏi đi theo danh từ sợ hãi. Chúng ta chỉ hiểu được sự kiện đó nếu chúng ta biết rằng còn một loại tự tử khác thường được mệnh danh là « Tử Đạo »



— Chúng ta hưởng một mùa Phật-đản vui vẻ, không có quyền quên những người đồng đạo chúng ta đang quần quật trên giường bệnh vì đấu tranh cho Phật-pháp !

Nếu sự tuyệt vọng hoàn toàn và chán đời cực độ đã đưa con người này đến chỗ tự tử, thì một lý tưởng cao cả nhất và lòng yêu đời nồng nàn, một đôi khi cũng đã sản xuất những người tử đạo quả cảm nhất trong Lịch-sử. Chúa Jê-sus là một người như thế.

Chúa đã chết tại Jérusalem, trong thời gian nguy cấp là sự tự lựa chọn của Ngài, và như vậy, dĩ nhiên là Ngài đã không lợi dụng cơ hội để trốn tránh khi Ngài thấy rằng con người đã có ác ý chống lại Ngài.

Người La-Mã đóng đinh nhưng Chúa Jê-sus muốn tự mình thử thách và theo nghĩa đó thì sự đóng đinh trên cây Thập Tự là sự tự nguyện của Ngài.

Michel Servetus người tử đạo đã bị John Calvin đốt sống vì bị nghi là dị giáo, đã bị bắt trong khi đang dự lễ ngày Chủ Nhật tại nhà thờ của John Calvin vào lúc mà Ông bị truy nã rất gắt. Như vậy ta thấy Servetus cũng tự đặt mình vào một trường hợp thử thách.

Ngay cả đến Jeanne d'Arc cũng đã có thể thoát chết nếu Nàng bằng lòng thừa nhận rằng, Nàng đã nghe lầm trong những vắng vắng từ trên không.

Ngày nay Hòa thượng Quảng-Đức một Tu-sĩ Phật-Giáo khổ hạnh cũng đã tự nguyện gia nhập vào đoàn người ấy và hy sinh đời mình cho tình thương cho sự cải thiện của con người.

Trong bản Di Ngôn « Trước khi nhắm mắt về với Đức Phật » gởi cho Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm của miền Nam Việt-Nam, Hòa-Thượng Quảng-Đức đã nói: « Tôi trân trọng gởi lời (người cũng có thể nói gởi cả cuộc đời) cho Tổng-Thống Diệm, yêu cầu ông nên lấy lời nhân từ, khoan dung đối với nhân dân và thực thi chánh sách bình đẳng Tôn giáo ».

Phản ứng của Tổng - Thống Diệm đối với những lời kêu gọi trên đã nêu rõ tính chất thống trị của Ông ta tại miền Nam Việt-Nam. Và cũng là điển hình cho những vấn đề của chúng ta ngày nay.

Ông đã ra lệnh siết chặt vòng vây ở Saigon, phong tỏa các Chùa bằng những hàng rào dây kẽm gai với cái chết của Hòa-Thượng Quảng-Đức cho điều mà Ông gọi là « Những khối óc đã bị đầu độc bởi sự tuyên truyền của Cộng-sản », và thân nhiên tuyên bố rằng: « Sau Phật-Giáo còn có Hiến-Pháp, nghĩa là còn có tôi ».

Những sự kiện nào đã đưa đến tấn thảm kịch, nhưng theo một ý nghĩa khác thì đó là một thắng lợi các bạn sẽ nhớ rằng trở về năm 1954, sự quyết định tối hậu đã đem lại sự phân chia Việt-Nam thành hai Quốc gia khác nhau, một nước Cộng-Sản ở miền Bắc. Và một Quốc gia mệnh danh là DÂN CHỦ tại miền Nam Việt-Nam. Việt-Nam năm 1955 Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã truất phế Bảo-Đại. Và thiết lập chế độ của Ông, các lực lượng quốc tế kể cả Hoa-Kỳ và Pháp đồng ý cho ông Diệm thành lập chế độ mới với điều kiện phải mở cuộc trưng cầu dân ý mới.

Trong những năm qua sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng cho chế độ Tổng Thống Diệm cứ tiếp tục giảm dần.

Đã có lần người ta dự tính sự ủng hộ đó trên 50 phần trăm. Ngày nay chỉ có lẽ còn hơn 10 phần trăm.

Dần dần Tổng Thống Diệm tiêu diệt tất cả các Đảng phái đối lập dân áp các mọi phong trào Tôn giáo khác và tất cả những ai bằng cách này hay cách khác, muốn thấy rằng miền Nam Việt Nam sẽ có một Chính - phủ dân chủ thật sự để cho mọi chính kiến khác nhau đều có cơ hội biểu lộ tư tưởng của mình và tổ chức thành một khối duy nhất theo đường lối dân chủ.

Dần dần Tổng Thống Diệm đã thành lập một hệ thống Công An rất rộng, tiêu diệt quyền tự do báo chí, và theo đuổi một chế độ độc tài mà ở nhiều khía cạnh có thể còn nguy hiểm và thối nát hơn các Quốc gia độc tài Cộng sản. Từ năm 1955 Chính phủ Ông đã nhận được sự viện trợ khổng lồ của Chính phủ Hoa-Kỳ cả về quân sự và tài-chính. Dĩ nhiên sự viện trợ đó mục đích để duy trì miền Nam Việt-Nam khỏi rơi vào tay Cộng-sản từ miền Bắc xâm nhập vào.

Những vô khí đó được dùng chống lại Cộng sản, vâng! Nhưng hơn thế nữa Tổng Thống Diệm và gia đình ông đã dùng vũ khí đó để uy hiếp dân chúng, Ông phải khuất phục dưới chế độ mà càng ngày họ càng chán ghét và sợ hãi. Đối với bất cứ nhà quan sát khách quan nào cũng thấy rằng, Hoa-Kỳ càng ngày càng tăng thêm sự ủng hộ cả quân sự lẫn dân sự một Chính Phủ đã mất hẳn lòng tin tưởng và kính mến của toàn dân và vì thế sự viện trợ đó ta có thể thấy trước một tương lai gần đây, có thể lọt vào tay Cộng sản là những người tự nhận họ là giải phóng quân không một số lượng vũ khí nào có thể duy trì một quốc gia nếu nhân dân tại quốc gia đó càng ngày càng sợ Chính phủ họ hơn là sợ kẻ thù của Chính phủ họ.

Như vậy, không sớm thì muộn họ sẽ một là cho, hai là bấu vủ
khí của họ cho kẻ thù.

Đĩ nhiên miền Nam VN có một vị trí chiến lược quan trọng trong
cuộc chiến tranh chống Cộng trên thế giới.

Người ta thường gọi Nam Việt là tiền đồn của miền Đông Á
hay là miền Nam Á. Vì Việt-Nam nằm sát Lào, Cam Bốt gần Thái
Lan, Thái Lan lại gần Miến-Điện và Miến-Điện lại sát Ấn-Độ. Như
thế, nếu VN rơi vào tay Cộng sản thì rất có thể Cộng sản sẽ mở đường
tiến thẳng xuống Mã-Lai, Nam-Dương và Phi-luật-Tân.

Bởi thế, ta rất dễ hiểu tại sao Hoa Kỳ muốn phòng thủ nền độc
lập của Việt-Nam.

Nhưng điều mà Hoa-Kỳ đã làm để ủng hộ Tổng Thống Diệm và
Chính Phủ Ông, bất chấp sự đàn áp các đảng phái đối lập và sự
hạn chế sự tự do dân chủ và mất sự ủng hộ căn bản của chúng ta,
đã trở thành một điều bất lợi cho công cuộc chiến đấu chống Cộng
một cách hữu hiệu.

Khía cạnh Tôn Giáo của cuộc tranh chấp là ở điểm mặc dầu
Chính Phủ Tổng Thống Diệm được xây dựng trên căn bản tín-lý Thiên
Chúa Giáo và đa số công chức quan trọng trong Chính Phủ là người
Thiên Chúa, nhưng dân số trong nước thì từ 70 đến 90 phần trăm là
Phật-giáo-dồ. Người ta sẽ nghĩ rằng trong một quốc gia mà đại đa
số dân chúng theo Tôn Giáo khác thì Chính Phủ của Quốc gia ấy
nên phải đối xử hợp tình hợp lý với đa số ấy. Thiều số 1/10 không
có thể được tương lai trong một quốc gia trừ phi một phần đó cư
xử từ tế và công bằng với đa số mà họ phải chung sống. Nhưng
Tổng Thống Diệm đã quá tin tưởng ở quyền lực của mình để thống
trị miền Nam V.N. nhờ sự viện trợ hùng hậu của Hoa-Kỳ trong 7
năm qua đến nỗi Ông ta không ngần ngại khinh rẻ, nhục mạ và ngược
đãi Phật-giáo-dồ trong suốt mấy năm ấy và sự kỳ thị trở nên trắng trợn
theo thời gian. Mỗi khi khiếu nại lại phải gặp sự áp bức dã man và
cay nghiệt nên kết quả đã đưa đến một phong trào gần giống như
một cách mạng mặc dầu phong - trào đó được bộc lộ qua phương
pháp bất bạo động cổ truyền của Phật-Giáo.

Những người Phật-tử có một tôn giáo lấy Từ Bi làm tôn chỉ và rất
hiếu hòa đang bị tinh thể dồn đến bờ vực thẳm của bạo động thì chúng
ta có thể tưởng tượng được sự khiêu khích có một sức mạnh đến
thế nào.

Sự kỳ thị tôn-giáo đó đã được biểu lộ bằng nhiều cách. Phần lớn công chức trong Chính phủ là người Thiên-Chúa-giáo. Mặc dù 80 hay 90 phần trăm binh sĩ là Phật tử, nhưng các sĩ quan trong quân đội từ cấp Ủy trở lên phần nhiều là người Thiên Chúa, và nếu ai muốn được thăng chức phải trở lại theo Thiên Chúa-giáo. Mặc dù Phật-giáo là tôn giáo chuộng hòa bình, nhưng các thanh niên Tăng sĩ Phật-giáo cũng phải nhập ngũ và không có quyền Tuyên úy Phật-giáo trong quân đội.

Các quan sát viên và ký giả Hoa-kỳ đã tố cáo; và đây tôi xin trích một đoạn trong tờ báo Newsweek số ngày 27-5-63: « Các Tư lệnh tiểu đoàn Thiên Chúa-giáo trong quân đội miền Nam Việt-Nam được trang bị với vũ khí hạng nặng và đầy đủ hơn là những người không phải Thiên Chúa-giáo ». Tại nhiều khu vực các Giáo-sĩ Thiên Chúa-giáo có quân đội riêng mệnh danh là « Đoàn quân Giám-mục » có phận sự bảo vệ nhà thờ và các Giáo-sĩ và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám-mục anh ruột của Tổng-Thống Diệm. Đoàn quân này được trang bị bằng vũ khí Hoa-kỳ, các bạn và tôi phải trả sự tổn kém đó, và họ được các cố vấn quân sự Hoa-kỳ huấn luyện. Hai trường Đại-học mới tại miền Nam V.N. là của Thiên Chúa-giáo. Phật-giáo-đồ không bao giờ có đủ phương tiện để có được một nền giáo dục như vậy.

Phần lớn các thực vật viện trợ của Hoa-kỳ được gửi qua cơ quan cứu trợ Thiên Chúa-giáo, rồi do đó các Giáo-sĩ Thiên Chúa giáo ở các tỉnh phân phát, nhưng lạm dụng rất nhiều. Mỗi năm Hoa-kỳ đổ vào xứ này với 15 triệu đến 300 triệu đô la. Một nhà truyền giáo Tin lành đã hoạt động tại tỉnh Bình - Định nói trắng ra rằng: « Tất cả các nhà thờ Thiên-Chúa ở tỉnh này đều được xây cất bằng tiền xđ số và tiền bán các thực phẩm cứu trợ ». Các thánh đường Thiên-Chúa đã được xây cất trong các nơi thánh tích Phật-giáo với sự cho phép và khuyến khích của Chính phủ. Thí dụ: tháng 3 năm 1961 một trăm người ở làng Tu-chánh đã phàn nàn Chính phủ về việc cho phép một Linh mục xây một ngôi nhà thờ Đức bà trên núi Thiên-Bút là nơi đã có một cảnh Chùa và nghĩa trang dành cho tín-đồ Phật-giáo, người ta khó có thể tưởng tượng được một việc làm khôn ngoan hơn.

Em dâu Tổng-Thống Diệm, bà Ngô-Đình-Nhu, đã cấm thuốc ngừa thai, cấm chế-dộ da thê, cấm ly dị trừ khi được Tổng-Thống phê chuẩn. Đó là một vài việc làm đã khiến dân chúng bất mãn.

Tất cả vấn đề đã đến cực độ vào tháng năm vừa rồi. Ngày 5 tháng 5 là lễ Ngân-Khánh của Tổng-Giám-Mục Huế, anh của Tổng-Thống Diệm và trong việc này cờ của Vatican được treo ngang hàng với cờ Quốc-Gia. Thế rồi, chỉ 3 ngày sau là ngày Phật-Đản thì cờ Phật-giáo bị cấm không được treo. Tổng-Thống Diệm giải thích là khi ông thấy cờ Vatican được treo, Ông cho đó là trái phép, nên Ông cấm treo cờ Phật-giáo, nhưng không ngờ lại đúng vào ngày Phật-Đản. Thế là xảy ra những cuộc biểu-tình liên tiếp và quân-đội Tổng-Thống Diệm nổ súng vào đám đông giết chết 9 người. Khi bị phản đối thì Tổng-Thống Diệm nói rằng đó là Việt-cộng ném lựu đạn làm thiệt mạng 9 người ấy và Chính-phủ hoàn toàn không chịu trách nhiệm. Nhưng các nhà báo ngoại quốc có đầy đủ hình ảnh về vụ đó và cho thấy rõ một trăm phần trăm là quân-đội Chính-phủ đã bắn vào đám đông làm cho 9 người thiệt mạng. Có hàng ngàn người bị bắt trong vụ này. Đến ngày 4 tháng 6 lại một cuộc biểu tình nữa diễn ra gồm toàn sinh-viên tại Huế và cuộc biểu tình này bị quân-sĩ và Cảnh-sát của ông Diệm đàn áp bằng lựu đạn cay mắt, và bom lửa chế tạo tại Hoa-Kỳ. 67 sinh viên bị phỏng khắp người. Rồi đến ngày 11-6, Hòa-Thượng Quảng-Đức hy sinh đời mình bằng cách tự thiêu để thức tỉnh lương tâm của Tổng-Thống Diệm và lưu ý cho hoàn cầu.

Ngày 15 tháng 6 có một sự thỏa hiệp sơ bộ. Chính-phủ hứa sẽ trả 73 đô la cho mỗi gia đình của những nạn nhân bị giết tại Huế. Họ cũng hứa sẽ không làm khó dễ với các Tăng Ni. Phật-giáo đồ sẽ được treo cờ Phật-giáo song song với cờ Quốc-gia trong những ngày lễ Phật-giáo. Họ cũng hứa sẽ đổi lại một đạo dụ từ trước vẫn biệt đãi Thiên-chúa-giáo hơn Phật-giáo. Nhưng chỉ hôm sau thì Cảnh-sát chiến đấu đã đàn áp một số Ni-cô tại một ngã tư gần chùa Xá-Lợi khi các Ni-cô này muốn vào chùa để cầu nguyện cho Hòa-Thượng Quảng-Đức. Các Ni-cô bị bóp cò quăng lên xe Cảnh-sát, có nhiều cô chết ngất đi. Một em bé 15 tuổi bị giết, nhiều người bị thương và hàng trăm người bị bắt. Ngày 17 tháng 6, báo The Times of Việt-Nam (do bà Ngô-Đình-Nhu thuê người viết) tố cáo rằng tất cả các cuộc biểu tình của Phật-giáo đều được tổ-chức đúng với chiến thuật của Cộng-sản một cách rất cẩn thận và có kế hoạch. Tôi tin rằng một số người ở đây, tại Mỹ-quốc này, sẽ nói rằng một số Giáo-sĩ đã dâng một bản thông cáo trên tờ New-York Times trong tuần rồi cũng là dụng cụ của Cộng-sản.

Đó là những sự kiện xảy ra trong lúc này — một sự rối loạn cực độ tại miền Nam Việt-Nam, khắp nơi trong nước ngọn lửa căm phẫn đang bốc lên bùng bùng.

Nhưng điều đó có liên quan gì đến các bạn và tôi! Chỉ có điều này chúng ta phải trả tiền cho những vũ khí đó: Chúng ta phải trả cho các thực phẩm cứu trợ: chúng ta đưa người của chúng ta đến huấn luyện cho quân - sĩ của Chánh - phủ Diệm. Nếu không có sự viện-trợ đặc biệt hàng hậu của chúng ta thì những kẻ chuyên chế áp bức và sự kỳ thị đó sẽ bị lật nhào chỉ trong giờ phút mà thôi.

Bấy giờ thì người ta đang tự hỏi không biết Chính - phủ Saigon còn tồn tại được bao lâu nữa ngay cả sự viện-trợ của chúng ta. Bởi thế, nên chúng ta có liên hệ và điều đó rất có ý nghĩa đối với ta. Theo tôi nghĩ thì một trong những điều mà Hoa - Kỳ phải học là: Hoa-Kỳ không thể giúp đỡ những Chính-phủ ngoại-quốc để họ nắm mãi quyền hành để áp bức nhân dân của họ mà không chịu chia sẻ trách nhiệm về sự áp bức ấy. Điều sỉ nhục ấy sẽ khiến cho tâm hồn của mọi người Hoa-Kỳ cắn cỏi. Nhưng ta biết làm cách nào! Tôi mong muốn có được những lời giải đáp dễ dàng, nhưng tôi phải hoài nghi rằng vấn đề này hết sức khó khăn, vì những người sẵn sàng đưa ra được những lời giải đáp ấy thì đã bị bóp nghẹt bởi chính sự viện-trợ của chúng ta rồi!!!

Hoa - kỳ với ông Henry Cabot Lodge là Tân Đại - Sứ của chúng ta phải tìm mọi cách thuyết phục ông Diệm thực thi quyền bình đẳng cho tất cả đoàn thể Tôn-giáo như đã được ghi trong Hiến Pháp, dù có phải rút hết viện-trợ của Hoa-kỳ cho chính phủ ông đi nữa, Hoa-kỳ cũng dừng ngăn ngại. Tôi tưởng rằng đã đến lúc Hoa-kỳ phải tự tay phân phối những thực phẩm cứu trợ mà đừng trao cho một cơ quan cứu trợ Thiên-chúa hay chính phủ phân phối. Nếu chúng ta cứ tiếp tục viện trợ hàng triệu đô-la cho Việt-Nam, nơi mà sự viện-trợ đã bị lạm dụng quá nhiều, thì tôi tin rằng đã đến lúc chúng ta phải khuyến-khích Phật-giáo-đồ khuếch-trương nền Cao-đẳng giáo dục của họ để họ có thể tham gia vào sự lãnh đạo trong nước. Cũng như sự viện trợ của chúng ta đã vô tình giúp đỡ người Thiên-chúa phát-triển nền Cao-đẳng giáo dục của họ để làm lợi cho thiểu số 10 phần trăm, vậy bây giờ chúng ta cũng phải giúp đỡ đa số 70 đến 90 phần trăm. Đó là việc có thể làm ngay và đó cũng là tình trạng mà Chính-phủ Hoa-kỳ không thể làm ngơ được nữa.

Đứng về mặt chính trị thì vấn đề đó còn khó khăn nhiều. Bản thông cáo mà chúng ta đăng trên mặt báo tuần rồi là thông cáo phản đối. Người ta có thể nói bản Thông cáo đó mới chỉ là mặt tiêu cực thôi. Tôi còn nhớ câu chuyện cách đây mấy năm tại San Juan, puerto Rico, tôi gặp một nhạc sĩ đại-hồ-cầm tên tuổi. Ông Pable Casals, người đã bằng lòng chịu đi đây chứ không chịu trở về quê hương là nơi bị chế độ độc tài áp bức thống trị, và từ chối luôn không chịu trình diễn tại các quốc gia đã thừa nhận hay đặt quan hệ với Chính-phủ xú ông. Casals, với thái độ dịu dàng và là một trong những người dễ cảm nhất mà tôi từng gặp, thuật lại cho chúng tôi câu chuyện ông nói với Schweitzer khi họ đề cập đến vấn đề tại sao ông không chịu trình diễn tại nhiều quốc gia? Casals nói Schweitzer đã trách ông bằng câu này: « Nền sáng tạo hơn là phản đối ». Casals nhìn tôi với vẻ nghiêm nghị và nói: « Tôi nói với Schweitzer là KHÔNG ! » Casals nói lớn tiếng quá làm tôi giật mình, rồi ông nói tiếp là có nhiều khi sự sáng tạo duy nhất mà anh có thể thực hiện là phản đối.

Chính chúng ta đang đương đầu với tình trạng ấy tại miền Nam Việt-Nam. Chúng ta phải phản đối những khả năng sáng tạo phải được khai triển. Mặc dầu chúng ta đã phạm nhiều sai lầm, nhưng vẫn còn đủ thời gian để sửa đổi. Vẫn còn thời gian để buộc Tổng Thống Diệm phải thực thi tự do dân chủ, cho phép các đảng phái chính trị đối lập hoạt động, tổ chức tuyển cử tự do, cải tổ Chính-Phủ theo một đường lối trong đó để cho dân chúng thấy rằng họ cũng được dự vào việc định đoạt số phận của chính họ. Còn gì mĩa mai hơn cho chúng ta bằng cách tiếp tục đứng nhìn một chế độ độc tài tội ác với tất cả sự khùng bố gần như độc quyền được giúp đỡ bằng vũ khí Hoa-Kỳ và tiền tài, danh dự của dân chúng Hoa-kỳ.

Một vị Sư già mới chết cách đây chưa đầy 3 tuần lễ. Người đã có thể nói người là một ông già tầm thường. Trong 10 phút người đã chịu đựng sự đau đớn của lửa hồng đang đốt da thịt người không một lời kêu than. Người tự thiêu đời người để cảnh tỉnh lương tri của con người. Người gởi mấy lời của người cho Tổng - Thống Diệm cho đến nay Diệm vẫn chưa chịu nghe hay chú ý, nhưng dù sao tiếng nói ấy vẫn là tiếng nói của tình thương tiếng nói mà trong thâm tâm của nó chứa đựng sự giải thoát của miền Nam Việt-Nam. Người đã để lại một bóng đen sì nhục lên sự huy hoàng mà Giáo-Hoàng GIOAN đã mang lại cho Giáo-Hội Thiên - Chúa - Giáo, người

đã làm và người đã phải làm, cho mỗi người Hoa-Kỳ đi tìm linh hồn của người, và cho Chính-phủ Hoa-Kỳ biết rằng, trừ phi Chính-phủ Saigon thực thi ngay quyền bình đẳng Tôn-giáo cho Phật-Giáo-Đồ và tự do cho dân chúng Việt-Nam, tất cả sự viện trợ của Hoa-Kỳ đều phải chấm dứt ngay.

Chậm rồi, Sự hy sinh của Hòa-Thượng Quảng-Đức vẫn còn được đề ý tới, và nếu thế, tình hình Việt-Nam còn có thể cứu vãn được. Ngọn lửa ấy có thể thành một tia hy vọng cho những người bị áp bức bởi ngoại quốc hay bởi chính đồng bào của họ. Hoa-Kỳ phải tìm cách biểu hiệu lý tưởng của mình và đừng quay lưng lại họ nữa. Một người chết có nghĩa gì! Chỉ có chúng ta mới có thể trả lời câu hỏi đó.

Trích báo Chương Mai số 426 ra ngày 12-11-1963

Đề quý Độc-giả Liên-Hoa hiểu về Tuần báo Hải-triều-âm một cách rõ ràng chúng tôi xin mời quý vị xem lời giới thiệu dưới đây của T. T. Thích Tâm-Châu Viện-Trưởng Viện-Hóa-Đạo.

L. T. S.

VIỆN - HÓA - ĐẠO

Giới thiệu Hải-Điều-Âm

Bản Viện chân thành giới thiệu tuần báo Hải-Điều-Âm cùng quý vị Phật-tử toàn quốc. Hải-Điều-Âm là cơ quan văn-nghe, nghị-luận và thông-tin chính-thức của Viện-Hóa-Đạo thuộc Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất. Hải-Điều-Âm sẽ đại diện cho Viện-Hóa-Đạo tiếp xúc trực tiếp với toàn thể Phật-tử xa gần, nhất là Phật-tử ở tận thôn quê hẻo lánh. Hải-Điều-Âm sẽ thỏa mãn quý Phật-tử về mặt giáo-lý, văn-nghe Phật-giáo cũng như tin tức về Phật-sự trong và ngoài nước.

Phần giáo-lý sẽ do quý Thượng-Tọa, Đại-Đức và quý Đạo-hữu trong Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất phụ trách với sự cộng tác chặt chẽ của chư Đại-Đức, Tăng Ni ở hải-ngoại và các văn-nghe-sĩ Phật-tử có tên tuổi trong nước.

Bản Viện thành thật kêu gọi chư Phật-tử toàn quốc sốt sắng ủng hộ Hải-Điều-Âm bằng cách mua đọc cho đông, cổ động cho nhiều, khuyến khích cho mạnh và cộng tác chặt chẽ với Ban Biên-Tập.

Trân trọng giới thiệu.

Viện-Trưởng Viện-Hóa-Đạo
Thượng-tọa Thích Tâm-Châu

MƠ TIẾNG HỒNG CHUNG

DƯƠNG TRƯỜNG-GIANG

MẤY hôm ấy trời mưa liên miên. Gió lồng lộng trong đám lá, mưa rầm rầm khua động mái tòn, nước giọt réo vèo vèo ngoài hiên xi măng và các ống xối chảy òng ọc. Bầu trời đen ngòm bên ngoài thỉnh thoảng chớp vài loạt sáng rồi tiếp theo tiếng sấm rền rền...

Hai đứa chúng tôi cùng thức giấc. Nằm cả đêm dưới nền xi-măng nghe lưng mình ẩm ẩm ướt, tưởng như nước bên ngoài thấm đến da-thịt.

Ngon đèn chong dọi sáng mờ mờ. Tôi ngồi chồm dậy.

Những cái mùng trắng mắc vào đầu ghế, sà thấp, giăng rải rác khắp cả phòng giam tại nha công an. Số Phát-tử bị bắt trong những ngày đầu giới nghiêm ở đây có đến trên bảy trăm người, dần dà đã được phân phối đi các trại giam khác, được trả lại tự do hay là được ủy ban liên phái P.G thuần túy lãnh về (nói theo kiểu của nhà cầm quyền) nên nay còn lại

đó ba mươi người. Một vài anh chỉ hình như cũng mới thức dậy, nằm lẩn qua trở lại hoặc thì thăm nói chuyện.

Càng về sáng, mưa gió càng dữ dội. Cảnh hỗn loạn của đêm mưa gió trông chẳng khác mấy với cái tình bình rồi reng của thời cuộc quốc gia trong mấy tháng nay.

Anh S kéo tôi nằm xuống trong khi trong đầu óc tôi đang bân rộn nhiều mối suy tư. Rồi đây, người ta sẽ buộc chúng tôi vào tội gì? Các thầy tôi hiện đang còn giam giữ ở đâu? Cái lá bài UBLP Phát-giáo thuần túy sẽ đại diện cho ai và sẽ giải quyết được gì? Rồi đây phái đoàn điều tra của L.H.Q có thẩm quyền giải quyết thế nào việc nội bộ nước ta?

Bỗng anh S lay mạnh vai tôi rồi nói đồng dục như truyền lệnh:

— Lặng tai mà nghe !..

Trong phút đột ngột, tôi

nín thở và làm theo lệnh anh.

Tôi đoán là anh vừa nghe tiếng thét của một Phật-tử nào bị tra tấn nên đề ý nghe ngóng. Nhưng tôi chẳng nghe gì khác ngoài tiếng mưa gió hỗn loạn. Chập lâu sau, tôi quay sang phía anh, bỗng nhẹ câu hỏi:

— Gì thế! có tiếng gì lạ không?

‘Anh thở một hơi mạnh làm nóng cả màng tai tôi và bảo:

— Mình vừa nghe một tiếng... tiếng chuông chùa!

Tiếng chuông chùa! Câu nói của anh đột nhiên gây cho tôi một xúc động mạnh có cái gì ghen ở cổ và đôi mắt thấy hăm hấp nóng. Phải rồi! Từ lâu chúng tôi không được nghe tiếng chuông chùa rung động trong đêm, đất nước này bằng những âm thanh từ bi, ngọt ngào. Đã từ lâu rồi, chúng tôi không được nghe tiếng chuông ngân nga của Linh-mụ, Diệu-Đế, Từ-Đàm, của Hồng-An, Tây-thiên, của Trúc-Lâm, Vạn-Phước... Từ bên trong nhà giam, chúng tôi đoán chắc rằng ở bên ngoài Phật-giáo đồ vẫn bị theo dõi, bố ráp và bắt bớ gắt gao và chúng tôi cũng đoán chắc rằng tinh thần đấu tranh bất-bạo-động: Phật-tử không đi

chùa, chùa không đánh chuông vẫn được tuân hành để tổ cáo sự đàn áp của chính quyền, để chứng tỏ tinh thần bất hợp tác, không tuân lệnh chính quyền (vì mấy hôm nay chúng tôi nghe đài phát thanh Huế mãi kêu gọi Phật-tử đi lễ chùa để gây uy tín cho UBLP Phật-giáo thuần túy)

Và cũng đã từ lâu rồi, vì những đau khổ mà người ta đổ dồn lên đầu mình, bất trí óc mình phải căng thẳng qua những đợt tra hỏi, vì những sự thiệt thòi to lớn mà Phật-giáo phải cam thọ sau ngày 21-8-63, chúng tôi đã quên cái mất mát thời thức trong đêm: tiếng chuông chùa.

Chúng tôi nằm yên lặng bên nhau và cố lắng tai nghe. Chỉ có tiếng gió vật vĩa cây cối, tiếng mưa rơi dồn dập và tiếng rên rỉ của côn trùng. Lâu lắm, trong đám âm thanh hỗn loạn trên, từ xa đưa lại một loạt tiếng khác lạ; nhưng đó không phải là tiếng chuông chùa hiên lành mà là tiếng xích sắt nghiêng trên đường của xe tăng di tản, tiều, tiếng rì của bạo tàn, của tử thần.

Hồi lâu, tôi mới hỏi thêm anh S:

— Thế nào; anh còn nghe được tiếng chuông nào nữa không?

— Không! Sao đánh lại một tiếng rồi nghỉ lâu ghê gớm!

— Hay là anh nghe lầm. Mà cũng có thể anh nghe trong giấc mơ.

Anh S. nói thầm:

— Có lẽ mình nghe trong giấc mơ, một giấc mơ sung sướng!

Từ lúc này, chúng tôi không ngủ được nữa. Hai anh em ngồi dậy nói chuyện về tiếng chuông chùa.

Chúng tôi bàn với nhau về cái kịch lửa trại của mấy em thiếu niên Gia-dinh Phật-tử. Một thằng ăn cướp giết người không gớm tay, bỗng một hôm « hành nghề » về khuya, hắn ta nghe tiếng chuông chùa, liền rút dao găm ném xuống đất, vút cả đồng tiền trong túi để quay về đường chánh. Cố nhiên là chúng tôi không đồng ý với sự cải tà quy chánh quá ư đột ngột nhưng chúng tôi ca ngợi thiện ý của diễn viên muốn trình bày tác dụng mẫu nhiệm của những hồi chuông thờ lịnh...

Tác dụng ấy, đã có lần chính tôi cảm thấy. Tôi kể cho Anh S. nghe. Một lần, tôi đi trại Thuận an về. Hồi

ấy chưa có phà, người đi chơi về còn thừa thớt. Chúng tôi qua đó trễ. Khi về đường lại có vài người hồng xe đạp thành bị tối dọc đường. Đường vắng lạ. Trông lúc đương lo xe không có đèn phải dắt qua các bót cảnh sát, lo gia đình sốt ruột trông đợi thì chúng tôi nghe tiếng chuông chùa Ba-la đồ hồi công phu buổi tối. Tiếng chuông ngân nga, dần dần thấm thía vào tận tâm hồn. Chúng tôi cảm thấy như có một bàn tay che chở mẫu nhiệm, như bên cạnh mình có sự hộ trì của Tam bảo tướng như mình đã về tới phố, có người, có bạn, có gia đình mình rồi.

Anh S. kể lại cho tôi nghe một câu chuyện khá đặc biệt. Chuyện xảy ra tại một chùa ở Quảng - Ngãi và do chính một Thầy từ trong ấy ra thuật lại. Một hôm kia, một tiểu đệ du kích đường đột vào chùa. Họ trực tiếp đến gặp Thầy trụ trì. Sau khi tự giới thiệu, họ xin thầy đừng e sợ vì họ chỉ đến đây để trình bày thầy biết một chuyện vừa xảy ra khi hôm.

Đầu hôm, họ dẫn nhau đi bố trí phục kích một toán dân vệ mà họ biết thế nào cũng đi ngang qua khúc đường trước cổng chùa vào 12 giờ đêm. Họ đã bố trí xong xuôi

và chờ giờ hành động. Nhưng từ khi mỗi người trong bọn bắt đầu nghe sương thấm lạnh thì họ cũng bắt đầu đề ý đến tiếng chuông mõ và tiếng tụng kinh của thầy từ chùa vọng ra. Cho đến gần khuya, thầy vẫn còn trì kinh, chuông mõ vẫn đều đều điểm nhịp. Thầy tụng kinh gì, họ không biết nhưng có một điều là họ đều lắng nghe chăm chú và đưa đầu óc của họ đi đến một cõi xa xôi nào, họ không diễn tả nổi. Cho đến khi, đoàn dân vệ vô tình đã lọt trọn vào ổ phục kích. Nhưng những tay súng canh chừng quên mất dịp nổ dòn vì tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng kinh thầy đang vang lên rang rảng giữa đêm trường. Và chính những âm thanh màu nhiệm ấy đã khơi dậy bản chất hiền lành của những con người trước đây đã từng nắm cuốc, nắm cây. Kết quả là đoàn dân vệ di tản bình yên vô sự và con đường qua trước cổng chùa không bị hoen ố vì lòng thù ghét, căm hờn của những người cùng loại.

Có những điều chúng ta thường nghe, thường thấy nên quen đi, và phải đợi đến khi thiếu thốn mới thấy sự quý báu của những điều ấy. Cũng như trường hợp chúng tôi hiện tại, bị mất tự do mới thấy tự do là quý, bị cấm đoán

hành đạo mới thấy tụng kinh, niệm Phật, đi chùa là quý.

Cho nên, bây giờ đây chúng tôi ao ước được nghe một hồi chuông chùa, được nghe những tiếng boong.. boong... ngân nga chậm rãi, thấm dần thấm dần vào tâm hồn mình để làm tiêu tan bao phiền não, những tiếng boong... boong... trầm hùng như trái rọng khắp các cõi thế gian lòng từ bi cứu độ của Phật và Bồ-tát.

Tôi nhớ lại bài kệ đánh chuông mà chú Ch. Ở chùa Phú-lưu đã đọc và giải thích cho tôi nghe :

Vấn chung thỉnh
Phiền não khinh
Trì huệ trưởng
Bồ đề sinh.
Nguyện thành Phật
Độ chúng sinh...

Xin nguyện cầu cho bao nhiêu khối đồng trên thế giới đã dùng làm bom đạn mà giết hại nhau, giờ đây và sau này sẽ tập trung lại đổ nấu chảy ra, đúc thành những hồng chung, những đại hồng chung mà giống hồi ngân nga để thức tỉnh tình yêu thương dân tộc trong đêm tối hãi hùng của chiến tranh huynh đệ tương tàn, thức tỉnh tình yêu thương giữa toàn thể nhân loại

Đề kỷ niệm lễ cúng chú hồng chung tại Diêu-Đế.

VƯỜN THƠ ĐẠO LÝ

NGUYỄN - HẠNH Phụ trách

SAU mùa Pháp nạn 2507, LIÊN-HOA tiếp tục sứ mệnh của mình với số Tái-ngộ. Nhưng đã đúng bốn mùa — bốn số Liên-hoa từ số Tái-ngộ đến số 2 năm Giáp-Thìn — hoa Thơ tạm ngừng nở trong mảnh vườn nhỏ nhỏ xinh xinh này. Khách thường hoa đã tỏ ý mong chờ những cánh hoa Thơ của vườn Đạo-lý. Không phải là hoa Thơ không chịu nở — vì mùa Pháp nạn đã qua rồi — nhưng chính vì hoa đương hàm tiếu để cùng nở một lượt, để chào mừng ngày dân sanh của đảng Từ-Phụ, để cùng chiêu niệm hương sắc kỳ diệu của hoa Ưu-Đàm nở cách đây hơn hai nghìn rưỡi năm nơi quê hương của xứ Phật. Và hơn nữa, giờ đây, những ngày bão tố đen tối đang dâng đã qua rồi, trên mảnh vườn nhỏ bé này, hoa Thơ tung bùng nở nhiều hơn bao giờ hết. Sau cơn mưa, trời lại sáng, nền trời trong xanh có mặt trời mặt trăng và muôn sao và lòng người tung bùng mở hội hoa đăng. Những cánh hoa Thơ sau mùa Pháp nạn này, sẽ điềm xuyết cùng hội đèn hoa một chút ngậm ngùi Quá-Khứ. Ngậm ngùi, bởi là vì nhìn những cánh hoa thơ đã ươm chồi nảy nụ trong màu chót đỏ của máu và lửa, người ta sẽ không thể quên quên những cái chết hoặc cao cả hoặc âm thầm của các vị Thánh-tử đã hy sinh vì Chánh pháp. Ngậm ngùi, bởi vì đây chính là những cánh hoa Thơ đã ươm chồi nảy nụ trong mùi hăng nồng của át-xít, trong màu đen lạnh của họng súng lưỡi lê. Ngậm ngùi, bởi vì đây chính là những cánh hoa Thơ đã ươm chồi nảy nụ trong trùng điệp hàng rào dây thép gai nhọn sắc phong tỏa tự do của Con Người. Người giữ vườn hôm nay, cũng cùng một ý hướng với người giữ vườn-hôm-xưa, là chỉ đóng vai khiếm tốn của một người giữ vườn, đi giày vãi, mặc áo lá, đợi mưa nắng để được cái hân hạnh giới thiệu và hiến dâng cùng quý Độc-giả bốn phương, những cánh hoa Thơ cũng từ bốn phương gửi về nơi mảnh vườn nhỏ bé nhưng thân yêu này.

Hồi tưởng lại trang thâm sử của Phật-giáo-đồ dưới cường

quyền khắp nước, quý độc giả cùng chúng tôi hãy nghe lời than thở của thi sĩ kiêm tu-sĩ Minh-Trí :

**Thế kỷ hôm nay
Có những danh từ không có trong từ điển
Vì trắng có nghĩa là đen
Vì đêm có nghĩa là ngày
Và yêu thương chỉ là sủng dạn !**

(Minh-Trí, Chứng tích)

Chúng ta thấy gì, nếu không phải là nhìn thấy tất cả cái man trá xảo quyệt của cường quyền bạo lực. Miệng thì gào thét công bình, bác ái, tự do mà tay thì ghì súng ghì gươm để thỏa mãn thú tính tàn sát của mình. Nhưng tự Cờ chi Kim, súng và gươm, bạo lực và cường quyền không thể nào áp đảo được Chính nghĩa :

**Là Phật-tử, chúng ta thờ sống thác
Chẳng nao lòng trước đại bác xe tăng
Vẫn khinh thường sự đàn áp dã man
Quyết tranh đấu cho công bằng, tín ngưỡng**

**... Quyết đứng lên, muôn triệu người như một
Kết hợp thành một lực lượng khôn lường
Đề trở nên một pháp bửu phi thường
Hầu đại thắng ma vương cùng chúa quỷ !**

(Là cảnh Nho và Thái văn Châu - Lời kêu gọi)

Tất cả là một. Đoàn kết lại thành một khối. Đó là «lời kêu gọi» trong mùa pháp nạn. Sau mùa pháp nạn, khi cường quyền đã gục xuống, vẫn còn những lời kêu gọi khác, bí thiết, vang lên. Đó là lời kêu gọi tất cả người-con-chung của Phật đừng quên những nạn nhân đã bị đàn áp tàn phế trong vụ cường quyền đàn áp Phật-giáo-đồ vừa qua :

**Nhưng khốn nỗi ! Giữa cõi đời khổ ải
Vẫn còn người rên xiết bởi đau thương
Cháy tâm can bằng hơi thở uất hờn,
Mùi át xít vẫn còn như phảng phất !
Ôi ! đáng thương cho những người con Phật !
Hy sinh đời cho một lý tưởng cao
Đề ngày nay phải điên loạn thét gào
Bởi đau đớn quá nhiều đang giày xéo !**

(Vinh, Tâm-Lộc - Lời khấn nguyện)

Tác giả nhận thấy «những vị đã hy sinh vì đạo pháp» ấy phải được tất cả Phật-giáo-đồ an ủi, giúp đỡ bằng tình thần lẫn vật chất, để cho các vị trong cơn bệnh ngặt nghèo, khỏi mang cái

nhức cảm cô đơn, bị bỏ quên,, nhất là trong dịp lễ Phật-đản này.
Tiếng thơ của Tâm-Lộc quả là tiếng thơ kêu gọi những nghĩa cử :

Và hôm nay nhân ngày lễ Đản sanh
Ta gửi đến số tiền dù nhỏ mọn
Với ý muốn bệnh nhân mau lành bệnh,
Trở về đây quý xuống Niệm Phật Đường
Cùng ca lên bài hát của Tình thương
Để xóa sạch uất hờn trong nhân thế.

(Vinh, Tâm-Lộc — Lời khấn nguyện)

Đạo Phật vốn là đạo Từ-Bi. Bàn tay tế độ bao giờ cũng là hình ảnh tuyệt đẹp. Có thể so sánh mười đầu ngón tay cánh huệ này nở thành mười đóa hoa sen nhỏ, dầm trong biển khổ của đời người để tìm ra ý nghĩa của chân hạnh phúc:

Tiếng sấm thần công ngấm cửa Phật
Vành xe thiết giáp nghiêng thấy ma
Ngán thay bạo chúa lòng hung ác
Thảm bấy lương dân lệ nhỏ sa
Tế độ nào ai người nhiệt huyết?
Ra tay cứu vớt cõi Ta Bà.

(Đỗ Hứa — Thơ — K.B.C. 4895)

Một thi-sĩ quân nhân khác, khẳng khái « ra đi nơi biên thùy, có nước đục bùn như » — dưới chế độ cũ — vẫn giữ vững ý chí son sắt hy sinh vì « giáo pháp Từ-bi » của mình:

Lạy Phật tổ!
... Con ra đi chỉ vì đời không thể
Chịu phục tùng một chính thể tham ô
Con ra đi nơi nước đục bùn như
Vẫn tranh đấu dưới màu cờ Phật-giáo
Con ra đi, quyết một lòng vì đạo
Quyết một lòng vì giáo pháp Từ bi
Con ra đi đấu gập phải gian nguy
Vẫn tranh đấu để duy trì tín ngưỡng.

(Hồng-Quốc-Trung — Lạy Phật con ra đi)



Vườn Thơ vẫn còn nhiều đóa hoa hàm tiếu đương còn đợi ánh trăng rằm Đản sanh sẽ nở một lượt với sao cao trên trời. Ước mong trăm hoa trong vườn sẽ nở đủ bốn mùa xuân bất tận. Trân trọng hẹn quý vị độc giả ở lần hoa nở kỳ sau.

NHÌN QUA

THẾ - HỮU

CƠN PHÁP NẠN 2.507

NHÂN ngày Phật-dân 2508, chúng tôi cùng đọc giả thử kiểm điểm lại cuộc tranh đấu của Phật-giáo-đồ năm vừa qua, để xem thử do những nguyên nhân nào mà cuộc tranh đấu dành tự do tín ngưỡng ấy bộc phát, đặc tính của cuộc tranh đấu, và hậu quả của cuộc tranh đấu gian khổ kéo dài đúng sáu tháng trường này.

Trước hết, dạo xem lịch sử nước nhà, chúng ta đều biết Phật-giáo là một tôn giáo chính của Việt-Nam ta từ đầu đời nhà Lý. Dưới triều nhà Lý, Phật-giáo có thể xem như là một quốc giáo. Vị vua đầu tiên của triều Lý —



Lý Công-Uân tức Lý Thái-Tổ — vốn là một vị hoàng đế xuất thân từ cửa thiền. Dưới triều đại này, những vị cao tăng như Vạn-Hạnh, Khuông-Việt... được xem như là những quốc sĩ mà từ vua, đến các đại thần, đến toàn dân đều ngưỡng mộ. Đến triều Trần, Nho-học tuy bắt đầu thịnh cùng với các nhà nho như Trương-Hán-Siêu, Chu-văn-An, Tuy nhiên, Phật-giáo vẫn còn được xem như là tôn giáo chính của toàn quốc. Chính hai vị hoàng đế triều Trần: Trần Thái-Tông và Trần Nhân-Tông, lúc về già đều xuất gia tu hành theo Phật. Đến đời Lê, rồi nhất là đến đời Nguyễn, Nho-giáo dần dần trở nên độc tôn nơi chốn triều đường. Hình ảnh của một kẻ sĩ của Nho-giáo được nhiệt liệt đề cao (chẳng hạn trong thi ca Nguyễn Công-Trừ). Tuy nhiên, không hề ở trong phạm vi lăng miếu triều đường là nơi Nho-giáo được xem là « đạo thống », là chính đạo; còn ngoài dân gian, quần chúng Việt-Nam vẫn mặc nhiên xem Phật-giáo là tôn giáo chung của tất cả mọi người dân Việt. Bấy giờ là làng náo cũng có một ngôi chùa thờ Phật. Đêm giao thừa, sang mồng một Tết, ba dãi châu, mẹ dãi con — không ai bảo ai — đều đến chùa làng lễ Phật. Ngay rằm, mồng một mỗi tháng, người ta đều đi chùa. Chùa chính là một hình ảnh rất thân thiết trong lòng mọi người, từ em bé thơ đến bà lão già. Sau này, khi người phương Tây sang bảo hộ nước mình, đạo Thiên-chúa tuy có bành trướng nhiều. Những thánh đường chói vót đã mọc lên bên cạnh những ngôi chùa tang âm thâm mai rêu nằm dưới bóng đa cổ thụ. Tuy nhiên, công tâm mà nói, ngày nay ở Việt-Nam, số tín đồ Phật-giáo vẫn nhiều hơn, đông đảo hơn, nếu so với số tín đồ Thiên-chúa-giáo. Số tín đồ Phật-giáo có đến hơn 80%. Ngoài số người theo Thiên-chúa-giáo, tất cả những người còn lại — những người « lương », đều là những tín đồ Phật-giáo hoặc là những người rất có cảm tình với đạo Phật. Đạo Phật vốn là đạo Từ bi, nhất là đạo Phật ở Việt-Nam, vốn chịu

ảnh hưởng phóng khoáng của Đại-Thừa, thành ra chúng tôi đã thấy có một số người, dù chưa quy y, dù không có pháp danh, họ vẫn là những Phật-tử một cách gián tiếp: họ vẫn đi chùa lạy Phật, ngày lễ Phật họ vẫn treo đèn kết hoa đón mừng. Tất cả những điều đó, chúng tôi rằng đối với dân-tộc Việt-Nam — trừ ở những người Thiên-chúa-giáo — đạo Phật vốn là một tôn-giáo có sẵn trong huyết-quản của mình. Ấy thế mà dưới chính-quyền cũ, suốt chín năm trời, chính-quyền cũ đã hoặc cố-y hoặc vô-tình không biết đến điều đó. Họ lại gây ra sự kỳ-thị tôn-giáo ở ngay trên giải đất nghìn năm vốn yêu chuộng thanh-bình này. Người Việt-Nam vốn chuộng hòa-bình « dĩ hòa vi quý ». Dù tín ngưỡng có khác nhau, nhưng dân mình vốn yêu chuộng lòng nhân-ái, đối-dãi cùng nhau rất thuần-hữu trên bình-diện Con Người. Ấy thế mà, chính-quyền cũ đã áp-dụng chính-sách kỳ-thị tôn-giáo, gây nên cái hố ngăn cách giữa những người tin-ngưỡng tuy khác nhau, nhưng nước mắt cùng mặn, máu mủ cùng đỏ như nhau. Đó chính là tất cả mối đau-đớn, lo lắng cho tất cả những ai vốn hướng lưu-tâm đến vấn-đề tự-do tín-ngưỡng. « Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng »! Cao đến ngày Phật-đản, Phật-lịch 2507, thì — nói như lời Thượng-Tọa Trí-Quang — bát nước đã qua đây, chỉ cần thêm vào một giọt là nước đổ tràn ra ngoài miệng bát. Vụ hạ cơ và đèn của chính-quyền cũ, ngay trong ngày lễ Phật-đản, 2507, chính là « giọt nước sân si » đó. Phật-giáo-đồ công-phần. Dân chúng công phần. Rồi, tiếp theo, giữa không khí căng thẳng của chính-quyền cũ đối với toàn thể Phật-giáo-đồ ấy, thì những quả bom lửa đã nổ lên, giữa vòm trời cổ-dò Huế vốn thanh-bình, trầm-tĩnh trong suy-tư như dòng nước sông Hương này. Đó là vụ tàn-sát nhân-tâm của chính-quyền cũ đối với Phật-giáo-đồ, lúc hơn 22 giờ, đêm rằm tháng tư, Phật-lịch 2507 (tức 8-5-1963), tại đài Phát-Thanh Huế. Các em bé Phật-tử tử-nạn. Các em là những vị tử đạo đầu tiên của mùa Pháp

nạn 2507. Các vị tử-đạo này sẽ vĩnh-viễn được nhắc tới hằng năm, khi ngày Đản-sinh của đức Thế-Tôn trở lại. Và từ đó, từ những miệng súng đen ngòm độc-tại của bạo-chúa đó, từ những tạc đạn đầy uy-quyền hèn nhát đó Phật-giáo đồ đã khẳng-khải, tất cả đứng dậy. Tất cả đứng dậy để nói lên tiếng nói kêu cứu của con người bị chà-dạp quyền tự-do tín-nguỡng nói riêng, và quyền tự-do được sống làm người nói chung. Từ đất Huế, vốn thanh-bình và trầm-mặc, phong-trào đấu-tranh của Phật-giáo-đồ đã bùng lên, lan đi và lan đi rất mau khắp toàn quốc, lan đi và lan đi rất mau khắp thế-giới. Vấn đề tín-nguỡng của nước Việt-Nam nhỏ bé, xa-xôi ở góc trời Đông Nam Á Châu này bỗng dưng khiến toàn thể thế-giới chú-ý, lưu tâm một cách đặc-biệt, như một trong những vấn-đề trọng đại nhất của thế-kỷ.

Đặc tính của cuộc tranh đấu này là đoàn kết và bất bạo động. Đoàn kết, bởi vì khởi lên từ Huế-phong trào lan rộng khắp nước, từ đó thị đến thôn quê, được khắp nước tích cực ủng hộ, tích cực tham dự. Có ai mà không cảm động, khi nhìn thấy những cuộc biểu tình, rất lặng lẽ, rất lặng lẽ, đủ cả mọi tầng lớp trong xã-hội: đàn ông, đàn bà, ông già, bà lão, thiếu nữ, thanh, niên, trẻ con... cùng đi ở dưới ánh nắng gay gắt tháng 5 tháng 6 mùa hè để đòi hỏi chính quyền thực thi 5 nguyện vọng của Phật-giáo-đồ đã nêu ra. Từ tỉnh này, đến tỉnh khác — cả đến các kiều dân ở hải ngoại nữa — đều đồng một lòng, đứng lên, danh lấy quyền tự do tín ngưỡng. Tất cả đều đứng vào hàng ngũ đấu tranh này: giáo-sư, sinh viên, học sinh, thợ thuyền, buôn bán... tất cả đều đứng dậy, tay trong tay, lòng nguyện lòng sống chết cùng Chánh-Pháp. Đoàn kết, chính cái sức mạnh ấy, đã khiến cho những âm mưu phỉnh-phờ, ly-gián của chính quyền cũ trở nên vô hiệu quả và trơ trẽn hơn bao giờ hết.

Nhưng đặc biệt nhất là tính chất bất-bạo-động của cuộc đấu tranh. Tính chất bất-bạo-động này bắt nguồn từ giáo-lý căn bản của đạo Phật vốn là đạo Từ-Bi, không thể lấy oán mà báo oán, bởi vì lấy oán mà báo oán là sân si, nghiệp duyên sẽ thắt chặt mãi mãi trong vòng luân hồi, nhân quả. Bởi thế, toàn thể Phật giáo-đồ đã noi gương đại hùng đại bi của đức Từ-Phụ khi xưa, chủ trương lấy bất bạo động làm đường lối cho cuộc tranh đấu cam go này. Dù phía bên địch — tức chính-quyền cũ — có xe tăng thiết-giap tạc đạn lưỡi lê, Phật-giáo-đồ chúng ta chỉ có hai bàn tay chấp lên cầu nguyện. Dù phía bên địch có át xít, chó săn, Phật-giáo-đồ chúng ta cũng chỉ có hai bàn tay chấp lên cầu nguyện. Dù phía bên địch có ánh mắt đe dọa căm thù, dây thép gai nhọn sắt phong tỏa đường đi đến chùa chiền, thì Phật-giáo-đồ chấp tay cầu nguyện ngay ở giữa lòng đường, có thanh thiên bạch nhật ở trên đầu! Dù bên địch có đài phát thanh ngày đêm gào thét lên lời vu cáo, bên Phật-giáo-đồ cũng chỉ có tiếng cầu kinh để giữ vững ý chí son sắt của mình. Tiêu biểu nhất cho đường lối đấu tranh bất bạo động, là cái chết đại hùng đại bi của Ngài Quảng-Đức ở ngã tư Lê văn - Duyệt — Phan-đình-Phùng. Đó là cái chết nêu cao ý chí bất khuất. Đó là một nét son nghìn năm không thể phai mờ trong lịch-sử cuộc đấu tranh bất bạo động và đoàn kết này.

Sáu tháng trường trường chừng đặng-đặng sáu thế-kỷ. Dù phải chết, dù phải ngục-tù, dù phải đương đầu với vũ khí với bạo lực, Phật-giáo-đồ và toàn dân vẫn hăng tin-tưởng rằng chính-nghĩa phải được thắng, cường quyền phải bị diệt. Và quả thực, ngày 1-11-1963, cường-quyền đã bị diệt. Ngã gục xuống, giờ phút cuối của cường quyền trông thực thảm hại. Chúng ta, bằng hoàng, lật qua một trang thảm sử đầy máu và nước mắt. Máu của các vị thánh tử vì đạo đã tưới xuống, để cho ngọn cờ Phật-giáo được treo cao. Giờ đây

nhìn lá cờ Phật, chúng ta làm sao quên được anh linh của các vị ấy. Một trang thảm sử đã lật qua. Nhân mùa Phật-dân trở lại, chúng ta chiêu niệm anh linh của các thánh-tử vì đạo, để suy ngẫm về cái ý-nghĩa sống chết, cái ý nghĩa mất còn của đời người. Chúng ta nhắc lại trang thảm sử cũ, không phải để khơi dậy oán thù, mà chính là để làm thức tỉnh một kinh nghiệm: kinh nghiệm về quyền sống của con người, kinh nghiệm về quyền tự do tín ngưỡng của con người. Thêm vào đó, chúng ta cũng không quên đến sức mạnh khôn lường của sự đoàn kết vì chính nghĩa, cho chính nghĩa. Phải chăng, kỳ Đại-hội Thống-nhất Phật-giáo Toàn-quốc vừa rồi, chính là muốn thể hiện tình đoàn-kết giữa Nam-tôn và Bắc-tôn, và theo thiền kiến, cũng chính là một hậu quả tất nhiên, cần phải có, sau mùa Pháp-Nạn 2507.

THÔNG BẠCH

NAM MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kính gửi Quý Đạo-hữu,

Trong dịp đón rước Đại-Đức THÍCH MINH-CHÂU và Bác-sĩ FRICK WULF tại Phi-cảng Phú-Bài hôm 14-4-1964, đã được Quý Đạo-hữu sốt sắng giúp đỡ Ban lễ-chức cuộc đón rước, bằng cách cho mượn xe hoặc hưởng ứng tháp tùng vào đoàn xe hôm ấy được tăng phần trọng thể.

Nhân danh Ban Đại-diện Giáo-hội Phật-giáo Thống-nhất tại Thừa-Thiên, Chúng tôi xin gửi đến Quý Đạo-hữu lời chân thành cảm tạ.

T.M. Ban Đại-diện G.H.P.G.T.N.

Thượng-Tọa Thích-Thiện-Siêu

HỢP THƯ: Có một Độc-giả gửi thư bảo đảm số 748 ngày 20-4-1964 do Bưu-diện Saigon phát hành, trong đó có bưu-phiếu 120\$00 không đề tên và địa chỉ, xin độc-giả ấy cho Tòa-soạn biết tên để liện sổ sách.

Tòa-soạn nhắc lại lần nữa, độc-giả nào gửi bưu-phiếu về thanh toán Liên-Hóa xin ghi rõ tên và địa-chỉ để tránh sự thất lạc và mọi phiền phức khác.

L. H.

NHÂN ÁI TỪ BI

☆ Lan Hoa Tu Nữ ☆

Kính tặng các bạn Thanh - Niên

và Sinh - Viên Phật - Tử.

*

BÀI học Nhân - Ái và Từ - Bi là một bài học cao cả mà bất cứ ai muốn « làm người » cũng đều phải học cho thật thuộc, chẳng sớm thì muộn. Tùy căn-duyên và nghiệp quả của mỗi người, bài học này được truyền dạy một cách khác nhau.

Có những người hữu phước, được sinh vào nơi nhà cao cửa rộng, tuổi hoa niên sống giữa tình thương yêu của cha mẹ, lớn lên, đường công danh thăng mây nhẹ bước; chốn gia môn, thê nhi êm ấm. Sống cuộc đời thanh nhàn, trong những lúc trà dư tửu hậu, họ tham khảo triết lý này, tôn giáo nọ và mang áp dụng hai chữ « Nhân ái » và « Từ bi » trong đời sống hàng ngày.

Cũng có những người sinh vào nơi bần hàn cùng khổ, và vì đã từng bị:

« Lửa cơ đốt ruột, đao hàn cắt da ».

Cho nên khi gặp bạn cùng cảnh ngộ thì nảy sinh ngay lòng thương xót, thường quên mình giúp bạn.

Ở cả hai cuộc đời vừa kể trên đây, mầm nhân ái, thương người, đều được nhen nhúm.

Nhưng thậm vô phước là những kiếp sống, dù phong lưu hay nghèo túng ở đó mầm vị tha không nảy nở, lòng nhân từ không phát sinh. Những tâm thức này đã dần thai

lên làm người quá sớm. Họ chỉ có hình hài của con người, còn tình cảm và tư tưởng (dù tư tưởng có thông minh sắc bén đến mấy) vẫn còn có tính cách « phi nhân », chưa có « nhân tính ».

Ngày xưa, có một đệ-tử hỏi Thầy : « Số kiếp con người như thế nào là vô phước nhất ? Thầy đáp : Kẻ nào cần duyên tằm thường mà sanh vào nơi giàu sang quyền quý, muốn gì được nấy, không hề bị thiếu thốn hay trái ý bao giờ, thì kẻ ấy bậc phước nhất, vì y không có cơ hội nào để đau khổ, và do đó không phát triển được lòng thương người ».

Trên cán cân nghiệp quả, tội nặng nhất là tội độc ác, làm cho đồng loại hay sinh linh phải đau khổ. Và phúc lớn nhất là sự cố gắng làm cho lòng nhân từ được nảy nở nơi trái tim kẻ khác, dù chỉ trong giây lát ngắn ngủi.

Lần lần từ kiếp này sang kiếp khác, hạt giống nhân từ này sẽ phát triển, và khi ánh Tri-Huệ diu dặt tình thương thì đóa Hoa Từ-Bi, tự nơi trái tim sẽ tỏa hương thơm dịu dàng, man mác, bao la.

Thế nào là thương ? là mến ? là yêu ? là Từ-Bi ? Thương là động lòng trắc ẩn trước sự đau khổ, rủi ro, hay trước sự kém cỏi non dại của kẻ khác, rồi, tự quên mình đi và thành thực muốn bù đắp, bao bọc, che chở, mà không hề mong mỗi được đền đáp lại. Lòng Nhân-Ái được phát minh như vậy. Mến là quyến-luyến, muốn lân mẫn, gần cận một người đức hạnh cao khiết để học hỏi, noi gương mà cũng để thỏa mãn phần nào tình cảm trong trắng, nghĩa là không ích kỷ, của mình. Còn yêu là lòng quyến-luyến mạnh đến mức say đắm, muốn chiếm hữu, đây ích kỷ và đam mê, vì vậy lý trí bị mờ tối và những tình cảm thanh bai, tế-nhị, vị-tha bị dập tắt. Chữ « yêu » làm ta liên-tưởng đến yêu-tình, ma quỷ, vì hàm xúc quá nhiều sự chiếm đoạt, ích kỷ và vô minh. Còn Từ - Bi ? Từ dường như là đức hiền hậu, dịu dàng, đượm vẻ xót thương man mác. Bi là

buồn, buồn giùm cho kẻ khác, vì ta mang tâm mình mà nhập làm một với tâm kẻ đang đau khổ, sầu não. Ngoài ý nghĩa xót thương, chữ «Từ Bi» còn hàm-xúc sự hiểu biết, thông cảm và khoan dung. Đàng sau chữ «Từ Bi», đường như sự Giác Ngộ có lấp lánh chiếu sáng, vừa dịu dàng mà lại vừa chói lọi. Căn cứ trên Giác-Ngộ và Trí-Huệ, tấm lòng thương xót của ta được sáng suốt, mực thước, vững vàng, kiên tiếp, chớ không còn rạt rào khi lên khi xuống theo tư ngã nữa. Lòng Từ-Bi thường gồm cả kẻ ngu lẫn người trí, kẻ hiền, người dữ. Đức tính này quá cao cả, rộng rãi, bao la nên không còn cố chấp. Người Giác-Ngộ và Từ-Bi hiểu rằng với đà tiến-hóa, với thời gian, kẻ ngu bây giờ sẽ thành người trí trong tương lai, kẻ dữ bây giờ sẽ thành người hiền sau này. Vì giống đời thiên viên chảy triền miên vô tận thì vài chục kiếp luân-hồi cần-thiết để biến-hóa kẻ ngu thành người trí, kẻ ác thành người hiền chỉ là một thời gian ngắn ngủi, vô nghĩa đối với cái Lương tri cao cả của con người đã Giác-Ngộ.

Người Từ Bi khi thấy kẻ khác sa ngã thì vội vàng chạy đến, nâng đỡ y lên ngay, với một tia mắt xót thương, với một nụ cười khoan dung, chớ không bao giờ chỉ trích khắt nghiệt; vì đường đời thường đầy chông gai hầm hố, và con người thường yếu đuối trước những thử thách gian nguy. Nặng nề thay là nghiệp quả của kẻ nào thấy bạn đồng hành té vấp mà xô đẩy, mặt sát bạn, làm bạn càng sa ngã thêm, cố ngóc đầu đứng dậy mà không nổi. Tôi không chủ-trương rằng ta nên đồng lõa và che chở tội ác. Tôi chỉ nghĩ ta hãy đưa cánh tay mạnh mẽ dịu dàng ra để đồng loại niu bám vào đấy mà vượt qua những nỗi khó khăn.

Biết bao lần, vì vô tâm, ta không nghĩ đến những sự đau đớn mà ta thường gây cho kẻ khác. Ta quên, nhưng luật nhân quả không quên, và đã ghi rõ ràng từng chi tiết sự thiệt thòi mà tha nhân phải chịu đựng do sự sơ sót của ta. Do những cử chỉ rất nhỏ nhặt, những động tác rất tầm thường của con người đức Nhân-Ái và

Từ-Bi có thể chiều dạn dàng nơi thế gian hay có thể bị tan biến đi, khiến đời là bề khổ. Thí dụ trong một căn nhà kia, vài em bé thơ ngây đang chơi với nhau, vui vẻ mẹ các em dịu hiền ngược mắt nhìn đồng hồ, đợi chồng đi làm tan sở ra về. Bỗng cánh cửa hé mở. Người chồng và cha bước vào nhà, nét mặt bức bối cau có, các em bé vội vàng sợ hãi, len lét rời bỏ trò chơi mà ngồi yên lặng trong một góc phòng. Còn bà mẹ, trái tim bà đau nhói và cả một chân trời tinh cảm đón hậu, dịu dàng trong lòng bà bị sụp đổ tan tành! Người chồng và cha vì đã gặp sự trái ý ở sở, nên khi về nhà, đã quên những nét mặt thân yêu đang chờ đón mình trong gia đình và đã gây cho họ một nỗi sợ hãi, lo lắng vô ích. Một thí dụ khác một bà nội tướng mãi lo tính chuyện cùng với gia đình về quê ăn Tết, nên đã quên chi tiền chợ cho đám gia nhân ở lại coi nhà, hay đã ước lượng sai số lương thực mà họ cần dùng đến trong năm bảy ngày, khiến cho mấy ngày Tết khi ai nấy đều no đủ, thì riêng đám người nhà bà phải đói meo!

Chúng ta nông cạn, hời hợt nên thường có những cái « quên » tai hại như vậy. Nhưng quả báo không bao giờ quên!

Trong một kiếp người, mấy ai đã có dịp gặp những cơ hội hy hữu để hy sinh, tử tiết hay để đứng trên diễn đàn mà hùng hồn ca tụng Nhân-Ái Từ-Bi. Nhưng tất cả chúng ta dù hèn mọn đến đâu có những dịp nhỏ, rất tầm thường để vun trồng mầm Nhân-Ái và Từ-Bi.

Những bước đầu của con đường Đạo-Hạnh thường chỉ được xây đắp bằng những viên đá nhỏ, khiêm tốn, không ai biết đến.

Nhiều khi, ta mang Chơn-lý ra làm mực thước để đánh giá những sự việc xung quanh và thấy lắm chuyện tức cười: Ông X. ngày nào cũng chăm chỉ lau chùi đôi lọ lộc bình bằng sứ Giang-Tây rất quý giá, song vô tri vô giác;

đôi lọ cứ tro tro, không chút «cảm động» trước sự «ru-ái» của ông chủ. Trong khi đó người gia-nhân thường hầu hạ ông lại bị lở ghề mà ông không hề chú ý đến và cho tiền mua thuốc bôi ghề. Đem làn da «lao động» đen đũi của một người đầy tớ mà so sánh với nước men bóng lộn của đôi lọ Giang-Tây quý giá, đó là một việc làm tào bạo. Nhưng mà dường như quyền ưu tiên phải được dành cho cái làn da ghề lở kia của một con người thì mới phải, — Ông X. đây có thể là các bạn, có thể là tôi, là bất cứ ai trong chúng ta. Cái cuộc sống huyền ảo hàng ngày, nay đã làm chúng ta «quên» nhiều lắm, vì thế cái nền tảng Nhân-ái và Từ-bi của cá nhân cũng như của cả xã-hội cứ càng ngày càng mỏng dần đi, — Ông Y có quyền «nâng niu» «yêu mến» cái radio đẹp mà ông vừa mua, Ông cứ việc ngày hai buổi đi làm về là tay cầm cái khăn trắng tinh, khe khẽ lau chùi vài hạt bụi trên radio. Đó là một thú vui vô hại. Nhưng bởi ời, một ngày kia, người làm công vô phước của ông sơ ý làm chiếc radio «cung» rơi xuống đất tan tành. Thế là «Bốp! Bốp! Bốp!» ông tát tai hẳn mấy cái bằng Trời giáng. Hành động như vậy, ông đã quên rằng con người, dù hèn mọn đến đâu, cũng vẫn «thiêng liêng» hơn radio, dù là radio nhãn hiệu «Philipo»! Ông Y. Đây cũng vẫn có thể là bạn, là tôi, là quý ngài, là các anh, trong khi xót của tiếc tiền, chúng ta lại «quên» một lần nữa, khi lại nhớ «kịp» thì việc đã rồi.

Trong những ngày loạn lạc xưa tôi đã có dịp đi tản cư và là hàng xóm của một bà già rất chặt phác và sự chất phát đơn giản này ở nơi bà đã làm tôi nửa cười nửa khóc. Bà là một Phật-tử trung kiên. Nhưng nương theo ánh sáng Từ-bi của Phật tổ, tôi xin quả quyết nói rằng bà càng trung kiên (một cách cạn hẹp) bao nhiêu, thì lại càng mang tội bấy nhiêu. Bà có một thói quen rất tốt là bà giữ bàn thờ Phật rất tinh khiết, sạch sẽ, gọn gàng trang nghiêm. Điều này thì tôi xin thành thực ngợi khen bà. Nếu tôi có thi đua với bà về công tác này, thì nhất

định là tôi đành chịu thua. Nhưng khổ một nỗi là đứa cháu nuôi của bà mỗi khi để lệch một bao nhang, hay quên rót dầu, là bị bà cốc cho bươu đầu! Sự độc ác đã được diễn ra bên cạnh bàn thờ của đấng Từ-Phụ! Ngoài ra, bà còn có một lối trồng hoa cúng Phật rất... «nỗ nùng», «ai oán» ngày nào bà cũng bắt đứa cháu nuôi 11 tuổi gánh 4 gánh nước từ giếng xa về vườn nhà để tưới hoa cúc vạn thọ. Trong khi những đoá hoa này được tắm tưới nên nở tròn to, tươi rực rỡ, trong khi bà hãnh diện khoe với xóm làng về mấy hàng cúc tươi tốt, thì đứa trẻ khốn khổ kia mỗi vai, mỗi chân, đau lưng, nhức gân cốt và nhân nhỏ rất đáng thương. Và khi nào nó mệt quá, không gánh nước được, thì bà lấy roi tre đánh nó tui bụi! Ôi! Đức Phật sẽ buồn rầu biết mấy khi bà thành thực, chất phất dâng lên ngài những bông hoa đã được tắm tưới bằng mồ hôi và máu của trẻ thơ sao bà không dâng Ngài đoá hoa Nhân-Từ nở trong lòng Bà?

Vô vàn kinh sách, thiên hình vạn quyển ghi chép lời Phật dạy cũng không ngoài hai chữ «Giác-Ngộ» và «Từ-Bi». Cho nên, trong niềm tịch mịch và trầm lặng ta cố gắng làm nẩy nở mầm Từ Bi trong lòng mình và trong lòng kẻ khác, thì còn đáng quý hơn là dùng cái trí sắc bén để hùng hồn thảo luận về Lý Đạo. Và trong mọi trường hợp, thà rằng ta nhân từ, hơi quá rộng lượng, còn hơn là ta hơi quá khắc nghiệt, khít khe, có như thế mới thuận với Đạo Từ-Bi.

Trong mỗi trái tim của một Phật-tử đều le lói một ánh lửa Nhân-Ái và Từ-Bi. Trên thế-giới có mấy trăm triệu Phật-tử thì có ngần ấy trăm triệu ngọn Tâm Đăng như thế. Hỡi các đạo hữu, chúng ta hãy cùng nhau xúm lại, kết thành một vùng ánh sáng, làm tan rã những sức mạnh hắc ám và tàn bạo.

* Độc-San Phật-Đân 2508 in chung 2 kỳ số 3 và 4.

* Tranh ảnh trong số này của :

Nguyễn-Khoa Lợi, Tâm-Thắng và Lê-Quang.

Hoài niệm

TRẦN-THÂN

Vừa tròn một năm, kể từ ngày rằm Phật-Đản 2507, ngày tám Phật-tử thiếu niên đã hy-sinh tại đài Phát-thanh Huế, ngày phát động phong trào đấu tranh của Phật-giáo Việt-Nam chống lại chế độ phát xít bất công bạo tàn, phản tự-do, phản dân-tộc, chưa từng có trên lịch-sử nhân-loại.

Trong đêm rằm tháng tư năm qua, giữa niềm phấn khởi của ngày Đản-sinh, cùng với hàng vạn tín-đồ, các Em tụ họp trước đài phát-thanh. Chỉ có một đòi hỏi: được nghe truyền thanh lại buổi lễ Phật-Đản tại chùa Từ-Đàm. Một năm chỉ có một lần.

Nhưng lòng thành của tuổi thiếu niên, tuổi của yêu thương, tuổi của trong trắng đã được đáp lại bằng lưu đạn tấn công, bằng xe thiết-giáp, bằng sự cuồng tín của loài quỷ dữ. Và các Em đã ngã gục, thân-thể rời rã từng mảnh, nghiền nát dưới bánh sắt xe tăng.

Máu của Em đã tuông ra sôi sục. Các Em đã lấy máu hồng tô thắm cho cuộc vận-dộng của Phật-giáo Việt-Nam.

Sự hy-sinh của các Em là một vinh-dự, cái vinh-dự của các vị Thánh-Tử vì Đạo.

Sự hy-sinh của các Em đã tố cáo tội ác của Ngô triều.

Sự hy-sinh của các Em đã gây bao nhiêu xúc động cho toàn-thể Phật-giáo-đồ, đặc biệt cho các vị lãnh đạo Phật-giáo, một sự xúc động mà «cho đến bây giờ vẫn không sao nguôi ngoai», sự xúc động của «một người nhìn thấy đồng xương iệt máu huyết bị hắt vào một góc tường, xương thịt máu huyết của những kẻ thân yêu vừa mới cười nói với mình trước đó không quá mười phút...»

Chính sự xúc động ấy đã biến thành sức mạnh để nâng cuộc vận động Phật-giáo thành cuộc đấu tranh một mất một còn.

Sự hy-sinh của các Em đã cùng với sự hy-sinh của 7 vị Bồ-tát tự thiêu và những hy-sinh của các Phật-tử khác rải rác các nơi, đã góp công đức trong sự cứu thoát cho hàng triệu Phật-tử chúng ta ngày nay, khỏi cái chết âm thầm dưới nanh vuốt của quỷ Sa-tăng.

Cái kinh hoàng của đêm rằm tháng tư năm vừa qua, cái sức nóng của ngọn lửa thiêu đốt các vị Bồ-tát còn ray rứt tâm can chúng ta mãi mãi. Ngày nay, trong lúc tự-do tín-ngưỡng vẫn còn bị đe dọa, những kẻ trực tiếp tàn sát Phật-tử, những kẻ chủ mưu tiêu diệt Phật-giáo vẫn được công khai che chở. Đất nước đang trong cảnh nước sôi lửa bỏng của chiến-tranh khốc liệt, chúng ta chưa có quyền an nghỉ, chúng ta phải luôn luôn đứng mãi nhớ đến bốn phận hộ trì chánh-pháp, noi gương hy sinh cao cả các Thánh-tử đạo.

Cầu nguyện anh-linh các vị đã hy-sinh trong những ngày Pháp nạn vừa qua, gia hộ cho chúng ta trong cuộc phục hưng đạo pháp, và hòa bình cho Tổ-quốc.

TIẾNG VANG QUỐC TẾ

Trong cuộc vận động năm nguyện vọng

CỦA PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM

MÃ-LAI-Á. — Năm lãnh tụ có uy-tín nhất của Mã-Lai đã kêu gọi Thủ-Tướng Tengku Abdul Rahman can thiệp vào biến cố Phật-giáo ở V.N. Có 200 Phật-tử Mã-Lai đã làm lễ cầu siêu đặc biệt cho những Phật-tử V.N. đã bỏ mình vì đạo. Sau đó trong một buổi hội họp họ đã thảo bức thư gửi cho Thủ-Tướng Rahman, một người theo Hồi-giáo, yêu cầu can thiệp nhân danh Phật-giáo-đồ Mã-Lai. Một Phật-tử Mã-Lai và cũng là Thượng-Nghị-viên ông Cheah Seng Khim đã cạo tóc đầu để phản đối sự bạo hành Phật-tử V.N. Ông làm phó hội trưởng Phật-giáo Mã-Lai, ông tuyên bố sẽ giữ đầu tóc cho đến ngày nào vụ Phật-giáo V.N. được giải quyết thích đáng. Ông nói: « Tôi rất lấy làm xúc cảm về những nỗi đau khổ của những đạo tôi ở miền Nam V.N. »

Hội Phật-giáo Mã-Lai-Á quyết định gửi thư đến các thủ tướng Mã-Lai, Miến-Điện, Thái-Lan, Cam-Bốt yêu cầu họ giúp đỡ giải quyết cuộc khủng hoảng ở Nam V.N.

MIẾN-ĐIỆN. — Làn sóng công phần của dân chúng đối với sự đàn áp Phật-giáo V.N. của ông Diệm lan tràn mạnh mẽ trong Quốc-gia Phật-giáo này.

Cựu Thủ Tướng Miến-Điện chỉ trích những hành động tàn ác của Diệm và kêu gọi chính-phủ Cách-Mạng của Tướng Ne Win tìm mọi biện pháp thích đáng để chặn đứng cái điều ông gọi là sự tiêu diệt dã man.

Nhiều đoàn thể chính trị cũng lên án chế độ Diệm

và yêu cầu Chính-phủ Miến-Điện hãy dụng những phương pháp trả đũa lại ông Diệm.

500 nhà sư đã tụ họp tại ngôi chùa nổi tiếng của Miến Shwegadon để phản đối sự đàn áp Phật-giáo Nam V.N. Có 10 nhà sư đã tuyệt thực một ngày trên ngưỡng cửa nhà chùa để phản đối và họ nêu biểu ngữ:

— Phát xít Diệm, hãy ngưng tàn sát Tăng Ni và cư sĩ! Cầu cho những ai bị Phát xít Diệm tàn sát được siêu thoát.

Các vị sư Miến-Điện đã đến biểu tình trước tòa lãnh sự Nam V.N. ở Rangoon phản đối chính-phủ Diệm và đòi hỏi chính-phủ này chấm dứt ngay những hành động bạo ngược với Phật-giáo. Ba vị sư đại diện đã đưa bản kiến nghị cho ông lãnh sự Việt-Nam,

Một tổ chức Phật-giáo khác Mặt-trần Tăng-già Miến-Điện cũng biểu tình phản đối tại chùa Shwegadon. Tất cả các chùa ở Miến-Điện đều dựng trụ kỷ-niệm những người tuấn-giáo Việt-Nam nạn nhân của chính quyền Thiên-chúa-giáo miền Nam V.N. Điều đó đã được chấp thuận trong hội nghị các nhà sư ở Rangoon. Hội nghị cũng đã quyết định phản đối dự định của chính phủ Diệm đem những Phật-tử biểu tình ra xử trước tòa án quân sự, hội-nghị yêu cầu bà Thủ Tướng Tích-lan tiến hành đề nghị của Bà mở một hội nghị 5 quốc-gia Phật-giáo lãnh-đạo để thảo luận về vấn đề đàn áp Phật-giáo ở miền Nam V.N. Một tổ chức Phật-giáo khác ở Rangoon kêu gọi các quốc-gia Phật-giáo nên đoạn giao với chính phủ Nam V.N. Các tổ chức sinh-viên Miến-Điện cũng lên tiếng phản đối chính quyền Diệm.

Ông U Chan Htoon chủ tịch Phật-giáo Thế-giới trong một văn thư gửi cho Đại-Đức Mirisse Gunasiri Nayaka ở Tích-Lan đã kêu gọi Phật-tử Tích-Lan tăng cường chiến dịch ngăn trở ông Diệm đàn áp Phật-giáo V.N. Ông chủ tịch nói rằng vì không thể trực tiếp cứu giúp Phật-giáo

VN trong sự tranh đấu tự do tín ngưỡng nên hành động tốt nhất của những quốc-gia Phật-giáo là đồng thanh lên tiếng đề xúc động lương tâm thế giới.

Thượng-Tọa Lustig xứ Latvia đang ở Rangoon trong thông điệp gửi cho ông U Thant Tổng thư ký L.H.Q. đã yêu cầu ông tìm mọi biện pháp và phương tiện cứu giúp dân chúng Phật-tử Nam V. N.

Trên 400 Ni-tụ họp tại Rangoon trong dịp hội đồng thường niên của Ni-bộ Miền-Điện cũng lên tiếng phản đối những biện pháp đàn áp dã man Phật-giáo của chính quyền Diệm. Ban Chấp-Hành Hội đồng Giáo-hội Thiên-chúa của Hội Ngại Thiên-Chúa Á-Đông (trụ sở tại Rangoon) trong một buổi họp đã tuyên bố là lấy làm tiếc cho những sự việc đã xảy ra tại miền Nam V.N. về vấn đề tự do hành đạo của dân chúng Phật-tử nước này. Các sinh viên của Hội Thiên-chúa Đại-học Rangoon « lấy làm buồn thảm và xúc động về những biện pháp đàn áp dữ dội mà chính phủ miền Nam đã thi hành với những Phật-tử » Ban chấp hành của hội đã tuyên bố như vậy, và kết luận « chúng tôi rất lấy làm phẫn nân sự việc đó, nhưng chúng tôi muốn nói rõ với những sinh viên Phật-tử và bạn bè chúng tôi là Tổng Thống Diệm mặc dù là một người theo Thiên-chúa giáo đã không hành động chút nào nhân danh Giáo hội Thiên-chúa và cũng không có tư cách nào để hành động nhân danh Giáo-hội Thiên-chúa ».

ẤN-ĐỘ. — Tại Quốc-hội Ấn-Độ, Thủ tướng Nehru tuyên bố: « Ấn-độ rất quan tâm đến sự ngược đãi những nhà lãnh đạo Phật-tử và những người khác ở miền Nam V.N. » Ông nói Ấn-độ sẵn sàng tham dự đại hội L.H.Q. về vấn đề Phật-giáo ở V.N. lúc nào thi hành đề nghị của Tích-lan và các nước Phật-giáo mở đại hội L.H.Q. Ông cho biết đại biểu Ấn tại L.H.Q. đã nhận chỉ thị của chính phủ Ấn phải tiếp xúc với các đại biểu các nước khác ngõ hầu khắc phục chính phủ miền Nam giải quyết thỏa đáng nguyện vọng Phật-giáo.

Ông có nhận được thư trả lời của ông Diệm tin cho hay một sự giải quyết thỏa đáng sắp được thực hiện, « nhưng thật ra chẳng hề có sự giải quyết đó » có hai nghị sĩ Quốc-hội Ấn chỉ trích Thủ-tướng Ấn đã giữ một sự « yên lặng sợ sệt » về vụ đàn áp Phật-tử Tây-Tạng. Quốc-hội Ấn ủng hộ cuộc vận động của chính phủ Ấn về vấn đề Phật-giáo V.N. nhưng muốn rằng chính phủ Ấn cũng thảo luận vấn đề Phật-tử Tây-Tạng cùng một đường lối như vậy. Nhưng ông Nehru đã tránh giải đáp sự chất vấn đó.

Ông Nehru nói trong các biện pháp đang được Ấn độ và các nước xét đến có các khoản sau đây :

— Mở một phiên họp đặc biệt của đại hội đồng L.H.Q.

— Một tiểu ban của nhóm các quốc gia Á-Phi cần tiếp xúc với ông Tổng-thư-ký L.H.Q. trình bày mối quan tâm của họ về vấn đề Phật-giáo V.N. và yêu cầu ông giúp đỡ để đạt một giải quyết thỏa đáng.

Mở một cuộc gặp gỡ không chính thức giữa các quốc gia Phật-giáo tại L.H.Q. hoạch định một giải pháp.

Trong một bản tuyên ngôn ông R. Sing thư-ký đang Quốc-Đại Ấn nói rằng những tin tức về sự đàn áp Phật-giáo ở V. N. vẫn tiếp tục đã làm xúc động dân chúng Ấn-độ nơi quê hương Phật-tổ. Tại đây đang có một luồng ác cảm mãnh liệt đối với sự xử đối bạo ngược những Phật-tử là những người bất-bạo-động do tín ngưỡng của họ.

Bà Rameshwari Nehru chủ tịch Ấn-độ của tổ chức Đoàn-kết các Quốc-gia Á-Phi đã tuyên bố tại Tân-Đề-Li là phải « chấm dứt ngay từ bây giờ không chậm trễ » cuộc đàn áp Phật-giáo tại Nam V.N. Bà đã kêu gọi các chính phủ của các Quốc-gia Á-Phi phải thúc dục tại L.H.Q. cùng ngoài L.H.Q. để tiến đến kết quả gây dư luận thế giới lên án chính sách đàn áp của chính quyền Ngô-đình-Diệm.

Hội Maha Bồ-đề Ấn-độ gửi thư đến lãnh-tụ đảng Quốc-Đại Ấn-độ, ông Nehru, kêu gọi ông và đảng hãy cố gắng

nhân danh lòng nhận đạo làm việc gì có thể làm được nhằm cứu vớt những « Phật-tử vô-tội » đang bị tàn sát tại V.N. Các tổ chức khác trong nước cũng gửi đến đảng ông những lời phản đối về « sự đàn áp Phật-giáo mỗi ngày mỗi tăng ở Nam V.N ».

Ông V. G. Despande chủ tịch Hồi-giáo Ấn-dộ Toàn-Quốc đề nghị nên đề L.H.Q giữ lấy chính quyền ở Nam V.N. nơi mà « những Phật-tử đang chịu đựng sự đàn áp của nạn độc tài Thiên-chúa-giáo bạo-hành »

Một phát ngôn viên bộ Ngoại - giao Ấn tại Tân-Đê-Li tuyên bố chính-phủ Ấn sẵn sàng cộng tác với những quốc-gia Á-Phi và hoàn toàn ủng hộ mọi vận động của các nước đó về vấn đề Phật-giáo V.N.

125 nghị viên Quốc-Hội Ấn thuộc mọi đảng phái kêu gọi ông Diệm nên « chấm dứt mọi sự đổ máu và đau thương để vãn hồi tình trạng êm thắm và bình thường ».

Quốc-Hội Ấn nhận định: « Thật là một vấn đề trọng yếu mà tình hình ở Nam V.N, vẫn tiếp tục nguy ngập. Một bên thì sự phát triển bị thâm đưa đến tình hình bất ổn rộng rãi một mặt khác thì sự đàn áp mỗi ngày mỗi tăng đã làm cho dân chúng trên thế giới bị cảm và xôn xao. Những lãnh tụ Phật-giáo V.N. đã một hồi nào động chống chính-phủ họ mà họ nhận thấy thì hành một chính sách kỳ thị tôn-giáo đối với Phật - tử gồm 80 phần trăm dân chúng Việt-Nam. Đặc biệt là họ đã phản đối những tự do tín ngưỡng mà chính quyền đã hạn chế »

Hội-Đồng Thành-Phố Calcutta trong một phiên họp, biểu lộ mối lo âu sâu xa trước thái độ của chánh quyền Nam VN đối với Phật tử trong một quốc - gia. Trong một bản quyết nghị, hội-đồng đã ghi lại sự phản đối việc đàn áp vô nhân đạo những Phật-tử và tỏ bày cảm tình với những Tăng Ni đã hy-sinh đời họ cho đạo-pháp. Bản quyết nghị có yêu cầu chính quyền miền Tây Bengal

gửi một bản sao quyết nghị cho chính phủ ông Diệm qua trung gian chính phủ Ấn-độ.

Ủy Ban Hồi - giáo Ấn - độ Toàn - quốc Mahasabha trước khi bế mạc hội nghị 2 ngày tại Poona đã thông qua một quyết nghị tỏ bày cảm tình với Phật tử Việt - Nam và ủng hộ sự can thiệp của Hoa-Kỳ để cho Phật-tử VN được hoàn toàn tự do hành đạo.

Hội Hòa Bình Ấn-độ Toàn quốc yêu cầu chính-phủ Ấn thủ xướng một hội nghị của nhóm quốc-gia Á-Phi tại L. H. Q. để thống nhất biện pháp bảo vệ tự do nhân quyền tại Nam VN. Trong bản quyết nghị, văn phòng hội nghị đã ghi:

«Sự đàn áp chưa từng nghe có những Phật-tử ở VN đã đến một mức độ đòi hỏi các quốc - gia văn minh trên lục-địa phải hành-động tức khắc và hiệu quả».

Vị Lạt-ma thủ lãnh tại Ladakh và ông bộ-trưởng nội-vụ Kashmir lên án những hành động tàn nhẫn vô nhân đạo đã «phạm đến những Phật-tử miền Nam VN» Ông bộ trưởng Bakula được xem như là một người có uy thế về Phật-giáo đã nói «những hành động tàn bạo đối với những Phật-tử VN là một sự xúc phạm đến lương tâm thế-giới». Ông nói không phải chỉ những Phật-tử mà ngay đến những người thực hành Tôn-giáo khác cũng lấy làm đau đớn về sự kiện đã xảy ra ở Nam VN.

Vị Đạt-Lai Lạt-Ma và dân chúng Tây-Tạng bị nạn ở Ấn-độ đã xúc động mãnh liệt về sự ngược đãi mà Phật-tử VN là nạn nhân. Phát ngôn viên của vị Đạt-Lai Lạt-Ma ở Tân Đê-Li cho biết Ngài đã gửi thư riêng đến Tổng-thống Diệm tỏ ý lấy làm tiếc về vụ Phật-giáo và kêu gọi ông Diệm mau giải quyết vấn đề một cách êm thấm.

Hội Phật-giáo Habasabha Bharatiya ở Poona trong một phiên họp đã quyết nghị lên án hành động vô nhân đạo của chính quyền Diệm.

(trích báo WORLD BUDDHISM tập 12 số 2)
tháng 9 1963)

Mở - Dòng - Lịch - Sử

TUỆ MAI

Kỷ-niệm ngày Phật-Đản

- 1964 -

LÂM-Tỳ-Ni! Lãm-Tỳ-Ni!

Ngày hôm nay, hơn hai ngàn năm trước.

Thiên-Tiên tung hoa, đẹp màu không gian

Hoa tỏa hương thơm khắp núi mây ngàn

Một cõi trần gian mở hội

Ba nghìn thế-giới hân hoan

Nhạc vang

báo tin giờ: Giáng-Thế.

Hào-quang

rực rỡ giờ: Giáng-Thế

Giờ Giáng-Thế

Từ cung trời Đâu-Xuất nhập Kim-Thần

Đấng Cao Cả...

Mở giòng Lịch-Sử

Sáng nghĩa xoay vần

Cho loài người có Người chỉ lối

Cho Ánh Vàng đầy lui u-tối

Ôi! Vinh-quang

Đấng Thiêng-Liêng nguyện xuống cõi phàm

Tuy Kim-Thề...

Không còn nguyên với thời gian

Nhưng Giáo-Lý...

Đời đời là được soi đường

Ôi! Vinh-quang!

Loài người có ngày Phật-Đản

Xưa, nay, mai

Cho rực rỡ cõi nhân-hoàn.

TUỔI XANH *ngời* ÁNH ĐẠO

Kính diếu hương-hồn NI-cô ĐIỀU-QUANG

tự thiêu tại Ninh-hòa ngày 15-8-1963

VĂN-THƯƠNG

TÊN mặt - vụ công lung trên con ngựa sắt, cầm đầu cầm cổ đạp nhanh về phi-báo nơi văn-phòng quận trưởng. Tiếng xúp-lê của mấy bác cảnh-sát công-lộ réo inh - ỏi, nhưng cũng không ngăn chặn nổi tính tò-mò và lòng hiếu-kỳ của đồng bào. Khách bộ hành và xe cộ dồn ứ lại mỗi lúc một đông làm huyền-náo cả một quảng quốc-lộ, trước sự bất-lực của nhân-viên cảnh-sát có nhiệm-vụ giữ-gìn trật-tự an-ninh.

Trên nét mặt mọi người đều thoáng-hiện một vẻ u-buồn vừa cảm-động vừa khâm-phục sự can-đảm hy-sinh ấy. Một chị đàn bà, có lẽ đã mục-kích từ đầu đến cuối thảm cảnh xảy ra, nên thì thầm kể lại cho mấy bà bạn với vẻ mặt xót thương ngào ngạt: « Mô Phật, trời đất quỷ thần ơi! ngó xuống

đề chứng minh cho lòng quả-cảm của Ni-nô. Còn trẻ mà gan dạ qua, tôi nhìn thấy rừng mình.

Chị ngắt ngang câu nói kéo vạt áo lau đôi ngón lệ long lanh nơi khóe mắt như đề-ôn lại cảnh hãi-hùng vừa diễn ra, rồi sụt-sùi kể tiếp:

... « Ni-cô từ trên xe bước xuống, khoác quanh mình áo vàng hai tay ôm kè kè chiếc bình-bát nơi ngực, tôi cứ-lời chị đàn bà — tưởng Ni-cô đi khát-thực như mọi ngày. Vừa đi đến khuất gốc cây keo và bờ tường của trường tư-thực Hòa-Nguyên Ni-cô dừng lại, lôi trong mình ra một thùng thiếc cỡ 5 lít, mở nắp tưới ướt từ đầu đến quần áo. Ni-cô ung dung đưa tay vào túi lấy hộp quẹt bật lửa châm lên áo. Ánh lửa gặp xăng cháy

bùng, toàn thân Ni - cô biến thành cây thịt lửa. Ni - cô từ từ ngã quỵ.. ».



Cùng lúc ấy, tại văn-phòng quận trưởng Ninh-hòa có xảy ra một cuộc đàm-thoại bằng vô tuyến-diện giữa ông quận và cụ tỉnh trưởng (1) như sau :

— A-lô, A-lô, kính trình cụ tỉnh. Hồi 8 giờ 45 phút có một Ni-cô tự thiêu cách văn-phòng bản quận độ 200 thước.

Cụ tỉnh quán quít hỏi đồn

một cách vội vã như sợ điều phúc trình này lọt đến tai « Ông Bà Cố », sẽ bị quở trách nặng và chiếc ghế ngồi của cụ sẽ bị lung-lay, nên cụ đập bàn quát tháo truyền qua ống thính-thoại âm - 1 : ».

— Hã, tự thiêu hã? Cách quận đường 200 thước? Thế còn màn lưới mật-vụ và công an của quận chui rúc ở số

(1) Cụ tỉnh và cụ Quận đều là bộ-hạ đặc-lực của Ngô-triều Trần-Thị lúc bấy-giờ. Cả hai đều bị cách-chức và tống-giam sau ngày Cách-mạng.



nào, mà để bọn cường tặc (2) dẫu-nhệm chôn lấp ngay thi-hải của cường-tặc.

Ông quận trưởng mắt lườm ngó tên mật-vụ đang phe-phẩy quạt mờ-hôi bằng chiếc khăn tay, hạ thấp giọng cầu khẩn phân bua : ».

— Thừa cụ tỉnh ! Chính nhờ mật-vụ-viên báo-cáo, vì hiện có mặt tên ấy ở đây ạ !

Qua làn sóng điện, nghe cụ tỉnh hậm-hực quăng ống thính-thoại xuống bần đánh cốp, cúp ngang câu chuyện, nhưng bỗng sực nhớ điều gì quan trọng, cụ giật lấy ống nghe, giọng lạnh lạnh truyền lệnh : »

— A-lô, a-lô, khai hỏa II, khai hỏa II (3) KHAI HỎA gọi nghe không trả lời ? ?...

—

— ... « Tăng - cường lực - lượng võ-trang, bổ-phòng cần-mật, sẵn-sàng đàn-áp biểu-tình bạo-động. Chuẩn bị 3 GMC có đầy-đủ hệ-tống, súng-đạn tức-trực ngay tại quận-đường. Chờ Khai-Hỏa (4) đến sẽ đem

Nhưng cụ tỉnh đã lầm — cũng như « Bà cố » đã lầm — nếu cụ biết rằng, đây chỉ là một ni-cô 27 tuổi, chân yếu tay mềm như trăm nghìn thiếu nữ ngây thơ trong-trắng khác, chỉ vì bảo-vệ màu cờ và tự-do tín-ngưỡng nên đã dám hy-sinh cả cuộc đời son trẻ, hy-sinh tuổi xanh, đem tính-mạng hiến dâng cho ngọn lửa hồng, cốt đòi thực-thi kỳ được 5 nguyện-vọng thiết-tha đề bảo-vệ chánh-pháp của đức Từ-Bi. Nếu một tuần-lẽ trước đây cụ tỉnh được chứng-kiến cảnh Sư-bà và các ni-sư đã đem điều hơn lẽ thiệt can-gián, giải-bày và phân-công nhau gìn-giữ canh-chừng suốt đêm ngày, sau khi nghe ni-cô thành-tâm phát-nguyện noi

(2) Nguyên-văn lời nói của cụ tỉnh lúc ấy.

(3) Khánh-hòa có 6 quận. Bắt đầu từ quận Vạn - Ninh dùng ám-hiệu Khai-hỏa I, quận Ninh-hòa khai-hỏa II . . .

(4) Ám-hiệu truyền-tin của tỉnh Khánh-hòa lúc ấy.

giương Bồ-Tát THÍCH - QUẢNG-ĐỨC cúng dường thân-thể cho Phật-Pháp, thì chắc cụ tỉnh cũng phải cúi đầu khâm-phục trước tấm lòng quả-cảm vô biên ấy.

Và dù cho, cụ tỉnh có nắm trong tay muôn vạn hùng-binh cũng không sao ngăn-chặn nổi, và lay-chuyển nổi sức mạnh vô-địch: LÒNG TIN BẮT-ĐIẾT, của con người, của một tôn-giáo đã chiếm 90% dân-số trong một nước.



Lúc bảy giờ vào khoảng 12 giờ trưa, dưới ánh nắng thiêu đốt của buổi trưa hè miền

Trung, trên con đường thiên-lý Ninh-hòa — Nha-trang, có một đoàn xe nhà binh chạy rầm-rộ chở đầy lính-tráng, súng đạn lười lê tua-tủa để hộ-tống cho một xác đã cháy xám đen ! ?

Người dân Ninh.hòa im lặng nhìn theo nghẹn-ngào mắt rụng rụng đôi ngón-lệ, bao cõi lòng tan-tác sầu thương trong niềm thành-kính như tiễn đưa linh-hồn ni-cô đi vào cõi PHẬT, theo ánh đạo vàng của đấng Chí-tôn. Tất cả mọi người như đồng cầu - nguyện một câu : « Nam-mô Đại-Tử Đại-Bì cứu khổ, cứu - nạn Quán - Thế - Am Bồ-Tát ».

*Theo lời thuật của Ni-cô Diệu-Anh, Tịnh-độ cư-sĩ
Mùa Phật-Đản 64/Phật-lịch 2508*

HAI NHÀ KINH SÁCH PHẬT TẠI HUẾ Liễu-Quán

4A, Phan-Bội-Châu — Huế

Hoa - Đà m

70, Chi-Lăng — HUẾ

NHỮNG DÒNG

★ Thạch Trung Giã

NGHỆ THUẬT

VĂN - chương cổ - kim trên thế-giới có thể chia ra làm 4 loại:

- 1) TẢ THỰC
- 2) ẢO - TƯỢNG
- 3) TƯỢNG - TRUNG
- 4) THẦN - BÍ.

Chúng ta hãy lần lượt phân-tích tính-chất của từng loại. Có ý-thức về những loại văn thì chúng ta mới có thể rèn-luyện kỹ-thuật một cách vững vàng bởi dầu muốn hay không nhiều khi cầm bút chúng ta không thể tránh khỏi một trong bốn loại đó.

I. — Tiếng tả-thực mới xuất hiện tại Âu-châu từ thế-kỷ thứ XIX, nhưng nghệ-thuật đã có từ lâu rồi. Tuy vậy trước khi xuất hiện danh-từ TẢ-THỰC thì nghệ-thuật tả-thực lẫn với các nghệ - thuật khác và ngược lại các nghệ-thuật khác cũng lẫn với tả-thực. Nhưng chỉ từ khi xuất hiện danh-từ thì nghệ-thuật tả-thực mới được hệ-thống-hóa với tất cả những cái hay và những cái dở của nó. Dầu sao một biên thùi tuyệt - đối cũng vẫn không thể nào có giữa nghệ-thuật tả-thực với các nghệ - thuật khác hay giữa các nghệ-thuật khác với nhau. Trong tác - phẩm của những nghệ - sĩ tả - thực như Gustave Flaubert, Guy de Maupassant văn, văn... vẫn bao-hàm tính - chất ảo-tượng cũng như trong tác-phẩm của những nhà văn lãng-mạn như Chateaubriand vẫn có nhiễm tính - chất tả-thực.

Nghệ-thuật tả-thực xuất-hiện bên Tây Phương để phản-ứng với những tệ-doan của văn-phái lãng-mạn. Có rất nhiều nhà văn lãng-mạn, viết văn sáo, không chịu quan-sát ngoại giới mà cũng chẳng thành-thật tìm hiểu môi giới của mình.

Họ xây những lâu đài ảo-tưởng, khiến văn - chương chỉ còn là một trò chơi của bọn no cơm ấm cật.

Những nhà văn tả-thực đã xuất-hiện lôi kéo người ta trở về với thực-tại và nhất là trở về với thực - trạng của xã-hội. Họ đã phá vỡ cái khuôn khổ hẹp hòi của sự cảm-xúc và thẩm-mỹ.

Những nhà văn lãng-mạn kém cỏi đều quan - niệm chỉ những cảnh mộng thơ như trăng, như liễu, như biển, như hồ, như núi, như rừng, cũng như ái-tình của những tâm-hồn đài-các mới là đẹp. Những nhà văn tả-thực chủ-trương rằng: Mục-dịch của văn-chương không phải để thỏa - mãn cho cái thị-hiểu hưởng-thụ tài-tử mà trái lại để phơi bày cái thực-trạng xã-hội: tố cáo những tội-ác, vạch nỗi đau-khổ của những con người xấu số. Và như thế, nếu cái ĐẸP còn có, ít nhất nó cũng phải được quan-niệm bằng cách đó.

Bởi thế cho nên, trong tác-phẩm của những nhà văn tả-thực, ta thấy những cái nhà tối-tàn, những con người rách - rưới chui rúc ngoại-ô, những tiếng khóc, đói, những tiếng chửi. Và dĩ-nhiên là từ cực-đoạn này người ta đến cực-đoạn khác, từ cái trò giả-tạo hào-nhoáng của bọn văn-sĩ lãng-mạn nửa mùa, người ta đi đến sự thô-tục vô-nghĩa. Đến đây chúng ta cũng nên nhận-xét vài điểm của kỹ-thuật tả - thực.

Những nhà văn tả-thực đều viết với một lập-trường, mà đã nói lập-trường, tức là nói chủ-quan, nói tình-cảm: một Guy de Maupassant, một Vũ-trọng-Phụng, một Nguyên-Hồng đều mang sẵn cái hấn-học trước khi viết, và trong khi viết đã kín-đáo diễn cái hấn-học đó ra. Nhưng tương-đối mà xét thì nghệ-thuật tả-thực vẫn khách-quan-tính hơn nghệ-thuật lãng-mạn. Nghệ-sĩ dấu mình đi, chỉ muốn làm hay chỉ muốn cho người ta có cảm - tưởng là tấm gương trung-thành, vô-tình của thực-tại. Bởi thế cho nên, những nhà văn tả-thực rất chú-trọng đến những cảm-giác gây ra bởi cảnh-tượng bên ngoài. Quan-sát, quan-sát, chỉ có quan-sát mà thôi. Những màu sắc, những mùi vị, những thanh-âm, những hành-vi, những lời nói được chụp lại. Nhà văn tả-thực rất ít khi chịu diễn những tình-cảm, những xúc-

động gây ra cho mình bởi ngoại cảnh vì sợ như thế là mất khách - quan - tính.

II. — Những nghệ - sĩ ấn - tượng cũng lấy cái thực làm tiêu-chuẩn nhưng họ khác những nhà văn tả-thực ở cách quan - niệm cái thực đó. Hoặc nói ra, hoặc không nói ra, nhưng họ đều quan - niệm như thế nào?

Một đối-tượng kích-thích tâm-hồn ta đã gây ra những tiếng dội sâu xa. Những tiếng dội đó, những ấn-tượng đó chính là phần tinh-túy của đối-tượng. Nghệ - sĩ phải nắm lấy cái hồn của sự-vật, cái bề sâu của sự-vật chứ không phải cái vỏ của sự vật, mà muốn nắm lấy cái hồn, cái bề sâu, ta phải dõi theo những tiếng dội, những ấn-tượng gây ra bởi sự-vật. Mà như thế cái hình ảnh của sự - vật diễn ra sau khi ta đã lắng sâu, đã cảm thông, cái hình ảnh đó nhất định không hoàn toàn đúng như cái hình ảnh chợt nhận thấy ở bề ngoài. Bởi thế cho nên những tác - phẩm thuộc loại ấn-tượng không đi sát với cái sự thật mà những nhà văn tả-thực quan-niệm. Một bức tranh vẽ con sóng đỏ lên như đóp lấy vầng trăng cuối tháng đỏ lừ lừ của một nhà họa-sĩ Tàu với một bức ảnh chụp cũng con sóng đó, cũng vầng trăng đỏ, nhưng không gọi hình ảnh con rồng đóp ngọc. Hai tác-phẩm đó có thể biểu-thị cho nghệ-thuật tả-thực và nghệ-thuật ấn-tượng.

Cùng nghe một tiếng thông reo, một người cảm thấy rằng thông reo vi-vút, một người lắng sâu vào cảm thấy như bốc lên một nỗi đưu-hiu từ muôn đời, một đằng đứng ngoài sự vật, dừng ở phạm-vi của cảm-giác, một đằng vượt qua để bước sang phạm-vi của tinh-cảm. Thạch-Lam đã ví những nhà văn tả-thực cầm cái lồng trơ, còn cái thực thì như con chim bay đi mất rồi.

Người ta đến nghệ thuật ấn tượng mỗi khi lòng mình lắng lại để cảm thông với cái mặt ẩn của sự vật hoặc nhìn thấy trên sự vật cái phản quang của những tâm trạng của chính mình. Một trong những đoạn văn có thể chứng minh điều đó là đoạn tả KIỀU đi Thanh-Minh. Buổi sáng lúc rộn rịp thì Kiều thấy:

« Có non xanh rợn chân trời

« Cảnh lệ trắng điểm một vài bóng hoa »

«Ngôn ngang gò đồng kéo lên

«Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay»

Đến buổi chiều chỉ có ba chị em đi trên con đường vắng, bên khe nước thì nàng KIỀU thấy:

«Nao nao dòng nước uốn quanh

«Dip cầu nho nhỏ suốt ghềnh bắc ngang

«Sè sè nắm đất bên đường

«Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh»

Buổi sáng thì cảnh nhhiễm màu tả thực, buổi chiều chuyển hẳn sang ẩn tượng. Lý do! Bởi buổi sáng, nàng Kiều bị cuốn hút trong đám đông, buổi chiều đường vắng, lòng tĩnh lại là lúc eui xuống mình, cũng là lúc cảm thông với sự vật.

«Cảnh lẽ trắng điểm một vài bóng hoa»

Câu đó biểu thị một cảm giác về ngoại giới, thế thời.

Nhưng «nao nao dòng nước» với «dầu dầu ngọn cỏ» thì cảnh được tình người, hay là cảnh lộ nguyên hình, nói ra cái phần thầm kín của nó.

Nghe một tiếng tiêu, người thường chỉ bảo là véo von hay là buồn vui là cùng, nhưng với một người như Cung-Khanh thì ông ta cảm thấy:

«Tiếng than của hồn đất»...

«Nghe mình như say, trong người có một thứ bồn chồn kỳ dị. Cảnh tịch mịch thế lương, nhưng giữa cảnh lại nghe một khúc nhạc. Từ khúc nhạc ấy không thấy làm cho vui, không thấy làm cho buồn, chỉ nghe một cảm giác rờn rợn mệnh mông, bao quát cả cái buồn vui của trời đất. Tưởng chừng đã lạc vào một cõi huyền diệu u minh nào mà trí não không đủ sáng suốt để tìm ra đường đi ngỏ bước».

Nghĩa là Cung-Khanh đã nương theo sự diu dặt của tiếng sáo mà vào một thế giới siêu hình: từ cảm giác đắm tình cảm, từ tình cảm đến tư tưởng, hay đúng hơn đến tâm linh.

(Nên đọc những nhà thơ cổ điển và Thạch-Lam, Cung-Khanh).

(Còn một kỳ nữa)

LIÊN - HOA PHÒNG VÂN ...

Bác-sĩ Erich Wulf, người bạn tốt
của Phật - giáo Việt - Nam



CHIỀU 14-4-64,
được tin cùng
về Huế một lượt
với quý Thượng
Tọa Minh-Châu
và Tri-Quang,
có cả bác-sĩ
Erich Wulf,
người Đức,
nguyên giáo-sư
tại phân khoa
y-học thuộc Đại
học đường Huế,
người đã dũng
cảm và hào
hùng đứng vào
hàng ngũ Phật-
giáo - đồ Việt-
Nam để tranh
đấu cho lý-
tưởng tự do tín
ngưỡng của con

người trong mùa pháp nạn năm ngoái và cũng chính vì thái
độ đẹp đẽ đó mà chế độ Ngô triều đã huộc giáo sư phải
rời khỏi Việt-Nam. Chúng tôi, một phái đoàn anh em trong
ban biên tập Liên-Hoa, đã xuống tận phi trường Phú-Bái
hoan nghênh quý Thượng-Tọa và chào đón Bác-sĩ Wulf.

Tại đây, Bác-sĩ Wulf được đoàn sinh viên và các giới

Phát-tử nồng nhiệt vây chặt trong mỗi tình thân ái chân thành, những bàn tay chia ra về phía Bác-sĩ, những tiếng chào mừng vang lên. Chúng tôi vất vả lắm mới len lỏi được gần Bác-sĩ chào mừng trong một cái bắt tay mạnh mẽ và mới hồi được một câu:

— Thưa Bác-sĩ, Bác-sĩ trở lại Huế lần này có những mục đích gì.

Bác-sĩ mỉm cười, cất giọng ấm áp:

— Để chung vui với tất cả các bạn được thoát ách độc-tài, và để tiếp tục giảng dạy tại phân khoa y - học. Tôi rất muốn trở về với các sinh-viên yêu mến của tôi và cố nhiên tôi còn ở đây lâu.

Chúng tôi bị thúc đẩy phía sau lưng bởi những tấm lòng khăng khít đang vươn lên tận Bác-sĩ, tiếng nói của Bác-sĩ và của chúng tôi bị cắt ngắt từng khoảng, Bác-sĩ phải hẹn chúng tôi chiều hôm sau sẽ tiếp tục nói chuyện tại chùa Từ-Đàm với nhau. Chúng tôi đành phải chờ vậy.

Đúng 6 giờ chiều ngày hôm sau, Bác-sĩ Wulf đứng hẹn, tiến vào phòng khách chùa Từ - Đàm. Lần này chúng tôi chắc chắn nắm được Bác-sĩ, không còn sợ ai tranh giành nữa, chúng tôi chụp ngay một vài tấm ảnh kỷ-niệm.

Rồi cuộc phỏng-vấn được nối tiếp thân-mật và cởi mở. Trước hết, Bác-sĩ nhã-nhận trình bày với anh em:

— Trong tờ giao - kèo tôi ký với chính-phủ Đức-quốc của chúng tôi đề qua phục - vụ tại Việt - Nam kỳ này, tôi phải cam đoan là những lời tôi nói chuyện với báo chí ở đây không được động chạm đến lĩnh vực chính-trị. Vậy xin các bạn hãy hạn chế những câu hỏi trong phạm vi tôi có thể trả lời được.

Anh em thông cảm lắm, và chính đó cũng là chủ trương của Liên-Hoa không làm phiền ai với những câu hỏi chính-trị. Cuộc đối thoại bắt đầu.

HỎI. Thưa Bác-sĩ, thay mặt cho độc-giả Liên-Hoa, chúng tôi xin kính lời chào mừng Bác-sĩ, và xin Bác-sĩ nhận lấy lòng biết ơn của chúng tôi về sự giúp đỡ của Bác-sĩ trong công cuộc tranh đấu cho tự do tín ngưỡng của Phật-giáo V. N. vừa qua. Chúng tôi xin Bác-sĩ vui lòng cho biết trong thời gian ủng hộ cuộc tranh đấu đó, Bác-sĩ và các người bạn của Bác-sĩ đã làm những gì đáng ghi nhớ nhất?

ĐÁP: Đêm 8-5-63, tôi và anh Tôn-thất-Kỳ sinh-viên Y-khoa của tôi, có đến xem cuộc lộn xộn trước đài phát thanh Huế. Khi chúng tôi vừa đến, thì điều làm cho chúng tôi hoảng hốt là có một loạt súng chát chua vang lên. Liền đó xe thiết giáp kéo đến, tôi thấy rõ ràng có một chiếc xe mang tên «Ngô-Đình-Khôi» có gắn súng 12-7 chĩa nòng súng vào đám dân chúng đang tụ tập nhốn nháo quanh đài phát thanh. Tôi đang bỏ ngửng, thì bỗng lại nghe một tiếng nổ rất lớn, tôi và mọi người quanh đó vội vàng nằm bẹp xuống đất để tránh đạn. Rồi nhiều tiếng nổ khác tiếp theo cùng với tiếng la hét thất-thanh, kêu gào thảm thiết. Tôi biết chắc thế nào cũng có người chết và bị thương, vì lương tâm của một thầy thuốc. Tôi thấy có bốn phạm giúp đỡ, nên tôi và anh-Tôn-thất Kỳ lên cư xá tìm Bác-sĩ Hoelterscheide xuống ngay đó, hỏi thăm mấy người cảnh-binh có chuyện gì xảy ra không, thì họ cả quyết rằng chẳng có gì xảy ra cả. Chúng tôi không tin nên vội lên thẳng bệnh viện. Tại đây, một nhóm người cản ngăn không cho chúng tôi vào, và nói là chẳng có gì xảy ra cả, tuy vậy chúng tôi cũng thoáng thấy một số người bị thương. Có một y-tá lúc bấy giờ ghé vào tai tôi nói nhỏ nên đi đến nhà xác mà xem, tôi hiểu ý liền đến nhờ một người lao-công vốn có giúp việc cho tôi từ trước ở bệnh-viện lên dẫn chúng tôi theo một lối đi riêng vào nhà xác. Đến đây, tôi thấy một cảnh tượng vô cùng khủng khiếp: 7 cái xác chết tan hoang, nhưng còn có thể nhận ra được, kẻ bị văng óc, vỡ đầu, kẻ thì thán xác nát bấy, máu thịt đất cát cùng với óc não lẫn lộn be bét,

còn một cái xác khác thì hoàn toàn tan nát từng mảnh không sao nhận ra được. Tôi xem xét, các xác chết, tôi thấy có ba xác bị bẻ sọ, quan sát kỹ chắc là do đạn (cỡ súng lớn) bắn. Mà chắc là đạn do súng cỡ lớn trên xe thiết giáp Ngô-dinh-Khôi bắn. Đạn này làm bay cả sọ văng óc ra ngoài. Chúng tôi đi tìm Bác-sĩ Kaufmann để Bác-sĩ chụp ảnh các xác chết. Lúc đó, cũng có một số thân nhân của nạn nhân đứng đó và họ cũng có yêu cầu chúng tôi chụp ảnh như thế. Sáng hôm sau, có một chủ điệu mà chúng tôi quen biết vì có học ở văn khoa Huế — và đêm trước chúng tôi cũng có gặp tại nơi xảy ra sự đàn-áp nói trên — trao cho tôi một bức thư đề gởi cho Thượng-Tọa Minh-Châu ở Ấn-độ, ủy-nhiệm Thượng-Tọa lãnh đạo Phật-tử V.N. ở hải ngoại tranh đấu đòi hỏi bình đẳng tôn-giáo và một bức thư gởi cho Liên-hiệp-quốc. Thế là trong ngày 9-5-63, Bác-sĩ Krainich và tôi đem các thư ấy và các phim ảnh chụp được đập máy bay vào Saigon. Tại đây, chúng tôi có tìm gặp thông-tin-viên hãng U.P. kể lại cho họ nghe mọi chuyện đã xảy ra ở đài phát thanh Huế và cho họ xem các phim ảnh đã chụp được, sau đó, hãng này đã loan báo tin trên cùng hình ảnh sự đàn-áp cho toàn thế-giới đều biết. Những hình ảnh này, khi đến Sài-gòn, chúng tôi nhờ một công-chức cao cấp rửa phim và in hộ, vị công-chức này hiệu giữ một địa vị cao trong chính phủ, nhưng ông ta yêu cầu tôi dấu tên.

Qua ngày 11-5-63, chúng tôi đi Nam-Vang, đề từ đó gởi thư cho Thượng-Tọa Minh-Châu ở Ấn-độ và đưa thư chuyển đến Tổng-thư-ký Liên-hiệp-Quốc, đồng thời tôi cũng đánh điện cho một tờ báo ở Đức thông tri việc đàn-áp xảy ra tại Huế. Cũng trong ngày hôm ấy, chúng tôi yết kiến vị bộ-trưởng Cam-bốt đặc trách về tôn-giáo, và hội kiến với các nhà lãnh đạo Phật-giáo ở Cam-bốt để tường trình về sự đàn-áp Phật-giáo ở Huế. Cố nhiên là chúng tôi đưa ảnh cho các vị này xem. Sở dĩ tôi phải làm những công việc này tại Cam-bốt là vì ở Việt-nam mọi

điện tín của báo chí đánh đi ngoại quốc đều bị kiểm duyệt hủy bỏ. Sau đó chúng tôi trở về Saigon, chúng tôi gặp Bác-sĩ Hoeltrescheid ở Huế vừa vào với rất nhiều tài-liệu, Bác-sĩ này cùng với một người Anh tên là Lanscater, bạn thân của chúng tôi đem nhiều tài liệu đã ghi âm trên băng sang Nam-vang, vài hôm sau trở lại Saigon và cùng chúng tôi đi ra Huế. Tôi có dự kiến cuộc biểu tình của Tăng Ni và Phật-tử tại Huế ngày 1-6-63. Ông Nguyễn-xuân-Khương, đại-biểu chánh phủ tại Huế có mời chúng tôi đến cảnh cáo không được dự vào công việc của chùa, vì theo lời ông Khương, chùa chiến do Cộng-sản xúi dục và huy động để phá hoại Chính-phủ Diệm.

Qua hai ngày sau, chúng tôi chứng kiến những sự diều động quân đội mang mặt nạ phòng hơi, súng gắn lưỡi lê, mang theo chó béc-giê và rất nhiều lựu đạn cay và cấn ra những hàng rào giây thép gai khắp nơi tại các cầu đi lên chùa Từ Đàm. Chúng tôi đã thấy họ ném lựu đạn cay và lựu đạn át-xít vào những đám Phật-tử đang chấp tay niệm Phật, làm cho họ bị phỏng loét rất nặng. Chúng tôi một lần nữa vì lương tâm con người và là con người thấy ihuốc, nên phải lặn vào cứu chữa hàng chục nạn nhân đem về chùa Từ-Đàm. Về sau nghe nói có nhiều nạn nhân bệnh quá nặng đang ở bệnh-viện, chúng tôi lật dật xuống bệnh-viện, thì giữa đường bị một chiếc xe Jeep xông ra trước mặt, rồi mấy người ngồi trên xe nhảy xuống xốc nôi tôi lên xe và chạy thật nhanh ra khỏi thành phố.

HỎI : Bác-sĩ có nghĩ rằng đó là một cuộc bắt cóc không?

ĐÁP: Vâng, chính thế, họ bắt cóc tôi. Nhưng khi đi ngang qua những con đường có những người bạn Mỹ của tôi, thì tôi tìm cách ra dấu cho bạn hiểu là tôi bị bắt cóc, tôi la lớn cho họ nghe rằng nếu ba giờ sau mà chưa thả tôi ra thì hãy báo động cho dư luận thế-giới đều biết và can thiệp giúp tôi. Họ đã bắt giam giữ tôi vào một nơi kín đáo suốt ba giờ sau mới thả, bởi vì nhờ các người

bạn của tôi đã hiểu tiếng kêu cứu của tôi mà can thiệp với chính quyền địa-phương phải thả tôi ra ngay. Tôi trở về nhà và sáng hôm sau, tôi vào chùa săn sóc các vị sư cùng các sinh-viên đang tuyệt thực tại chùa Từ-Đàm mỗi cho đến ngày 5-6-63 thì chùa này hoàn toàn bị phong tỏa và chính tôi cũng bị cảnh binh ngăn cản không cho vào chùa nữa. Qua ngày 6-6-63, có lệnh gọi tôi vào Saigon, và Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục V.N. làm rắc rối tôi nhiều điều và khuyến cáo tôi phải rời V.N. gấp không sẽ bị bắt giam. Đến ngày 26-6-63, chúng tôi rời khỏi Việt-Nam. Riêng B. S. Kaufmann thì về Huế tìm gặp Ô. Đại-biêu Nguyễn-xuân-Khương và can thiệp xin được để ông ta săn sóc cho sinh viên Phan-đình-Bính là môn đệ của ông ở Y-Khoa, nếu không thì cũng phải cho anh Bính được nằm tại bệnh-viện để ông thăm viếng, về sau Ô. Khương phải nhượng bộ trước lời đòi hỏi chánh đáng và nhân đạo, cũng vì vậy mà Bác-sĩ Kaufmann bị ông Khương thù ghét cũng báo cáo chính phủ mời ông rời Việt-Nam luôn. Ô. Kaufmann là một người công-giáo tiền phong sùng đạo và rất hoạt động.

Còn tôi và B.S. Hoelterscheide phản công di ngoại quốc tranh đấu giùm cho tự-do tín-ngưỡng của Phật-giáo. B. S. Hoelterscheide đi La-mã yết kiến Đức Hồng-y Quốc-vụ Khanh Tòa Thánh Vatican để tường trình sự thật về vụ đàn-áp Phật-giáo, còn tôi thì qua Đông-kinh (Nhật) vận-động trong giới Phật-giáo giúp đỡ Phật-giáo VN, tại đây tôi có gặp Ô. Berval người Pháp theo đạo Phật, ông đã tích cực ủng hộ tôi trong cuộc vận động này.

Sau đó, tôi qua Mỹ, tôi viết một bản tường trình về vấn-đề đàn áp Phật-giáo tại Việt-Nam đăng lên báo New Republic. Bài báo này được đăng tải lại vào báo Thượng-nghị-viện Mỹ và được trình bày trước Thượng-nghị-viện. Tôi cũng có đến tại Bộ Ngoại-giao Mỹ để trình bày vụ này.

HỎI: Thưa Bác-sĩ, tại Mỹ Bác-sĩ có gặp được những

kiều bào Việt-Nam chẳng và họ đã có những phản ứng gì đối với sự đàn áp Phật-giáo tại Việt-Nam?

ĐÁP: Tôi có gặp hai ông bà Lê-thanh Minh-Châu (nguyên trước đây Ô. Châu làm tổng-thư-ký viện Đại-học Huế, và bà Châu là giáo-sư Đại-học Luật-khoa Huế) tại Chicago. Hai ông bà vốn là người Thiên-chúa-giáo, nhưng đều đã tỏ ra phần uất khi nghe tôi kể lại những biến cố đàn áp Phật-giáo tại V.N. Ông Bà Châu liền vận động sinh viên và Việt-Kiều ở Chicago biểu tình chống chánh sách đàn-áp Phật-giáo của chính phủ Diệm. Tôi cũng được hai ông bà Trương-ngọc-Bình và Lê - thị Bạch-Lan giúp đỡ tôi nhiều suốt thời gian tôi du hành vận động cho tự-do tín-ngưỡng của Phật-giáo tại Mỹ. Tôi còn nhớ tại New-York, tôi có gặp ông Trương-tiêu-Trần, giáo-sư vật-lý-học và cả ông Bửu-Hội nữa trong một bữa cơm thân mật. Ông Trần đã khuyên bảo ông Hội không nên đại-diện cho chính-phủ Ngô-dinh-Diệm ở Liên-hiệp-quốc để bênh vực cho chính phủ này nữa, bởi một lẽ giản dị là không ai tin ông Hội đâu: tất cả sự thật về vụ Phật-giáo ở Việt-Nam đã được tôi tường trình trước dư luận thế-giới hay biết cả rồi hoặc trên báo chí, hoặc trên các đài phát thanh hoặc trên vô tuyến truyền hình. Ông Bửu-Hội gục gặt không trả lời dứt khoát. Ai cũng tưởng Ô. Hội nghe theo, nào ngờ ông ta cứ ra L.H.Q bênh vực cho Ô. Diệm.

HỎI: Ở ngoại quốc, Bác-sĩ có gặp người Việt-Nam nào đồng ý ngỗ với ông Bửu-Hội nữa chẳng?

ĐÁP: Ô. Bửu-Hội là một trường hợp khá đặc biệt tất cả những người V.N. ở hải-ngoại mà tôi đã gặp mà ngay các người ngoại-quốc nữa đều hết lòng ủng-hộ Phật-giáo V.N. Bao nào cũng đã dành cho tôi nhiều trang để viết những bài nói về Phật-giáo V.N.

HỎI: Thưa Bác-sĩ, Bác-sĩ có vận động gì ngoài hành

lang Liên-hiệp-quốc cho họ hiểu biết sự thật về vụ Phật-giáo ở Việt-Nam không?

ĐÁP: Tôi có tìm gặp phái - đoàn Liên - hiệp - Quốc trước khi họ sang điều tra ở Việt-Nam. Tôi có gặp riêng đại-biểu Tích-Lan, Cao-Mên, Algérie v.v. . .

HỎI: Sau đó, bác-sĩ du hành qua các nước nào nữa để tiếp tục cuộc vận động cho cuộc tranh đấu tự-do tín-ngưỡng của Phật-giáo.

ĐÁP: Tôi rời Mỹ sang Pháp. Tại đây tôi viết báo Combat, Candide, Express... và cũng như ở Mỹ, ở Nhật, tôi viết về sự thật các cuộc đàn áp Phật-giáo ở Việt-Nam, đồng thời nói chuyện về vấn đề này cho thỉnh-giả ngoại quốc biết qua đài vô-tuyến truyền hình. Họ liệt tôi là một người theo đạo Tin Lành bênh vực cho Phật-giáo Việt-Nam tức là bênh vực cho Tự-do, và tự-do tín-ngưỡng, họ dành cho tôi mọi sự dễ-dàng để đấu tranh chống đàn áp tôn giáo.

HỎI: Cảm ơn Bác-sĩ đã tham gia tích cực và giúp đỡ tận tình sự đấu tranh cho lý tưởng tự-do tín-ngưỡng của Phật-giáo Việt-Nam, xin Bác-sĩ vui lòng cho độc-giả Liên-Hoa biết những động cơ nào đã thúc đẩy Bác-sĩ can thành ủng-hộ cuộc đấu tranh của Phật-giáo VN như thế?

ĐÁP: Thưa, trước hết vì tôi đã tận mắt chứng kiến cuộc thảm sát tàn tệ ở đài phát-thanh Huế, tôi vô cùng xúc động trước sự đàn áp dã man này, nên tự thấy có bổn phận ủng-hộ cho cuộc đấu tranh. Đã thế, tôi là người có tín ngưỡng (đạo Tin-lành) cũng như các người bạn đồng hương của tôi, mà hề thấy tín-ngưỡng của bất cứ ai bị chà đạp là tôi phải coi như chính tín-ngưỡng của tôi bị va chạm, thế nên tôi phải tranh đấu. Hơn nữa, tôi là một Bác-sĩ, tôi phải thương yêu và săn-sóc tất cả các người nạn nhân, tôi là một giáo-sư, tôi phải thương yêu tất cả các sinh-viên của tôi, theo tinh thần đạo, tinh sư đệ, và theo lẽ công bằng. Và trên hết, tôi là con người, tôi là trí thức, tôi

có bốn phần phải thương con người, tôn trọng sự thật, tôn trọng tự do. Vì thế, mà tôi và bạn đồng hương của tôi đã chiến đấu cho tự do tín ngưỡng của các bạn tức là một thứ tự do cao quý hơn tất cả mọi thứ tự do. Sau hết, tôi yêu xứ sở của các bạn, tôi yêu đồng bào của các bạn, tôi yêu toàn thể Phật-tử đã gan dạ đứng lên đấu tranh với hai bàn tay không chống bạo tàn để tranh thủ tự do tín ngưỡng, hoàn toàn không có động cơ chính trị hay quân sự.

HỎI: Xin Bác-sĩ vui lòng cho biết một vài ý kiến về Phật-giáo V.N. sau ngày thoát đại nạn?

ĐÁP: Chúng tôi mong sao Phật-giáo-đồ Việt-Nam vốn sẵn có truyền thống tranh đấu anh dũng cho chánh-pháp, sẽ đem tất cả tinh thần đó để thống nhất được tron vẹn, và đoàn kết được tất cả mọi tầng lớp nhân dân xây dựng lại xứ sở, hàn gắn các vết thương lòng, khoan dung và độ lượng tiến tới an lành và hạnh phúc.

HỎI: Các Phật-tử nạn nhân các vụ ném lựu đạn át-xít hiện nay đang còn bệnh hoạn lại rồi chữa mãi chưa lành, hay lên cơn điên và các chỗ phồng hay bị tái phát, người bị mù lòa cũng đang còn mang tật, Bác-sĩ có nghĩ đến một lối chạy chữa nào hữu hiệu hơn để giúp đỡ cho các nạn nhân ấy hay không?

ĐÁP: Công việc cứu chữa các nạn nhân này thuộc các cơ quan y-tế lo liệu, về phần tôi, tôi rất sẵn sàng giúp đỡ, nếu cần dùng đến tôi.

Bác-sĩ Wulf mỉm cười đứng dậy, thân mật bắt tay từ giả mọi người để kịp đi dự một tiệc chay đang chờ đợi Bác-sĩ.

Chúng tôi nhìn theo con người bình dị, khiêm tốn nêu cao lý tưởng tuyệt vời cao đẹp phục vụ TỰ-DO và đồng loại, thung dung tự nguyện, làm cho ai nấy cảm mến dễ dàng, như lòng đối với lòng, dù khác giống nòi, khác tôn giáo. Vì con người ấy chỉ biết tôn trọng những chân giá trị của con Người, tôn trọng Tự-Do, sự thật và tình Nhân-Đạo, Bác-sĩ Wulf đáng được kính nể, và tôn vinh

trong tâm khảm của mọi người. Đứng như lời Thượng-tọa Tri-Quang đã nồng nhiệt giới thiệu Bác-sĩ với Phật-giáo-dồ cổ đô Huế trong ngày tái ngộ tại đây: «Bác-sĩ Wulf đã bỏ hết tâm trí, tiêu hiến tất cả gia tài cho đến khánh kiệt để bôn ba tranh đấu cho tự do tín ngưỡng của kẻ khác, cho Phật-giáo Việt-Nam. Cao đẹp hơn hết là mặc dầu Bác-sĩ thuộc một tôn-giáo khác, Bác-sĩ tin Chúa nhưng bác-sĩ không chịu để cho tôn giáo tín ngưỡng của bất cứ ai bị chà đạp, vì Bác-sĩ hiểu rằng nếu tín ngưỡng kẻ khác không còn thì tín ngưỡng của chính mình cũng sắp bị cướp mất. Phật-giáo Việt-Nam biết ơn Bác-sĩ ».

Đặc phái viên H.T.T. và Đ.P.

THO'

Kính lạy Phật

KÍNH lạy Phật, con xin Ngài cứu độ
Những linh hồn, trong bể khổ trần gian
Vì tham sân nên vướng phải tai nạn
Và—phải nhận lấy trăm ngàn nỗi khổ.

Kính lạy Phật, con xin Ngài cứu độ
Cho con thoát bến khổ, dứt làm mê
Và giờ đây con xin nguyện trở về
Con đường chánh, con đường không vướng khổ

Kính lạy Phật, con xin Ngài cứu độ,
Cho những ai bị khổ trong kiếp người
Cho những ai vì mê lầm sa lưới
Lưới khổ đau trong địa ngục trần gian...

X. H.

TRĂNG ASHAU



gửi về cho DANA

Lan,

Anh nghĩ đến Lan và viết cho Lan. Nhưng giờ đây Lan không còn nữa, không còn thuộc thế gian này. Tất cả biến thành ảo ảnh, giọng hát nhỏ bé, những chuỗi cười trong như pha-lê đã lắng chìm vào không-gian quá khứ. Hỏi về em như hỏi về một thoáng sao băng nào đó, xa khuất đến mấy ngàn năm ánh sáng.

Giờ em đang ở đâu hở Lan, làm sao chấp nối hư vô để tìm ra hiện hữu, hay khắp hàng triệu cung trời đều có hồn Á-thánh.

Hôm xưa, anh nói là xưa cho ra vẻ, chứ chuyện gần trong năm ngoái — mùa trại Đana em còn là Oanh - vũ của anh. Tuổi mười hai hồn nhiên và đẹp, trong mắt em đời xanh như ngọc, toàn là hoa, là bướm, là kính cầu nguyện, là những chấp tay cung kính ngược nhìn.

Anh còn nhớ như in, trên con đường đi đến ngôi chùa ở xa thành phố, con đường uốn cong như thân rắn, hai bên là cỏ xanh, rải rác những nấm mộ tròn mới đắp, mà em thường bảo trông ngon lành như bánh cốm.

Dấu đầu bày, em vừa đi vừa hát, giọng theo đàn nhiều khi lạc điệu — qua mấy mươi đôi môi nở nhạc, âm thanh bé bỏng nghe vui và thích như nghe chim hót.

Đến đất trại, anh đứng làm trung tâm, các em vẽ một hình tròn xoay bằng những bàn tay giao nối.

Rồi chúng mình ngồi dưới hàng dương liễu, trên đồi gió ban mai nhẹ mà mát, làm xao xuyến những hạt sương óng ánh như hàng vạn mặt trời thu nhỏ.

Vài phút hàn huyên trước giờ các em làm bếp, anh ngồi kể các em nghe những mẩu chuyện tiền thân. Trong cồ tích bao giờ cũng có những bà tiên nhỏ, và bụt thường hiện lên với hào quang sáng chói, hỏi: Làm sao con khóc?

Chuyện thường dạy rằng em bé nào ngoan ngoãn, ăn ở hiền lành, hiếu thuận đều được hưởng phúc, còn những tên phù thủy, hung thần, bạo chúa rồi cùng đều nhận lãnh sự trừng phạt xứng đáng.

Đối với các em lý nhân quả là điều đương nhiên dễ hiểu, một sự thật không cần giảng giải mất thì giờ vì lẽ chúng mình đều là con Phật.

Trước chánh điện, những bàn tay sen búp chấp trước ngực, các em đọc kinh hồi hướng với hạnh nguyện vị tha đem công đức cúng dường khắp tất cả... Pháp âm thoảng giữa không gian trầm hương ngào ngạt, đèn nến lung linh; phút giây thiêng liêng ấy, ai nhìn các em như nhìn các thiên thần. Những đôi mắt tròn xoe, đen

nháy, từ hòa — ai nhìn mà tin tưởng không thấm sâu vào lòng?

Lan của anh là thế, con chim oanh hay hót, tung tăng bay nhảy, chưa mềm chân dạn cánh, tâm hồn mới tinh nguyên như trang giấy trắng.

Bao lâu rồi, những chiều họp đoàn anh ngồi đếm các em, kiểm điểm lần nào Lan cũng đều có mặt, cô bé áo lam màu khói hương với đóa sen trắng cài dưới cặp hiệu đầu đàn.

Thế rồi anh vào quân đội bỏ đoàn ở lại. Cánh chim bắt gió ngày ngày vẫn ngóng dõi tin nhà. Nghe các em đều dần đến chùa anh mừng hơn chi cả.

Những đêm tiền đồn, ngửa mặt nhìn con trăng huyền bí của rừng, mảnh gương soi xa lằng xa lác khó phản chiếu lại cho mình xem những gì xảy ra dưới ấy.

Lan ơi,

Anh nghe tin năm ngoái, đoàn mình chuẩn bị cho Mùa Đền Thánh từ đầu tháng tư. Chương trình sinh hoạt Giêng Hai chị trưởng đã sửa soạn

cho các em những kiểu đèn hoa, những bài hát đẹp, những vũ khúc dịu mềm khả ái, bao nhiêu khéo bao nhiêu khôn dành dụm cho đêm mười lăm tối.

Hôm ấy, ngày vui từ sáng tới chiều — các em vẫn tươi như hoa, nhí nhảnh như chim sẻ, tiếc không góp giờ cho ngày dài thêm, dài bất tận để niềm vui cho thỏa.

Thỉnh thoảng các em bắt chợt trên nét mặt quý Thầy, quý Bác, các Anh Chị những dăm chiêu, lo nghĩ. Các em phong thanh những xao động bên ngoài đã gây ưu tư cho người lớn. Những thoáng buồn phiền ẩn hiện nhưng luôn luôn phong thái, sắc diện vẫn bao dung, từ hòa, tự tại. Và có điều các em trông rõ, nghe rõ giữa không gian của ngày trọng đại: tinh thần uy nghi vô-úy.

Cái gì sẽ xảy ra cho chốn chùa thiền thanh tịnh, các em khó đoán biết, tuổi ấu thơ vô nhiễm không sao tưởng tượng, không sao hình dung nổi.

Thế rồi chim sinh ra đẻ hót, các em tiếp tục đùa vui — lòng Huỳnh-trưởng nghĩ rằng lo âu chưa đến lúc phải chia cho lũ trẻ.

Trăng Catyla, qua 25 thế kỷ vẫn chan hòa, vẫn dư vàng để giắt khắp trần gian — ánh sáng thanh tịnh đang tưới trên nhân loại quần quai đau thương, sa đọa, trên những hần thù sinh nở như loài sâu, trên những sơn thép giả tạo, trên những « nhân danh và thay mặt » điều thiện của liên minh quỷ sứ.

Từ sáng sớm tinh sương, những đoàn người như thác lũ đổ về chùa dự hội. Trong đám đông làm sao mà vắng Lan cho được. Về đây góp mặt, góp niềm tin, góp lời kinh tán thán ngày dân sanh cao sáng nhất trần thế.

Đoàn hành hương ung dung đi giữa lòng đe dọa, những âm mưu dẫu không nổi nữa, đây đó lộ liễu trông mà buồn cười mà thương hại. Có những câu nói nghe ngớ ngẩn như một lời sấm ngữ vô duyên, lời

đại ngôn của một tên cuồng trí, giả từ thế gian này cùng một
góp lại âm vang hần học cả lứa với bảy linh - hồn tử đạo.
lời nguyện quý dữ.

Người đi lễ Phật nhìn và
cười độ lượng.

Nhưng đã đến lúc tiếng nói
của thiên lương không còn hiệu
lực đối với những tâm niệm
đục ngầu vị kỷ.

Trên cao, trăng Catyla nhìn
xuống, bóng quý vương tái hiện :
những Tần - Thủy - Hoàng
phương Đông, những Néron
phương Tây, bào ảnh lao xao
thấp thoáng, hồn ma u-minh đã
chiếm mất lòng người.

Nếu mà có Trời, Trời nhìn
cũng khóc.



Lan mất rồi đêm ấy — em

Thân xác các em không nguyên
lành, ngổ mà thương quá.
Nhưng sá gì điều đó, chúng
mình thương cho thân xác là
giả nghiệp tạo thành.

Thư dưới ấy gửi lên, anh
xem chưa hết thì mắt không
còn trông thấy gì hết. Anh
nhìn lên trăng, trăng đêm nay
có hào quang, và giữa ngàn sao
đêm lơ đãng, tám hoa sen trắng
đang bay lên, các em đang bay
lên, bay lên cao.

Lan ơi

Trăng đêm nay có hào
quang. Anh xin cúi đầu quy
ngưỡng.

PL 2508

HOANG-TRANG-CHÂU

Hình bìa

* MẶT TRƯỚC: Thành kính thỉnh Xá-Lợi đức Phật.

* MẶT SAU: Các giới Phật-tử tham gia đoàn rước trong
ngày Phật-Đản.

MỘT CÁI CHẾT

VỚI KẺ THA HƯƠNG...

— Chào Anh

— Chào Chị, Chị đi đâu trưa quá vậy.

— Tôi phải mua mì để ăn trưa đây ạ. Trưa này anh ăn ở đâu ?

— Ở Notre Dame (1) còn chị ?

— Tôi luôn luôn ăn ở Foyer. — Thế chiều này anh có đi đưa anh B không ạ ?

— Tôi định không đi chị ạ. Bỏ Colle cũng phiền nhưng P đã xin Assistant cho cả bọn Mít (2) nghỉ rồi, mình đi làm bài cũng chướng. Thế chị sao ?

— Tôi định bỏ Colle đấy.



Hương dừng lại ở góc đường 36 Ponts và St-Joseph. Ngõ vào Restaurant đây rồi. Hai người đều ngập ngừng không biết nói gì đề từ giả. Có lẽ cả 2 đều nghĩ đến chuyện « nên bỏ Pb (3) Math hay không » ?...

Hương nghĩ đến ông B. Hương nghe người ta bảo ông ấy học trường Hóa. Hương vẫn thường gặp ông VN với blouse TP rách nát ở trường Hóa, nhưng hỏi ra thì không phải ông B. Hương chưa từng quen biết ông này; nhưng từ khi nghe tin anh ấy tự tử. Hương thấy đau xót như chính thân nhân mình đã từ giả cõi đời vậy. Nghĩ đến hoàn cảnh mình, Hương tự so sánh: — Thì ta cũng cô đơn. Tất cả mọi Sinh-Viên du học đều sống trong cô đơn (xa gia đình, quê hương) có sao có kẻ chịu đựng nổi, có kẻ lại tự vẫn! Hương nghĩ đến bên nhà: «ừ, có lẽ thân nhân anh đó đau khổ lắm »!...

— Thôi, chào chị, chị chắc chắn không đi Colle đấy chứ?

(1) Restaurant Universitaire ở đường Notre Dame.

(2) Anam - mít.

(3) Problème, tiếng nói tắt của Sinh-Viên

— Có lẽ không anh a, Tôi định đến chào anh B lần cuối cùng. Tôi chưa hề gặp anh ấy lần nào cả.

— Anh ấy học ở trường Hóa ấy mà, người cao cao ..

— Vâng, thì cũng trường Hóa với nhau, nhưng tôi không hề được quen biết. — Hình như người ta liệm lúc 3 giờ ?

— Tôi nghe nói 1g30 và 3 giờ đưa đám.

— Vâng, chào anh.

— Chào chị.



— Vô lý thật, không lý xa quê đã lâu mà vẫn còn yếu đuối đến độ phải tự vấn. Hay anh ấy nghèo khổ lắm — Cũng vô lý nốt vì nghe đâu anh ấy có làm việc thêm ở phòng thí nghiệm trường Hóa ! Năm thứ hai trường Hóa, còn một năm nữa hồi hương. Có lý nào không nghĩ đến tương lai mình mà vội phí đời vô lý thế ! — Có lẽ có điều gì bí ẩn mà mình không hay. Hương thầm nghĩ.

Câu chuyện anh B tự vấn ám ảnh Hương suốt ngày hôm đó, và mấy hôm trước, kể từ khi nghe tin đau thương này !

Giờ này bố mẹ anh có lẽ đau xót vì thương con lắm nhỉ ? — À, nhưng anh ấy làm gì có Bố Mẹ. Người ta nói với Hương rằng là anh ấy chỉ còn người chị với đàn con dại. Hương nghĩ mà thương cho người chị: Hương tưởng tượng chị phải là một người đàn bà rất giỏi đã cố công nuôi em du học đề mai kia... Hương không dám nghĩ tiếp !.. Mai kia !.. Nói đến Mai kia Hương chỉ tưởng đến một tương lai đen tối. Kết quả những kỳ Interrogations Écrites chỉ làm Hương nhụt chí ! Mai kia !..

Bao nhiêu nghị lực bao nhiêu hy vọng từ ngày nghe tin anh B tự vẫn Hương thấy không còn nữa.



— Dépêchez-vous un peu. On a sonné.

— Oui, une seconde... Je descends.

Hương vào bàn ăn. Các cô bạn Đầm vui vẻ quá ! Họ bao giờ cũng vậy. Có gì làm bận lòng họ đâu mà bảo họ lo lắng !

Hương ăn vội vàng, không nói lấy một câu. Đầu óc chỉ tưởng đến giây phút hấp hối của anh B. Anh P cho Hương rõ: « hình như đến phút cuối cùng, sau khi uống xong chai thuốc độc, anh B đã tỏ ra ân hận rất nhiều vì câu cuối cùng của bức thư anh để lại là: Thôi, thế là hết » !...

— Eh, ton dessert !

— À, Té ra mình quên ăn tráng miệng, Sao mình ngại ngần thế nhỉ ? Hương cười và nói: « Au revoir, mes enfants — à ce soir » với các bạn rồi lên phòng ngủ, sửa soạn đến nhà xác.



— Qui demande-on ?

— Mlle Hương. On vous demande

— Merci ma sœur. J'arrive.

Hương dừng lại ngạc nhiên :

— Chào anh D.

— Chào chị Hương, Tôi định đến nhờ chị mua hoa giúp chúng tôi... Hương thầm nghĩ « lại chúng tôi, không biết bao giờ người ta mới bỏ cho cái danh từ chúng tôi và bọn này » !...

— Tôi không biết làm sao được, họ giao tôi mua hoa, nhưng tôi không rõ phải mua hoa gì và người ta bán ở đâu.

— Tôi hơn gì anh — Hương hơi gắt — Tôi không biết

— Thì tôi nhờ chị, nếu chị vui lòng thì làm giúp còn không... Hương thấy xấu hổ vì đã gắt gỏng vô lý ! Hương thấy mình vô lý hết sức vì đã bắt đầu nhuộm dòng máu chia rẽ của Sinh Viên Việt ở Toulouse, Hương, lúc đầu thấy ghét ông ta, vì ông ta là người của ban Đại Diện Sinh - Viên. Đối với các Sinh - Viên Việt thì Ban Đại Diện không hẳn là kẻ thù, nhưng không là bạn !

Hương thấy ân hận vì đã xằng dọng một cách vô lý ! Thì đi mua hoa điều anh B chứ đâu phải làm gì cho ban Đại Diện mà phải khó chịu ?

— Vâng, tôi xin nhận. Tôi sẽ hỏi các Sœurs nên mua hoa gì.

Vâng cảm ơn chị, chị nên nhớ rằng tôi đã bỏ học cả buổi sáng...

Hương thấy bực mình và ghét ông này lạ ! vô lý chưa ? Nếu

không thương bạn thì thôi, chứ ai bắt ông ta phải làm việc này đâu mà kờ ư. Hương vội ngắt lời.

— Thì chúng tôi hơn gì anh, chúng tôi bỏ PB Math đấy.

Ờ kia, mình cũng đáng trách luôn! Lại ư kờ công như họ kia đấy. Hương im bất thình xin lỗi vong linh anh B

— Cảm ơn chị rất nhiều, gần đến giờ rồi, xin chị làm gấp cho

— Máy giờ liệm?

— 1 giờ 30.

— Thôi vậy thì tôi không gặp mặt anh ấy được rồi 1 giờ 20 hơn rồi còn gì!

— Thôi chào chị, chị nhớ đến trước 3 giờ đấy. Bắt đầu đưa 3 giờ!...



3 giờ kém 25 phút.

Hương tần ngần dừng lại trước hàng Printafixe. Hoa nhiều lắm, nhưng ceillels là hoa gì đây? các sœurs bảo nên mua ceillels trắng nhưng H chả rõ ceillels là hoa gì? Hương hỏi bà bán hàng. Bà trao hoa cho Hương với khoé mắt ái ngại — Hương thấy lòng đau nhói khi nghĩ rồi đây khi bố hoa này được đặt lên nấm mồ mới tỉnh nguyên, chưa bị rêu phong cỏ mọc...

Sao trời lạnh thế này! Hương vận 3 pulles dày và một veste có fermeture và vẫn còn lạnh! Hai chân mang bottes sao vẫn cóng thế này! Hương dậm mạnh mỗi lần bước cho bớt cóng...

Place Capitoile đây rồi. Đường vào nhà xác ở phía phải vãng đúng là đường này! Nhưng sao vắng teo thế này, các anh VN đâu cả rồi? Có lẽ họ đã vào phòng đợi cả rồi chẳng.

Hương lật tẩm Ai tín đề tìm số nhà! — Đích thị là đây nhà này chứ đâu nữa. Lạnh quá! « Lại sắp có tuyết nữa rồi đây? »

— « Sao nhà lại không có ngõ » H lăm bắm: đi quanh một vòng vẫn không thấy lối vào!

— Vô lý chư? Hay mình lăm đường không đúng là đường này mà!

— Bên nhà bây giờ mấy giờ rồi nhĩ — 10 giờ khuya rồi đấy. Thôi đừng nghĩ vớ vẫn làm bên nhà ngủ không ngon chừ. Hương tự nhủ. Hương thoáng thấy đằng xa một anh V N — Có lẽ — Hương tiến gần đến:

— Chào chị.

— Xin chào anh. Xin lỗi, anh có phải là anh M. Anh họ anh B không ạ ?

— Không chị ạ, tôi chỉ là bạn anh B thôi. Anh M cũng vừa ở đây ra. Cơ khổ, anh ấy từ Paris về đã mấy hôm nay, bỏ cả học hành...

— Đi vào lối nào ạ ?

— Lối này, chị cứ theo tôi.



— Chị muốn vào chào anh B lần cuối cùng chứ ?

— Nhưng đã gần ba giờ rồi mà ! Người ta chưa liệm sao ?

— Vâng chưa, 3 giờ 30 mới liệm rồi khiêng đi luôn.

— Xin anh hỏi ông gác cửa giúp.



Hương liếc nhìn ông gác cửa. — Sao người ta có thể thân nhiên đến thế nhỉ Họ quen cảnh này rồi mà !

H thấy tim mình đập mạnh. Nỗi thương xót dâng lên làm H ứa nước mắt — « Không, không được khóc, không được yếu đuối, xấu hổ lắm này ! »

Hương đã tự hứa từ lâu không bao giờ được khóc dấu gập phải cảnh oái ăm đi nữa.

H lẩm bẩm : — « Xin chào anh lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng ! Xin cầu nguyện Chư Phật cho linh hồn anh sớm phiêu diêu miền cực lạc ».

Hương thoáng thấy Ceuronne của hội AEVT với dòng chữ « Nous t'oublierons jamais » Hương lập lại « Je t'oublierai jamais » !

Và 2 câu thơ. Hương không dám đọc đến lần thứ hai mà vẫn đã thuộc. H thấy sợ vì đã thuộc 2 câu đó ! Có thể nó sẽ làm H nhụt chí, mất nghị lực.



— Chào các anh.

— Chào chị, chị đến đã lâu chưa ?

— Vâng khá lâu. Lớp mình không anh nào đi Colle chứ ?

— Có lẽ, anh P đã xin cho cả bọn nghỉ hồi sáng vậy.

— « Các anh bạn mình bao giờ cũng hồn nhiên ! Thế mà sung sướng đấy ! » — Hương thấy mình vô lý vì chính mình tự tạo cho mình vẻ đau thương ! — Có sao lại không xem đây là một tai nạn ? Tại sao lại cứ nghĩ vì anh buồn xa nhà mà tự tử !



Trời vẫn lạnh, lại gió lớn ! — Xe sắt bọc vải đen từ từ đỗ trước sân. Cửa nhà xác mờ toang. Hai ba người đến khiêng chiếc hòm đen đặt vào xe. Không có lấy một nắm hương ! không cảm thấy mùi trầm lăm Hương càng ngậm ngùi thương cho anh bạn.

— Xe đỗ trước cổng nghĩa-địa Hương xuống xe, cảm thấy nhức nhức ở hai bên mang tai, vì gió hay vì cảm động ? Hương tự hỏi đề không trả lời.

Hương đi gần sau cùng nên không thấy rõ người ta khiêng hòm từ cổng vào hay chở bằng xe. Đường rải nhựa rất đẹp, nhưng thoảng đâu đây vẻ lạnh lùng, rợn rợn vẫn còn ngụ trị !

Lạnh lắm ? Hương đưa lên tay buộc lại khăn choàng đầu và thọc hai tay vào túi áo theo đoàn người, chậm rãi bước.

Nghĩa địa bao giờ mà chẳng buồn và vắng vẻ ! Gió rít từng cơn nghe như tiếng ai than khóc. Hương nghĩ rồi đây, mai này biết đâu trong tiếng gió rít kia chẳng có tiếng than khóc của anh bạn tiếng than của kẻ không bao giờ được nhìn lại đất mẹ !

— « Trời đã hé nắng hôm qua kia mà, có sao hôm nay lại trở gió thế này. Phải chăng trời cũng biết động lòng, thương cho thân phận kẻ ra đi không có ngày về ? »



— Cảm ơn các anh chị, các bạn đã bỏ thì giờ quý hóa đã đến đưa tiễn em tôi. Tôi xin... cảm ơn...

Anh chỉ nói được chừng ấy. Những tiếng nấc kế tiếp nhau làm anh nghẹn ngào. Một vài người Pháp cũng đưa khăn lên sụt sùi!

— Hương, không được khóc, gian truân lắm rồi vẫn còn làm Hương yếu đuối đến thế hay sao? Hương... Hương cầm lấy chéo khăn và vành mũ đến gần rướm máu!



— Tôi nhân danh ban đại diện S.V.V.N. ở Toulouse xin có vài lời bằng tiếng Việt với các anh chị em. Rồi ông Đại Diện chuyển sang tiếng Việt:

— Tôi rất lấy làm đau đớn và xấu hổ khi hay tin anh B đã từ già chúng ta một cách rất vội vàng! Cũng như các anh chị biết rõ, đây S.V.V.N. chúng ta ở Toulouse rất đông, nhưng anh B sống hoàn toàn cô đơn, mặc dầu chúng ta rất đông (ông nhấn mạnh chỗ này). Tất cả mọi người trong chúng ta đây đều phải chịu trách nhiệm về cái chết này! Nếu không có người ưa gây nên cảnh chia rẽ...

Lần này Hương khóc thật sự... Cố dằn lấy tiếng nấc, tiếng nấc Hương cố dè dặt từ lâu nay, mà không được! Sao người ta lại có thể độc ác đến thế nhỉ! Đứng trước giây phút nào lòng này mà vẫn còn mang sự hiềm khích ganh ghét nhau ra để « xỉ vả » nhau như vậy sao? Thì còn ai gây ra cảnh chia rẽ giữa sinh viên? Còn ai lo chuyện cúp học bằng chuyện ngân... để gây không khí thù hận ghen ghét giữa Sinh-Viên...

H không muốn nghĩ tiếp. Càng nghĩ H càng thấy đau lòng và uất ức. Hương đã khóc. H khóc thương số kiếp lạc loài của những sinh viên xa quê nhà không kẻ thân thích, H khóc thương anh B đã bị người ta lợi dụng để mắng nhau..



H bỗng nằm đất, Đất ướt và nhão sau trận mưa hồi sáng này. Có lẽ có đất sét trộn lẫn bên trong:

— Tôi xin gởi anh năm đất này, nếu linh hồn anh linh thiêng xin phù hộ cho tất cả chúng ta để không bao giờ xảy ra chuyện đau thương như vậy cả. Riêng tôi. Tôi rất thương xót và tiếc cho anh, vì anh chỉ còn một năm nữa hồi hương! Còn một năm nữa anh sẽ thấy lại quê cha đất tổ, còn 1 năm nữa anh sẽ sống lại với bầu trời thơ ngây của anh sao anh vội ra đi một cách quá vội kỹ như vậy! Tôi cũng thấy đời rất buồn nhưng nếu biết vị tha, biết nghĩ đến người khác, anh sẽ thấy không nên tự vẫn như vậy...

Sau khi nói như vậy, H thấy không còn cảm giác ấm ức muốn khóc như lúc trước nữa và H nghĩ đến Bảy Sỏi của H năm ngoái "Phải tự tạo lấy niềm vui cho mình bằng mọi cách để làm người khác vui" — đây là một trong những luật (không hẳn luật) của Hướng Đạo! «Sống không hẳn chỉ vì mình. Cần nghĩ đến kẻ chung quanh — Thấy đời buồn, phải gắng làm cho đời vui lên, chứ không phải thấy đời buồn đành buông xuôi theo định mệnh hay tự vẫn» Câu nói này H đọc trong Liên-Hoa đạo nọ làm H thức tỉnh — H thấy vô lý đã tự tạo cho mình, cho tâm hồn mình vẻ đau thương suốt tuần nay.

Toulouse Trung tuần tháng 2 Giáp Thìn.

Công-Huyền KHUÔNG-QUẾ

KÍNH QUÝ ĐẠI - LÝ LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN



Quý vị vui lòng gửi lui các số Liên-Hoa cũ, đề Tòa-soạn gửi đến các nơi khác hiện đang cần.

Bắt đầu từ số này, Đại-lý nào phát hành Liên-Hoa còn dư xin trả lui về Tòa-soạn càng sớm càng quý, nếu đề quá 3 tháng, Tòa-soạn xin miễn nhận các số trả lui. Mong quý vị hoan hỷ xin cảm ơn.

L. H.

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Qua phong - dao tục-ngữ

của Nguyễn-thị-Tuyết
Phật-Tử Kim-Son

(Tiếp theo)

Không những con người và hoàn cảnh nào cũng thực hiện được Thiền mà chính con người và hoàn cảnh ấy còn là khả năng và công cụ thực hiện Thiền vì lẽ Thiền vốn là bản thể và cứu kính của con người và hoàn cảnh con người — Thiền chính là con người và hoàn cảnh con người rồi đó (16). « Xứ xứ hữu lộ đạo Tráng an », là công án (17) của Trần-Thái-Tông, một Thiền-giả hữu danh của Việt-Nam, tìm thấy trong Khóa-hư-lục của Ông (18). Tuy nhiên, tuy ở đâu cũng có đường về để đó, tuy ai cũng thực hiện được Thiền, nhưng phải có những yếu tố sau đây mới thực hiện được, cũng có thể nói chính những yếu tố sau đây là hoạt dụng của Thiền : Trước hết, là sự quyết chí đã được mệnh danh « khủng tâm » nghĩa là quyết chí một cách dứt khoát :

Đại một lưu giang bát đắc hồi cổ (19)

Muốn ra thâu bề khơi, khúc cây phải bơi theo dòng nước, bơi tới và bơi nhanh, không thể ngừng lại hay ngó lui. « Thử thân bất hướng kim sinh độ, cánh hương ba sinh độ thử thân » = thân này không giải quyết (thực hiện Thiền) trong đời này thì còn đời nào nữa ? Đó là châm ngôn chính yếu về « khủng tâm » của Thiền tông. Cho nên trong « khủng tâm » của Thiền tông lại có cái yếu tố chỉ tham cứu một « công án » đã được vị Thầy xét mà bảo cho mới mong đón ngộ.

(16) Đây là cái chủ trương Phật tính của kinh Pháp-hoa.

(17) Công-án : vấn-đề, đối tượng tham cứu của Thiền.

(18) Bản in của Viện Bác-Cổ Hà-Nội, tập thượng, trang 34, mặt B.

(19) Khúc gỗ lớn trôi giữa dòng sông không được nhìn lui.

Đốc một lòng trông một đạo

Phương pháp tham cứu « công án » của Thiền tông không phải có nghĩa phân tích, tổng hợp và lý giải vấn đề mình tham cứu, mà là « tỉnh tỉnh như mèo nhìn chuột vậy » (20), đã không xao động hay ngưng đọng mà cũng không phải tìm hiểu hay cố lặng yên (21). « Tỉnh tỉnh » như vậy đối với công án cho đến khi sự đồn ngộ phát hiện, đó là Thiền (22). Nên Thiền tông đã nói « sơn cùng thủy tận nghi vô lộ, mịch đắc mai hoa biệt nhất thôn » = sơn cùng thủy tận, nghi ngờ hết nẻo bước tới thì một xóm mai vàng hiện ra : đó là sự đồn ngộ về Thiền mà phong dao tục ngữ chỉ ghi có 4 chữ đầu, có vẻ lại sát hơn với sự « tỉnh tỉnh » đối với « công án » :

Sơn cùng thủy tận

Trong sự sống bình thường, dấu trong cảnh ngộ khổn đồn cho cơ thể, Thiền giả vẫn không giao động sự tỉnh tiến về Thiền :

Ưu đạo bất ưu bàn (23)

Thiền tâm của Thiền giả thành thang và linh hoạt như vũ trụ, thực chất của Thiền tâm ấy siêu việt hết thấy ý niệm cục bộ :

Vô tâm thiên địa khoan (24)

Thiền tâm như vậy nên trong giai đoạn đầu tiên, để thực hiện Thiền, Thiền giả phải tập sống với sự vô tâm (siêu việt ý niệm cục bộ) :

Dụng tâm, mạc nhược vô tâm hão (25)

Ngài Huệ Năng đã dạy : « Tâm lượng quảng đại thì đừng có đi vào nẻo đường ti tiểu », Duy ma lại nói : « đừng

(20) Nguyên ngữ của Thiền tông, trong « Thiền quan sách tiến ».

(21) Thiền quan sách tiến, Đại tạng kinh tập 48, trang 1097 — 1109.

(22) Có Ngài trong Thiền tông đã lấy kinh nghiệm của mình mà nói 11 năm làm như vậy nếu không đồn ngộ thì lấy đâu Ngài đi.

(23) Lo đạo, không lo nghèo.

(24) Vô tâm thì trời đất thành thanh

(25) Dụng tâm thì không gì tối bằng vô tâm.

đem bẻ cả đặt vào dấu chân trâu », là khuyến cáo về sự dụng tâm cái « vô tâm » trên đây. Dụng tâm như vậy thì Thiền sẽ hiển lộ, thì chính là Thiền rồi đó. Thiền đó sẽ hoạt dụng được tất cả và hết thảy ; cuộc đời càng ngang trái, mâu thuẫn, hoạt dụng đó càng hóa thành diệu dụng :

Gập gềnh nước chảy qua đèo,

Ngựa xô xuống bến, thuyền chèo lên non

Ta hãy đối chiếu câu này với công án của Ngài Liễu-quán, 1 Thiền giả sáng lập ra 1 trong các phái Thiền-tông hữu danh ở miền Trung : « cao cao sơn thượng hành thuyền, thăm thăm hải độ tầu mã » = Tàu chèo trên non cao, ngựa phi dưới bể thăm.

Thiền tuy thực là sắc thái càng linh hoạt thì càng đặc biệt của tâm hồn, nhưng không vì vậy mà Thiền chỉ thể hiện ở một số tâm hồn có khả năng. Thiền không phải và không bị hạn chế vì trình độ và cảnh ngộ của tâm hồn. Trái lại thế, bất cứ trình độ và cảnh ngộ nào, Thiền cũng hiển lộ và do đó mà Thiền càng linh hoạt hơn lên. Cho nên Thiền không những cụ thể hóa mà còn hoạt hiện cái chủ thuyết « tất cả đều là Phật tính » (26), đem lại cho mọi người một niềm tin tưởng tối thượng về sự tiến bộ tâm linh, hoạt dụng và hoạt hiện tâm linh ấy. Chính niềm tin tưởng có căn bản này khiến Thiền không cảm thấy con người nhỏ bé, lạc lõng, vô mục đích, mà ai cũng Thiền, đâu cũng Thiền, Thiền hoạt hiện bất cứ ở đâu, lúc nào và bởi ai :

Nhất diệp phù bình qui đại hải,

Nhân sinh hà xứ bất tương phùng ? (27)

Tất cả vấn đề của Thiền chỉ có mỗi một việc là phục

(26) Theo ý kinh Pháp-hoa và Thiền, nên nói « toàn thể đều là Phật tánh » đúng hơn nói « đều có Phật tánh ».

(27) Một cánh bèo trôi về bề cả, con người ở đâu chẳng gặp nhau.

hồi « bản lai diện mục » (28), sống với mặt mày thực của mình :

Phát gai góc thì thông đàng cá,
Vén mây mù quả thấy trời cao.

Cho nên Thiền không phải là sự bình thần tâm hồn một cách giả tạo hay luyện tập. Thiền lại càng không phải là sự điều hòa nội tâm ngoại cảnh đầu cho là sự điều hòa có tiết điệu. Thiền là cái gì càng mâu thuẫn càng hóa thành diệu dụng :

Đông ba, Gia hội hai cầu,
Ngó lên Diệu đế bốn lầu hai chuông.

Không phải điều hòa để tạo cho thành những sự dụng tiết điệu giữa hai chiếc cầu sống động và hai tiếng chuông thanh thản, mà bên nào cũng là diệu dụng của Thiền: đó là con mắt và tâm hồn của Thiền-giả đối với cuộc đời (29). Do đó mà diệu dụng của Thiền làm tan biến mọi mâu thuẫn đối chọi của cuộc đời, nhưng không phải làm tan biến bằng sự thủ tiêu một cách giả tạo những thứ đó. Cuộc đời thác loạn chỉ vì chưa ngộ được Thiền. Thiền là mặt thực của cuộc đời: càng khác biệt càng hòa hợp, càng hòa hợp càng làm cho sự khác biệt nổi bật và linh hoạt hơn lên :

Gió đưa cành trúc là đờ,
Tiếng chuông Thiền mục, canh gà thợ xương (30)

(28) Bản lai diện mục: mặt mày vốn có, mặt mày thực.

(29) Ngài Qui-sơn, trong bài văn Cảnh - sách của Ngài, có câu : « Bên này bên kia ứng dụng đầy đủ » (Giá biên na biên, ứng dụng bất khuuyết).

(30) Thợ xương là 1 trong các vạ đồ trên sông Hương, ở phía trên gần Thiền-mục: đó là lời chú thích của người ở gần chùa này. Hai câu này, « Việt - Nam ca từ biên khảo » trang 64 chép : « Gió đưa cành trúc là đờ, tiếng chuông Trấn - Vũ canh gà Thọ xương » ! Chép như vậy là tả cảnh hồ Tây ở Hà-nội, cạnh hồ này có đền Trấn-Vũ và làng Thọ xương (?). Không biết câu nào đúng, chỉ biết chép như 2 câu ca dao thì thực đúng với cảnh của chùa Thiền-mục.

Cho nên Thiền càng linh hoạt, cao sâu, lại càng vô cùng đơn thuần ngộ được Thiền thì vạn sự vạn vật đều là Thiền, hoạt dụng vô cùng mà không cảm thấy bất kham chán mệt, trái lại, không ngộ được Thiền thì nói lắm chỉ thêm hoang mang:

Tửu phủng tri kỷ thiên bô thiểu,

Thoại bất đầu cơ bán cú đa (31).

Ta hãy so sánh 2 câu sau đây, của Hòa-thượng Phước-bậu (32): «Tánh ngộ thiên kinh thiểu, tâm mê mê bán cú đa» = ngộ được Thiền thì cả ngàn kinh sách cũng ít, còn không thì nửa câu cũng nhiều.

Sau hết, ta hãy đối chiếu bài ca hoa sen với công án sau đây của Ngài Huệ-Năng: «nhược năng toàn mộc xuất hỏa, ừ nê định sinh hồng liên» = nếu kéo cây ra lửa được, bùn lầy nhất định mọc sen hồng: (33)

Trong đầm gì đẹp bằng sen,

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng,

Nhị vàng bông trắng lá xanh,

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Thiền đúng là phát hiện từ thế giới bùn lầy này đây, bản chất và hoạt dụng của Thiền ở trong thế giới này và tỏa hương thơm ra cho thế giới này. Thiền đó là thực chất căn bản và cuối cùng của Phật-giáo vậy.

(31) Rượu gặp tri kỷ thì ngàn chén cũng ít, chuyện không ăn khớp thì nửa câu cũng nhiều. «Đầu cơ» có nghĩa đúng với tâm lý trong thì gian và khung cảnh lúc nói.

(32) Người đã có bài thơ:

Kinh điển lưu truyền tám vạn tư
Học hành không thiếu cũng không dư
Năm nay lĩnh lại chùng quên hết,
Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như -

(33) Pháp bảo đàn kinh.

TUẦN LỄ TỪ - THIÊN PHẬT - GIÁO

(Từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 4 Phật-lịch 2508)

do Ban Xã - Hội Giáo - Hội PHẬT - GIÁO

VIỆT - NAM THỐNG - NHẤT THỪA - THIÊN tổ chức

Ban Xã-Hội Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất Thừa-Thiên vừa được tổ-chức xong, từ nay sẽ gồm tất cả các ngành: Từ-thiện, Cứu-tế xã-hội, Bệnh-xá, Cô-nhĩ viện v. v... đề hoạt-động cho thống-nhất, thể hiện lòng Từ-bi nhập thể của Đạo Phật.

Kính thưa quý Đạo-hữu.

Kính thưa quý vị hảo-tâm,

2500 năm về trước, đại-nguyên của đức Thế-Tôn đã là « Cứu chúng sanh ra khỏi bể khổ mê-mông ». Tâm-trang bán-khổăn lo lắng đã dày vò Ngài trước những cảnh Sinh, Lão, Bệnh, Tử còn đề lại cho chúng ta nhiều suy-nghĩ.

Mùa Phật - Đản năm 2508 đã đến. Hơn lúc nào hết, giữa lúc núi sông bùng khởi, lửa, chúng ta phải làm một việc gì mà thâm tâm chúng ta cảm thấy vui được phần nào sự đau khổ của nhân loại. Xung quanh chúng ta, những cảnh khổ đang phơi bày từ tiếng rên la của bệnh nhân trong các bệnh-viện đến cảnh bơ-ơ tàn-tật những đoàn trẻ dạt, người cô quả không người xót thương.

Thì đây, đề chuẩn-bị đón rước ngày Đản-sanh Đức Phật, chúng ta phải tạo nên một không-khí tương-bù vui-về không những chỉ cho chúng ta mà còn cho những người kém phần may-mắn trên đường đời.

Bổn-phận chúng ta là làm xoa dịu những ưu-tư phiền muộn để tìm thấy niềm hân-hoan trên mọi khuôn mặt cùng đón rước ngày trọng đại của lịch-sử nhân-loại này.

Ban Xã-hội chúng tôi, một trong những công-tác đầu tiên, là đứng ra tổ-chức tuần-lễ Từ-thiện Phật-Giáo (1-4 đến 8-4).

Chúng tôi tha-thiết kêu gọi đạo-tâm quý Phật-tử và lòng bác-ái của quý vị hảo tâm đề cho tuần-lễ Từ-thiện đạt được kết-quả mong muốn. Mỗi một Phật-tử chúng ta cần phải tích-cực tham-gia cũng như đóng góp cho tuần-lễ Từ-thiện Phật-giáo.

Như vậy, chúng ta có thể thực hiện được phần nào tình-thần cứu khổ của Đức Phật và đền đáp được trong muôn một công ơn của Mười Phương Chư-Phật.

Nam - mô Bổn - Sư Thích - Ca Mâu - ni Phật.

BAN XÃ - HỘI PHẬT - GIÁO

THỪA - THIÊN

BÍ CHÚ: Văn-phòng Ban Xã-hội tại Chùa Từ-Đàm sẵn sàng thu nhận tặng vật bằng vật dụng: Thuốc men, áo quần, mền chiếu, gạo, vải, sữa, kẹo, bánh v. v... hoặc tiền bạc (sáng từ 8 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 15 giờ đến 17 giờ 30 kể cả ngày lễ và ngày Chủ nhật, trong thời gian từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 4 âm lịch.

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

VIỆN-HÓA-ĐẠO

Văn-phòng: Chùa Ấn-Quang

243 Sư Vạn-Hạnh, Cholon — Đ. T. 36.715

Quyết định số 024-VT/VP/QĐ của VIỆN-TRƯỞNG VIỆN-HÓA-ĐẠO GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

Bồ nhiệm:

Thượng-Tọa Thích Đôn-Hậu, Thượng-Tọa Thích Thiện-Siêu làm Chánh phó Đại-Diện miền Bắc Trung-phần pháp-hiệu miền Vạn-Hạnh.

Quyết định số 025-VT/VP/QĐ

Bồ nhiệm: *Thượng-Tọa Thích Giác-Tánh, Thượng-Tọa Thích Trí Thành làm Chánh phó Đại-Diện miền Nam Trung-phần pháp-hiệu miền Liễu-Quán.*

Theo Thông-bạch số 02-TUV/VP. Tổng-vụ Tăng-sự đã cung thỉnh Thượng-Tọa Thích Mật-Nguyễn đảm nhận chức vụ « Trưởng ban Thanh Tra Tăng » trong Hội-Đồng Thanh-Tra của Tổng-vụ Tăng-sự.

Quyết định 041-VT/VP/QĐ

- Chiếu Hiến-Chương Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất,
- Chiếu đề-nghị của Tòa-soạn Nguyệt-San Liên-Hoa,
- Chiếu đề-nghị của Thượng-Tọa Trưởng-Ban Kiến-Tạo Đại-Tòng-Lâm ngày 25-3-1964.

QUYẾT-ĐỊNH:

KHOẢN I. — Công nhận các tờ:

— **LIÊN-HOÀ NGUYỆT-SAN** Tòa-soạn đặt tại số 66 đường Chi-Lăng, Hộp thư 24 Huế, do Thượng-tọa Thích Đôn-Hậu làm Chủ-nhiệm, nguyên thuộc Giáo-Hội Tăng-Già Việt-Nam.

— **TIN TỨC ĐẠI-TÔNG-LÂM**, Tòa-soạn đặt tại chùa Ấn-Quang, 243 Sư Vạn-Hạnh, Cholon, do Thượng-tọa Thích Thiện-Hòa làm Chủ-nhiệm, nguyên thuộc Giáo-Hội Tăng-Già toàn quốc.

Nay đều thuộc Viện Hóa-Đạo Giáo-Hội Phật-Giáo VN Thống-Nhất.

KHOẢN II. — Các điều trái với quyết định này đều hết hiệu lực kể từ ngày ký quyết định này.

KHOẢN III. — Quý Thượng-Tọa Phó Viện-Trưởng, Tổng Ủy-Viên, Tổng Thư-Ký, chiếu nhiệm vụ thi hành quyết định này.

P. L. 2507, Làm tại Saigon, ngày 8 tháng 4 năm 1964.

VIỆN-TRƯỞNG

Thượng-Tọa Thích Tâm-Châu

TIN TRONG NƯỚC

Thủ tiêu và đàn áp Phật-tử tái phát tại Bình-Định do bọn dư đảng của chế độ cũ. — Trong những tháng đầu năm âm-lịch Giáp Thìn, tại quận Hoài nhơn và các quận khác trong tỉnh Bình-Định cũng như Tuy Phước, Phù-mỹ, Hoài Ân, đã liên tiếp xảy ra những vụ thủ tiêu Phật-tử và khủng bố, bắt bớ, giam cầm, đại quy mô một số đông Phật-tử, do bọn dư đảng của chế độ Ngô-triều đang len lỏi vào các cấp chính-quyền gây nên, nhất là tại các hương thôn. Chúng đã ra tay đàn áp Phật-tử, bằng cách « chụp mũ » phao vu một số Phật-tử là « Cộng-ân và Trung-lập » ?

Giáo-hội Phật-giáo tỉnh Bình-Định đã cương quyết tố cáo những trường hợp thủ tiêu tàn bạo các Phật-tử Võ-Doãn Cháp, Đặng Sung và Huỳnh-Nhuơng (thuộc quận Hoài nhơn — Bình-Định và đã lập danh sách đầy đủ các Phật-tử (hơn 50 người) bị bắt ráp, tra tấn bắt bớ giam cầm trái phép, đòi hỏi chính quyền trung ương phải giải quyết thích đáng và kịp thời, để chặn đứng mọi âm mưu độc ác của bọn dư đảng Ngô Triều đang cấu kết nhau sát hại dân chúng và Phật-tử. Tỉnh thần Phật-giáo — đồ toàn tỉnh Bình-Định cũng như trên toàn quốc vô cùng công phẫn và xúc động trước những biến cố nói trên.

Tin cuối cùng cho biết chính quyền tỉnh Bình-Định vừa thay đổi cán bộ cấp Quận và cấp xã tại các địa

phương thuộc quận Hoài nhơn và các thủ phạm về các cuộc sát hại và khủng bố Phật-tử sẽ bị đưa ra Tòa án Cách-mạng xét xử.

Những triệu chứng đàn áp Phật-giáo cũng đã xuất-hiện tại tỉnh Quảng-trị. — Từ mấy tháng nay, dân chúng Phật-tử tỉnh Quảng-trị rất xôn xao lo ngại trước những hành động khủng bố đàn áp Phật-tử của một số cán bộ cấp xã thôn. Các khuôn hội, các gia-đình Phật-tử đã tới tấp gọi thợ kêu cứu lên Giáo-hội các hành động khủng bố đó đại khái là: mang vũ khí đột nhập diện thờ Phật, phá rối và dọa nạt cuộc họp của Phật-tử khuôn, vào thuyết chính trị tại diện Phật — Bắt bớ các Phật-tử ngay trong lúc họ đang công tác Phật sự. Bắt bớ và giam giữ những người Phật-tử đã tố cáo những tội ác của bọn dư đảng chế độ cũ. Hội viên Cảnh sát dân vệ xã đến dọa nạt và ngăn trở sinh hoạt của khuôn hội và đe dọa cấm không cho Gia-đình Phật-tử góp tiền nhau để làm quỹ đi dự lớp huấn luyện gia-đình văn văn...

Huế: Thượng-Tọa Thích MINH-CHÂU du học 12 tại Ấn-độ đã về nước. — Thượng-Tọa MINH-CHÂU đã về Huế chiều ngày 14-4-64 cùng một chuyến phi cơ với Thượng-Tọa Trí-Thủ, Thượng-Tọa Trí-Quang và Bác-sĩ Erich Wulf người bạn tốt của Phật-giáo Việt-Nam. Con đường từ Huế về đến sân bay Phú-bài, đông đặc xe cộ và người đứng hai bên vệ đường tức tức nghênh đón Thượng-Tọa

Tại phi trường, người đông nghịt lớp trong lớp ngoài (gồm có rất đông quý vị Tăng-ni Phật-tử Nam, Bắc Tông thuộc các giai tầng) đến tận quanh sân bay. Thật là một đoàn rước khổng lồ, có tánh cách quần chúng sâu rộng xưa nay chưa từng thấy sự thành tâm và đông đảo quá mức như vậy. Chiều hôm ấy về đến chùa Từ-Đàm, Thượng-Tọa đã ngỏ lời chào mừng và tán thán Phật-tử cố đô đã cúng dường nhiều công đức trong mùa Pháp nạn. Trong những ngày tiếp theo, Thượng-Tọa đã đi thăm viếng các chùa, trường Bồ-Đề và gia đình các Thanh-tử-đạo, dự những tiệc trà thân mật do Gia đình Phật-tử, Sinh-viên Phật-tử Tòa Soan Liên-Hoa v.v... khoản đãi. Thượng-Tọa cũng đã nói chuyện với đồng bào Phật-tử tại chùa D.ệu-Đế.

Ngày 18-4-64, Thượng-Tọa

MINH-CHÂU đã được Thượng-Tọa Trí-Thủ Viện-trưởng Viện Cao-Đẳng Phật-học cùng một phái đoàn tăng-sĩ hướng-dẫn đi thăm Phật-tử Đà-Nẵng, Quảng-Nam và cũng rất đông Phật-tử tiếp đón tận đèo Hải-Vân.

Đại-Đức Bửu-Chơn (Nam tôn) thuyết pháp tại các tỉnh Trung-phần. — Đại-Đức Bửu-Chơn, trong ba chứng minh Giáo-hội Phật-giáo Thống-nhất, trung tuần tháng 4-1964, đã đi thăm viếng Phật-tử Quảng-tín, Hội-an, Đà-Nẵng, Huế, Quảng-trị. Tại các nơi trên, Đại-Đức đã thuyết pháp được Phật-tử dự thính đông, dẫu và nhiệt-liệt hoan nghênh. Tại chùa Diệu-Đế (Huế) trong 2 đêm 19 và 20-4-64, Đại-Đức đã thuyết pháp về các đề tài « Phật-giáo thế giới hiện nay » và « Phật-giáo và khoa-học ».



Sự đón tiếp T. T. Minh-Châu tại Từ-Đàm

HUẾ: Đại lễ tiểu tường cho các Thánh Tử Đạo và cầu siêu cho các Phật-tử bị sát hại ở các tỉnh Trung-phần.— Phật-giáo-đồ cổ-đô Huế đã cử hành tại chùa Từ-Đàm ngày 14 và 15 tháng 3 âm-lịch Giáp-Thìn, đại lễ tiểu tường cho các Thánh Tử Đạo năm ngoài. Đồng thời các đoàn Phật-tử Huế cũng tổ chức lễ cầu siêu trọng thể cho các Phật-tử bị dư đảng chế độ Ngô triều thù tiêu tại Bình-Định v. v...

Lễ xây cất Trụ-sở Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất. — Ngày 26-4-64, dưới sự chứng minh của Đức Tăng-Thống G.H.P.G.V.N.T.N. và sự chủ tọa của Thượng-tọa Viện-trưởng Viện Hóa-Đạo cùng sự hiện diện của Trung-tướng Quốc-trưởng, Trung-tướng Thủ-tướng, chư vị Thượng-tọa, Đại-đức Nam-tông, Bắc-tông cùng rất đông Phật-tử Thủ-đô, Lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng Trụ-sở G.H.P.G.V.N.T.N. đã được cử hành trọng thể vào hồi 8 giờ sáng tại địa điểm gần đường Trần-Quốc-Toàn (Saigon).

Đào được tượng Phật ở Quảng-Ngãi. — Ngày 8-2 năm Giáp-Thìn lúc 16 giờ tại Ấp Tân-Đại, Thôn Tân-Quang, Xã Tư-Thành, Quận Tư-Nghĩa Tỉnh Quảng-Ngãi có 3 người đào đất được tượng ngồi Đức Quán-Thế Âm ngang 0m40, cao 0m80 bằng đồng đỏ thếp vàng nặng độ 50kg. Hiện nay tượng được an vị tại một nhà Hội đệ thập phương lễ bái và Khuôn hội Phật-giáo Tư-Thành đang cùng dân chúng địa phương chuẩn bị kiến tạo một ngôi chùa tại Thôn Tân-Quang.

Đại-Đức Thích Nhất-Hạnh giảng thuyết tại Chùa Từ-

Đàm Huế. — Liên tiếp ba buổi vào ngày 1, 2 và 3 tháng 5 năm 1964, Đ.Đ. Nhất-Hạnh, nguyên giáo-sư Triết tại Đại-Học-Đường Columbia, hiện Chủ bút tuần báo Hải-Triều-Âm, đã diễn thuyết tại giảng đường Chùa Từ-Đàm Huế về vấn đề «Thể hiện Phật-giáo trong cuộc sống hiện tại». Cử tọa phần đông là giới trí-thức Sinh-viên nhiệt liệt hoan nghênh.

Giáo-sư Richard A. Gard (Mỹ) giảng thuyết tại Chùa Từ-Đàm Huế. — Chiều 2-5-64, giáo-sư Richard A. Gard đã thuyết trình tại giảng đường Chùa Từ-Đàm đề tài «Vài ý niệm về giáo dục Phật-giáo» trước một cử-tọa phần đông là trí-thức và Sinh-viên, với sự hiện diện của ông Lãnh-Sự Mỹ tại Huế. Đề tài đã hấp dẫn được cử-tọa và mọi người hoan hỷ tán đồng những ý kiến chân xác của diễn giả là một nhà nghiên cứu nổi danh về các vấn đề Phật-giáo.

Triển lãm Tranh và Ảnh trong dịp Phật-Đàn 2508 tại Huế. — Trong dịp lễ Phật-Đàn 2508, Ban Văn Mỹ Nghệ Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Thừa-Thiên, có tổ chức một tuần lễ triển lãm tranh và ảnh tại Chùa Từ-Đàm đề cúng dường Tam-Bào. Cuộc triển lãm này có sự tham dự đông đảo của các họa-sĩ, nhiếp ảnh gia xa gần.

Đại-hội đồng Phật-giáo Darlac. — Đại-hội đồng Phật-giáo Darlac họp ngày 14 và 15-3-64 đã bầu xong ban Đại-diện Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất tại Darlac do Đại-Đức Thích Minh-Đức làm chánh Đại-diện. Ban Xã-hội Phật-giáo Darlac cũng

như Ban Hướng dẫn Gia - đình Phật - từ Darlac đã khai hội và chấn chỉnh xong các ban lãnh đạo.

Lớp học Phật-Pháp cho quý vị Tăng, Ni Thừa - Thiên: Lúc 9 giờ sáng ngày 14 tháng 2 âm lịch đã khai giảng tại giảng đường Chùa Linh-Quang, lớp học Phật-Pháp cho quý vị Tăng, Ni toàn tỉnh Thừa - Thiên. Lớp này được tổ-chức theo quyết - định của Ban Đại-diện G. H. P. G. V. N. T. N. Thừa - Thiên và do quý Thượng-Tọa, Đại-Đức ở Huế phụ trách giảng huấn.

Hoạt động của Giáo - Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất. — Ngày 14-4-64 Thượng-tọa Viện - trưởng Viện - Hóa - Đạo đã hướng-dẫn Phái-đoàn Phật-giáo và báo chí đến tỉnh An-giang để chánh thức bổ nhiệm Ban Đại-diện tỉnh.

Ngày 12-4-64 lễ nhận chức của Ban Đại - diện tỉnh đã được cử hành trong thể với sự hiện diện của Trung-Tá Tỉnh-Trưởng và thân sĩ trong tỉnh. Hồi 13g30 Thượng-Tọa và Phái-đoàn viếng thăm tổ đình Phật-giáo Hòa - Hảo và được sự đón tiếp nồng hậu của các cấp lãnh đạo tối cao của Phật - giáo Hòa - Hảo. Sau đó Thượng-Tọa theo lời yêu cầu của các địa phương đã đi thăm quận-ly Châu đốc, quận Thốt-Nốt và Sư-đoàn 9.

Đại-Hội Phật - Giáo Thống-Nhất, tỉnh Long - An. — Sáng 19-4-64 Đại-hội Phật-giáo Thống-Nhất tỉnh Long - An đã khai diễn và đã bầu cử xong Ban Đại-diện tỉnh do Hòa-Thượng Thích Hóa - Sư làm Chánh Đại-diện, Đại-Đức Thích Minh-Tánh và Bác-sĩ Đào-tuấn-Kiệt làm Phó Đại-diện.

TIN THẾ GIỚI

Phật - giáo tại Pháp — Từ báo The Middle Way (Trung-đạo)

ở Luân-đôn có cho biết là tại tỉnh Aix-en-Provence ở Pháp, dân chúng đã chú trọng nhiều đến Phật-giáo. Tại đây một hội Phật-giáo đang được thành lập do ông Pierre Dupin lãnh đạo. Đại-đức Rahula đã thuyết trình về Phật-giáo và sau buổi nói chuyện có chiếu phim về đời sống đức Phật. Ban chấp hành của Hội Phật-giáo Anh-quốc có tiếp xúc với các vị sẽ làm sáng lập hội viên Phật-giáo ở Aix-en-Provence.

Hội phụ-nữ Phật-giáo Tích-Lan. — Trong buổi họp kỷ niệm lần thứ 14 ngày thành lập của hội Phụ-nữ Phật-giáo Tích-Lan tại Colombo, bà Thủ-tướng Tích-Lan Bandaranaike đã tỏ ý lấy làm tiếc con số hội-viên từ 770 người đã sụt xuống chỉ còn 450, và đó là một sự tai hại lớn cho chương trình hoạt động của Hội.

Bà nói các Phật-tử không có sự tổ chức đảng hoàng chỉ vì những bất đồng ý kiến vụn vặt và nếu họ muốn góp sức hiệu quả cho tôn giáo và tổ quốc thì họ phải cùng nhau sát cánh hoạt động.

Bà Somie Meegama đã được bầu làm tân chủ tịch của Hội.

Có 3.000.000 Phật-tử tại Ấn-độ. — Tại Tân Đê-Li, ông Bộ-trưởng Nội-vụ Ấn-độ, Chandrasekhar đã tuyên bố là dân số Phật-tử Ấn-độ từ 180.823 năm 1951 đã tăng lên 3.250.227 vào năm 1961.

Những buổi nói chuyện về Phật-giáo tại Anh-quốc — Trên 300 Phật-tử, mà hơn phân nửa là người Anh, đã dự những buổi nói chuyện về tham thiền trong 2 ngày do đại đức Saddhatissa tại hội văn-hóa Phật-giáo Luân-đôn ở Birmingham — Thành phần hội viên gồm mọi người ở vùng Midlands và số hội viên càng ngày càng tăng thêm.

Hộp Thư Tòa-soạn

Chúng tôi đã nhận được những bài sau đây :

THƠ : Ác-mộng : *Tâm-Tấn*, Nhớ ngày hôm nào : *Minh-Định*, Ngài Hòa-Thượng Thích-Tịnh-Khiết : *Vô-Ngọc-Trác*, Chùa cũ người đi bao nhớ thương : *Hoàng-Anh*, Kính mừng Phật-Giáo Thống-Nhất : *Nguyễn-Đầu-Quang*, Chết vì đạo : *Nguyễn-Tho*, Lạy Phật... : con ra đi : *Hồng-Quốc-Trung*, Khuyển người học Đạo : *Thanh-Minh*, Niềm tin, Chứng tích : *Minh-Trí*, Đi tìm đường : *Nguyễn-Châu*, Nhân-duyên « Kính trao về thầy Thích Chơn-Không » : *Thanh-Pháp*, Cầu nguyện, Chợt thức : *Trà-Khưu-Long*, Tắc lòng đệ tử : *Tương-Phổ*, Tình thương : *Hoài-Mai*, Phật-hóa Gia-đình : *Tâm-Nghĩa*, Tiếng chuông đêm khuya : *Hoàng-Tấn-A*, Kỷ-niệm ngày 15-4-63 và ngày 1-11-63, Di ảnh : *Trà-Kim-Long*, Lời kinh khẩn nguyện, Sự thật đêm 20-8-1963, Bài ca bất khuất : *Hoàng-Xuân-Ngũ*, Những vì sao sáng, Tàn lức, Kính lạy đấng Từ-bi, Ngọn lửa hồng : *Vinh-Linh-Giang*, Xin cảm ơn : *Phan-Anh-Phu*, Tiếng sừng cách mạng : *Minh-Định*, Vì đâu nên nỗi, Cảnh chùa buổi chiều Phật-tử : *Thiên-Điệu*, Tình yêu — Đông-Minh (Nguyễn-thụy-Sư) Vịnh Hòa - thượng Thích-Quảng-Đức : *Nguyễn-Lương-Tâm*, Lửa từ bi : *Hoài-Mai*, Hồ sen lạnh : *Minh-Ngọc*, Kỷ-niệm ngày 15-4 năm Quý-mão (8-5-63) Lễ Phật-Đản ở Huế bị chính-quyền Ngô-Đình-Diệm đàn áp : *Đỗ-Hứa*, Mong ước : *Thích-Nghê-Liêm*, Niềm tin thế hiện : *Anh-Hiền*, Một thời độ ĐSVPT, Ngày lễ Kỷ-niệm Bát-Thánh-Tử vì Đạo của Người Phật-tử và danh Binh-Thuật : (*Tâm-Lương*), Hy-sinh vì đạo, Thương và xót Huế, Phật-tử Việt-Nam anh-dũng, Cầu cho từ đạo vãng sanh, Thương người từ đạo, Cái chết vinh quang, Phật-tử Đoàn kết, Đạo Phật là đạo dân ta, Bảo-vệ Phật kỳ, Phật-giáo bất diệt : của *Tâm-Lương*, Đình trường niệm : *Kính-Bang*, Con đã khóc : *Đức-Thương*, Người thời áo, Chiều ấy con về thăm mẹ : *Nhi-Ngọc*, Tình thương : *Minh-Thế (Hà-Tiến)*, Về đi em ! Sấm-hối, Không thể diệt : *Chơn-Đấng (ĐVL)*, Trường-ca, Lửa từ bi : *Linh-Linh-Hoa*, Những ngày hôm qua II và III : *Minh-Trí (Tu viện Nguyễn-Thiều)*, Linh ca Di sử : *P.X.*, Trở lại : *Lê-Tâm-Thiên*, Bài thơ kính điệu : *Phan-Ngọc-Hoàng*, Đoàn lam non : Mầu áo lam : *Thị-Thị Hoài-Mộng*, Lửa từ bi : *Han-Xích-Truyền*, Lửa Hồng Thiêng : *Minh-Ngọc*, (Còn nữa)

Phật-Tử nên dùng và cổ-động :

- **Hương Giải-Thoát**
- **Vị-trai lá Bồ-Đề**

DO PHẬT-HỌC-VIỆN SẢN-XUẤT

In tại Nhà in LIÊN-HOÀ, đường Lam-Sơn — HUẾ